



- Cảnh báo**
- Các sản phẩm của Daikin được sản xuất để xuất khẩu sang rất nhiều nước trên toàn thế giới. Trước khi mua hàng, hãy xác nhận với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ được ủy quyền tại địa phương để biết sản phẩm có tuân theo các tiêu chuẩn có thể áp dụng, và phù hợp sử dụng ở vùng mà sản phẩm sẽ được sử dụng. Với quan điểm này, chúng tôi không có ý ngăn chặn, hạn chế hay thay đổi việc áp dụng bất kỳ quy định pháp luật nào tại địa phương.
 - Hãy yêu cầu một nhà thầu hay người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt thiết bị này. Không cố tự lắp đặt thiết bị vì lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
 - Chỉ sử dụng linh kiện hay phụ tùng thay thế do Daikin chỉ dẫn hoặc cung cấp. Hãy yêu cầu một nhà thầu hoặc người lắp đặt có chuyên môn lắp đặt các linh kiện, phụ tùng thay thế. Sử dụng các linh kiện hay phụ tùng thay thế không được phép hay lắp đặt không đúng cách có thể dẫn đến rò rỉ nước, chất làm lạnh, gây chập điện hay cháy nổ.
 - Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Sách hướng dẫn sử dụng có cung cấp các hướng dẫn an toàn và cảnh báo quan trọng. Phải tuyệt đối tuân thủ theo những chỉ dẫn này.

Liên hệ với nhà nhập khẩu, nhà phân phối và/hoặc nhà bán lẻ tại địa phương khi có yêu cầu.

Lưu ý về sự ăn mòn sản phẩm

1. Không nên lắp đặt máy điều hòa không khí tại những nơi sinh ra khí ăn mòn như khí axit hoặc kiềm.
2. Nếu dàn nóng được lắp gần bờ biển, nên tránh vị trí đón gió biển trực tiếp. Nếu bạn muốn lắp dàn nóng gần bờ biển, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương.

Đại lý phân phối



DAIKIN INDUSTRIES, LTD.

- HEAD OFFICE
Umeda Center Bldg., 2-4-12, Nakazaki-Nishi, Kita-ku, Osaka, 530-8323 Japan
CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)
- VĂN PHÒNG CHÍNH
Tầng 14-15, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 62 504 888 Fax: (08) 62 504 999
- CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower, 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 35 657 677 Fax: (04) 35 657 688
- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4, P.Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 362 4250 Fax: (0511) 362 4251
www.daikin.com.vn

© All rights reserved
Printed in Vietnam 08/15/006 DAV

DAIKIN

VN-PCSVN1412

THỔI TRÒN

SkyAir



HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Loại một chiều lạnh [50Hz]

Loại hai chiều lạnh/sưởi [50Hz]

Super Inverter

INVERTER

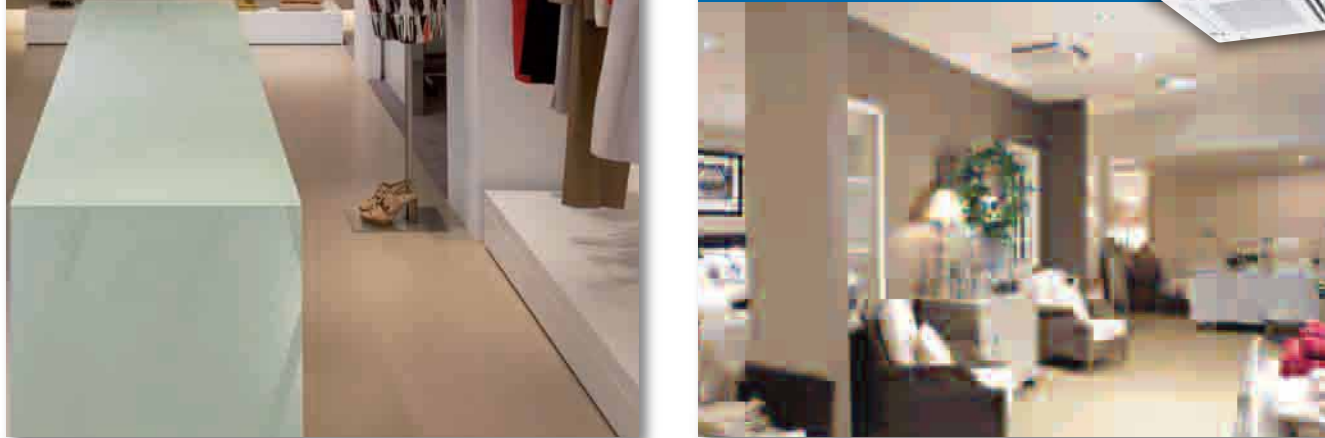
R-410A

Với sự đa dạng trong chủng loại dàn lạnh inverter và nguồn điện, Daikin tự tin đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN <Thổi tròn >



LOẠI CASSETTE ÂM TRẦN BỐN HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN



LOẠI ÁP TRẦN



LOẠI ÂM TRẦN NỐI ỚNG GIÓ DẠNG MỎNG



LOẠI NỐI ỚNG GIÓ, ÁP SUẤT TĨNH CAO & TRUNG BÌNH



LOẠI TỦ ĐỨNG ĐẠT SÀN



Seri	25	35	50	60	71	100	125	140			
Tổ hợp một dàn nóng - một dàn lạnh	DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi tròn >		DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN 4 HƯỚNG THỜI NHỎ GỌN		DÀN LẠNH ÁP TRẦN		DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH		DÀN LẠNH TỤ ĐỨNG ĐẠT SẴN		
	Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		
	Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		
	Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		
	Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		
Tổ hợp một dàn nóng - hai dàn lạnh hoạt động đồng thời	DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi tròn >		DÀN LẠNH ÁP TRẦN		DÀN LẠNH NỔI ỚNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH		DÀN LẠNH TỤ ĐỨNG ĐẠT SẴN				
	Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh				
	Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng				
	Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh				
	Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng				
DÀN NÓNG		DÀN NÓNG		DÀN NÓNG		DÀN NÓNG		DÀN NÓNG		DÀN NÓNG	
Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn nóng	

Trang 9

Trang 13

Trang 15

Trang 19

Trang 21

Trang 9

Trang 15

Trang 19

Trang 21

Trang 23

Seri	25	35	50	60	71	100	125	140	
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi tròn> 									
	Dàn lạnh		MỚI FCQ50LUV1V	MỚI FCQ60LUV1V		FCQ71LUV1	FCQ100LUV1	FCQ125LUV1	FCQ140LUV1
Dàn nóng			RZQ50KBV1V	RZQ60KBV1V		RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A	RZQ140KCV4A RZQ140HAY4A
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN									
	Dàn lạnh	MỚI FFQ25BV1B	MỚI FFQ35BV1B	MỚI FFQ50BV1B	MỚI FFQ60BV1B				
Dàn nóng	RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FVMA	RXS60FVMA					
DÀN LẠNH ÁP TRẦN									
	Dàn lạnh		MỚI FHQ35BVV1B	MỚI FHQ50BVV1V	MỚI FHQ60BVV1V	FHQ71BVV1B	FHQ100BVV1B	FHQ125BVV1B	MỚI FHQ140CAVEA
Dàn nóng		RXS35EBVMA	RZQ50KBV1V	RZQ60KBV1V	RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A	RZQ140KCV4A RZQ140HAY4A	
DÀN LẠNH ẨM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG									
	Dàn lạnh	MỚI FDXS25CVMA	MỚI FDXS35CVMA	MỚI FDXS50CVMA	MỚI FDXS60CVMA				
Dàn nóng	RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FAVMA	RXS60FVMA					
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN									
	Dàn lạnh			FBQ50BV1A	FBQ60BV1A	FBQ71BV1A			
Dàn nóng			RXS50FAVMA	RXS60FVMA	RXS71FVMA				
DÀN LẠNH NỐI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH									
	Dàn lạnh		MỚI FBQ50DV1V	MỚI FBQ60DV1V		FBQ71DV1	FBQ100DV1	FBQ125DV1	FBQ140DV1
Dàn nóng			RZQ50KBV1V	RZQ60KBV1V		RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A	RZQ140KCV4A RZQ140HAY4A
DÀN LẠNH TỤ ĐỨNG ĐẶT SÀN									
	Dàn lạnh		MỚI FVQ50CVE	MỚI FVQ60CVE		FVQ71CVEB	FVQ100CVEB	FVQ125CVEB	FVQ140CVEB
Dàn nóng			RZQ50KBV4A	RZQ60KBV4A		RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A	RZQ140KCV4A RZQ140HAY4A
DÀN NÓNG 									
	Dàn nóng			MỚI RZQ50KBV1V/KBV4A	MỚI RZQ60KBV1V/KBV4A		RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A
DÀN NÓNG 									
	Dàn nóng	RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FVMA/FAVMA	RXS60FVMA		RXS71FVMA		

Tổ hợp một dàn nóng - một dàn lạnh

Trang 9

Trang 13

Trang 15

Trang 17

Trang 18

Trang 19

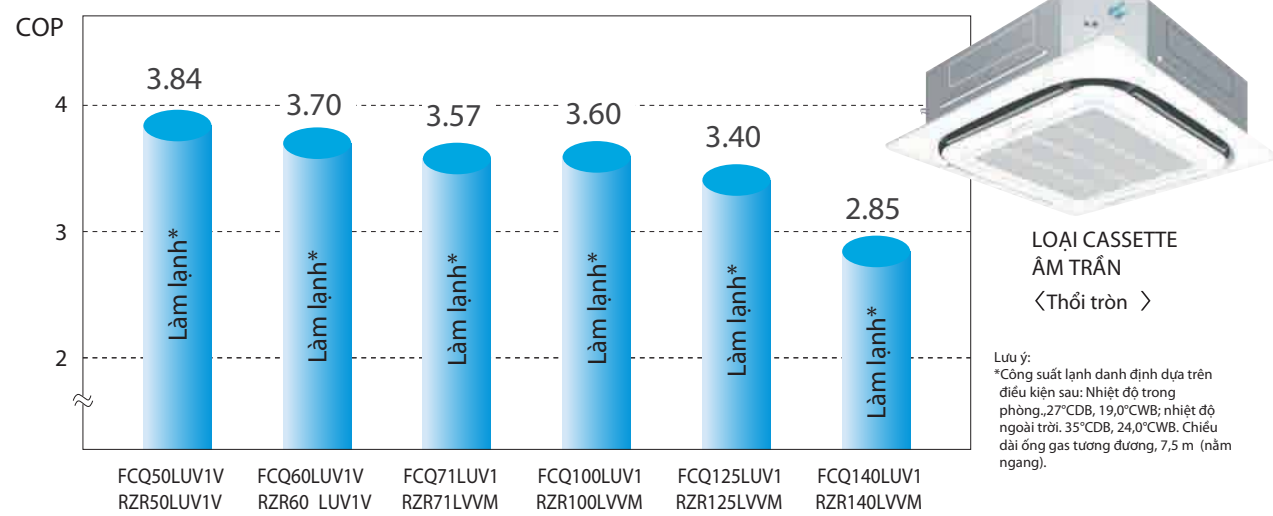
Trang 21

Trang 23

Tiết kiệm năng lượng



Hệ số COP cao



Lưu ý:
* Công suất lạnh danh định dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19,0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24,0°CWB. Chiều dài ống gas tương đương, 7,5 m (nằm ngang).

COP là gì
(Hệ số Hiệu suất)

COP bằng công suất (kW) chia cho điện năng tiêu thụ (kW), giá trị COP càng cao, hiệu suất năng lượng càng cao, giúp giảm điện năng trong quá trình làm lạnh và sưởi ấm, đồng thời tăng khả năng tiết kiệm năng lượng.

Các kiểu dàn lạnh mới

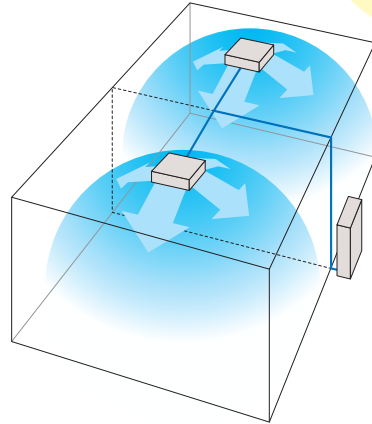


Tổ hợp một dàn nóng - hai dàn lạnh hoạt động đồng thời

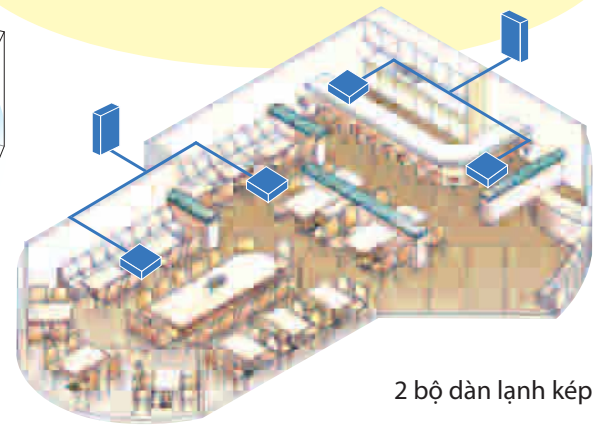


Trang 28

Luồng gió mát mẻ lan tỏa khắp phòng.



Ví dụ, đặt bốn dàn lạnh trong một tầng của nhà hàng để phân tán luồng gió mát mẻ đi khắp phòng.



Dãy sản phẩm Inverter đa dạng



Với sự đa dạng trong chủng loại dàn lạnh inverter và nguồn điện, Daikin tự tin đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Tổng cộng 104 kiểu kết nối

● : Một chiều lạnh ● : Hai chiều lạnh

Loại dàn lạnh	Số pha	Số dàn nóng							
		25	35	50	60	71	100	125	140
Tổ hợp một dàn nóng - một dàn lạnh	LOẠI CASSETTE ẨM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI NHỎ GỌN	●●	●●	●●	●●				
	LOẠI CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi tròn >			●●	●●	●●	●●	●●	●●
	LOẠI ẨM TRẦN		●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●
	LOẠI ẨM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG	●	●	●	●				
	LOẠI GIẤU TRẦN			●●	●●	●●	●●	●●	●●
	LOẠI NỐI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●
	LOẠI TỦ ĐỨNG ĐẠT SẢN			●●	●●	●●	●●	●●	●●
							●●	●●	●●
								●●	●●
									●●
Tổ hợp một dàn nóng - hai dàn lạnh	LOẠI CASSETTE ẨM TRẦN <Thổi tròn >							●●	●●
	LOẠI ẨM TRẦN							●●	●●
	LOẠI NỐI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH							●●	●●
	LOẠI TỦ ĐỨNG ĐẠT SẢN							●●	●●
									●●
									●●

Cảm giác sáng khoái

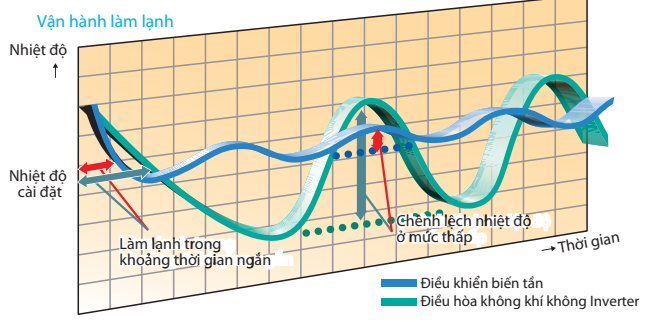


Tận hưởng cảm giác sáng khoái với công nghệ Inverter tiên tiến

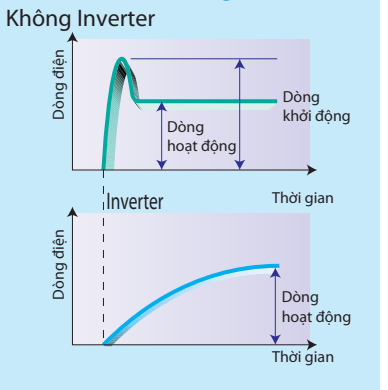
Công nghệ Inverter kiểm soát tần số một cách linh hoạt, giúp máy đạt công suất ưu việt, đồng thời giảm thiểu điện năng tiêu thụ.

Máy điều hòa không khí Inverter đạt đến công suất cực đại ngay khi khởi động làm cho nhiệt độ phòng lạnh lên và đạt đến nhiệt độ cài đặt rất nhanh. Sau đó, công suất sẽ được điều chỉnh dựa theo sự thay đổi nhiệt độ ngoài trời và sự chênh lệch nhiệt độ phòng để đạt được công suất tối ưu, nhờ đó nhiệt độ trong phòng sẽ được duy trì ổn định.

Điều hòa không khí không Inverter sẽ phải tắt và bật nhiều lần, khiến dao động nhiệt độ trong phòng tương đối lớn.

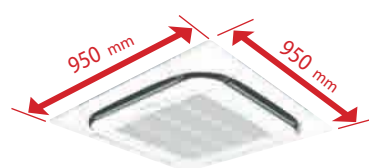


Khi máy khởi động, công nghệ Inverter sẽ từ từ tăng tần số hoạt động, khắc phục tình trạng dòng điện tăng vọt khi khởi động.



Mặt nạ vuông đồng nhất **Kiểu dáng nhỏ gọn, vận hành êm ái**

- Kích thước mặt nạ đồng nhất cho tất cả các công suất, FCQ50/60LUV1V, 60-140LUV1, đảm bảo tính thẩm mỹ khi nhiều thiết bị được lắp đặt.



Bằng nhau cho tất cả các công suất

Dàn lạnh	dB(A)	
	Cao	Thấp
50LUV1V	35	28
60LUV1V/V1	35	28
71LUV1	35	28
100LUV1	43	32
125LUV1	44	34
140LUV1	44	36

Lưu ý: giá trị quy đổi phòng không đối âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

Tận hưởng sự sáng khoái và tiện lợi từ các chế độ thổi gió

Lưu ý: Hướng thổi đã được cài đặt mặc định ở vị trí tiêu chuẩn khi được xuất xưởng. Có thể thay đổi vị trí này bằng điều khiển từ xa.

Hướng thổi	Cài đặt tiêu chuẩn	Cài đặt ngăn bụi bẩn cho trần nhà*
Vị trí mong muốn	Vị trí tiêu chuẩn để ngăn gió lùa.	Khuyến khích sử dụng tại các cửa hàng có trần màu sáng cần làm sạch thường xuyên.
Đào gió tự động	Đào gió tự động trong khoảng 15° và 60°	Đào gió tự động trong khoảng 25° và 60°
Cài đặt hướng thổi 5-mức độ	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau trong khoảng 15° và 60°	Có thể cài đặt 5 mức khác nhau trong khoảng 25° và 60°
Điều khiển hướng thổi tự động	Tự động phục hồi hướng thổi đã cài đặt sau khi có sự cố.	

*Nên đóng các miệng gió ở góc dàn lạnh.

Thích hợp với trần nhà cao

Ngay cả nơi có trần nhà cao, luồng gió sáng khoái sẽ vẫn lan tỏa khắp phòng.

Tiêu chuẩn độ cao trần nhà và số lượng miệng gió.
(Độ cao trần nhà là giá trị tham khảo)

Độ cao trần nhà	Tiêu chuẩn	Số lượng miệng gió được sử dụng							
		50/60LUV1V, 60/71LUV1				100-140LUV1			
		Thổi tròn	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng	Thổi tròn	Thổi 4 hướng	Thổi 3 hướng	Thổi 2 hướng
Mức ①	2.7 m	3.1 m	3.0 m	3.5 m	3.2 m	3.4 m	3.6 m	4.2 m	
Mức ②	3.0 m	3.4 m	3.3 m	3.8 m	3.6 m	3.9 m	4.0 m	4.2 m	
Mức ③	3.5 m	4.0 m	3.5 m	—	4.2 m	4.5 m	4.2 m	—	

Lưu ý: Các cài đặt mặc định của nhà sản xuất áp dụng cho độ cao trần tiêu chuẩn và luồng khí 360°. Độ cao trần (1) và (2) được cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa.

Hai bộ cảm biến nhiệt có thể lựa chọn

Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể được đặt ở ngay trên dàn lạnh hoặc ở gần khu vực mục tiêu trên bộ điều khiển từ xa có dây để tăng cảm giác mát mẻ. Tính năng này phải được cài đặt bởi kỹ thuật viên trong quá trình lắp đặt.

*Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều khiển điểu hòa từ một phòng khác.
**Bộ điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt.

Tốc độ quạt có thể điều chỉnh: Cao/Thấp

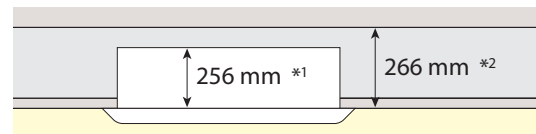
Cài đặt chế độ gió cao để tận hưởng luồng gió mạnh tối đa và cài đặt chế độ thấp để giảm thiểu gió lùa.

Hẹn giờ Bật/Tắt

Dàn sẽ vận hành khi thời gian thiết lập trước ở chế độ hẹn giờ BẬT kết thúc và sẽ dừng vận hành khi thời gian thiết lập trước ở chế độ hẹn giờ TẮT kết thúc.

Lắp đặt dễ dàng và nhanh chóng

- Với độ dày chỉ 256mm, máy có thể được lắp đặt bên dưới các trần nhà hẹp.



*1 Độ dày 298 mm với model 100-140LUV1
*2 Độ dày 308 mm với model 100-140LUV1

Dễ dàng điều chỉnh độ cao

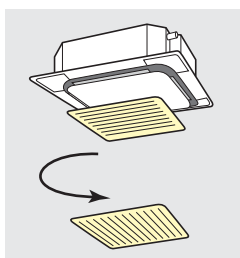
Mỗi góc máy đều có vít điều chỉnh giúp cho việc thay đổi độ cao khi treo máy trở nên đơn giản.

Lưu ý: Nếu lắp đặt thiết bị điều khiển từ xa không dây tùy chọn, thiết bị thu tín hiệu gọn nhẹ được lắp vào một trong các ổ điều chỉnh.

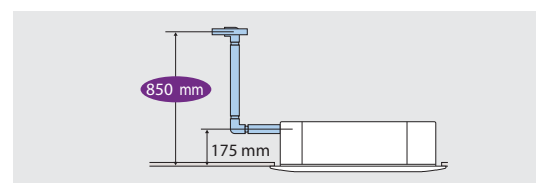
- Do trọng lượng nhẹ nên tất cả các model đều không cần thiết bị nâng khi lắp đặt

Có thể lắp máy theo bất cứ hướng nào

Hướng của lưới hút gió có thể được điều chỉnh sau khi lắp đặt, tạo sự đồng nhất cho toàn không gian có nhiều máy được lắp đặt.



- Hệ thống bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn có thể lắp với độ cao 850 mm.



Đầu nối ống nước xả trong suốt

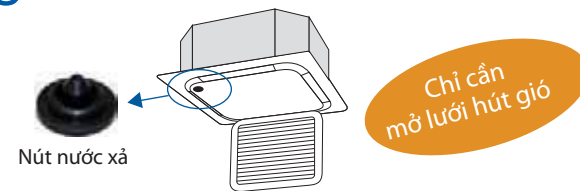
Vì đầu nối ống nước xả trong suốt, sau khi lắp ống nước xả có thể dễ dàng kiểm tra nước xả đi ra qua đầu nối.



- Có thể kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm mà không cần sử dụng phụ kiện tùy chọn.
- Phát hiện áp suất gas thấp

Dễ dàng bảo dưỡng

- Có thể kiểm tra tình trạng của máng nước xả và lưới hút gió bằng cách mở nút nước xả và lưới hút gió.



Chỉ cần mở lưới hút gió

- Với phin lọc siêu bền (phụ kiện tùy chọn), không cần thực hiện bảo dưỡng trong vòng 4 năm đối với các cửa hàng và văn phòng thông thường.

Phụ kiện cần thiết đối với máy vận hành trong môi trường đặc biệt

Phin lọc siêu bền
Ngay cả trong môi trường nhiều khói, máy điều hòa phải hoạt động liên tục, phin lọc siêu bền chỉ cần được thay mỗi năm một lần.

Môi trường nhiều khói: Thay phin lọc hàng năm
* Đối với mặt độ bụi với hàm lượng 0.3 mg/m³ (Cần máy làm sạch không khí riêng biệt)
1 năm (Xấp xỉ 5,000 tiếng) #5 tiếng/ngày x 28 ngày/tháng x 12 tháng/năm

Văn phòng và cửa hàng thông thường: Thay phin lọc sau mỗi 4 năm
* Đối với mặt độ bụi với hàm lượng 0.15 mg/m³
4 năm (Xấp xỉ 10,000 tiếng) #3 tiếng/ngày x 25 ngày/tháng x 4 năm

Đệm mặt nạ
Chỉ sử dụng khi khoảng cách giữa lớp trần và tấm trần nhỏ.

Lưu ý: Một số cấu trúc trần nhà có thể gây khó khăn cho việc lắp đặt. Hãy liên hệ với Đại lý Bán hàng của Daikin trước khi lắp đặt.

Phin lọc hiệu suất cao
Có hai loại: độ màu 65% và 90%.

Bộ nạp gió tươi
Bộ dụng cụ này được nối với ống gió nhằm tăng công suất hút gió tươi ngoài trời.

Note: *Các ống nối, lưới chắn côn trùng, đệm chống cháy, phin lọc khí và các phụ kiện cần thiết khác có bán tại địa phương.
**Cần khóa lần máy điều hòa không khí và quạt gió. Cần thêm thiết bị PCB(KRP1C63) để thực hiện khóa lần.
***Khuyến cáo lưu lượng gió tươi cấp vào qua bộ lấy gió tươi chỉ tối đa là 10% lưu lượng gió của dàn lạnh. Trong trường hợp lưu lượng này quá cao sẽ gây ra tiếng ồn cũng như sự không ổn định về nhiệt độ.

Dàn lạnh có thể được lắp đặt theo các cách khác nhau như sau:

Loại có khoang
(Không có ống nối chữ T và quạt)

KDDP55B160

Loại có khoang
(Có ống nối chữ T và không có quạt)

KDDP55B160K

Loại lắp trực tiếp

KDDP55X160

Lưu ý: Sử dụng các phụ kiện tùy chọn sẽ tăng độ ổn khi hoạt động.

Vận hành êm ái, kiểu dáng hài hòa, dễ dàng lắp đặt trong các tòa nhà cũ hoặc mới.



Loại một chiều làm lạnh/Loại hai chiều lạnh-sưởi
FFQ25/35/50/60BV1B

Phụ kiện tùy chọn
Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

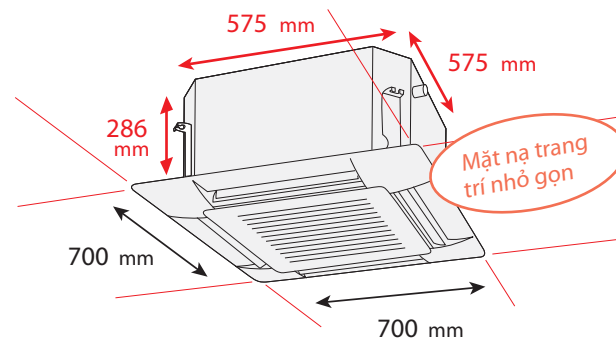
Điều khiển từ xa LCD có dây
BRC1C61
Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cáp trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển điều hướng từ xa
(Điều khiển từ xa có dây)
BRC1E62
Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cáp trang bị riêng khi lắp đặt.

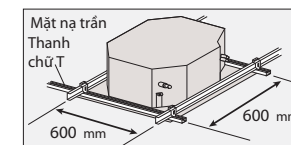
Điều khiển từ xa LCD không dây
Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu.
Loại một chiều lạnh BRC7E531W
Loại hai chiều lạnh-sưởi BRC7E530W
Bộ thu tín hiệu (Loại lắp sẵn)
Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Thiết kế nhỏ gọn Thoải mái

- Kích thước vừa khít với ô trần rộng 600 mm



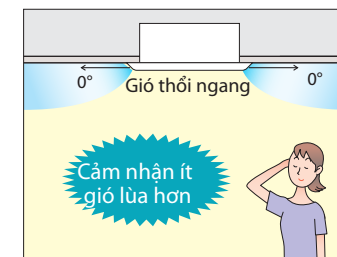
- Vừa khít, không cần cắt bỏ các thanh chữ T bị thừa ra.



Hộp công tắc tích hợp sẵn trong máy, chỉ cần tháo rời lưới hút gió để bảo dưỡng. Không cần kiểm tra mở, cho cả loại có kích thước lớn hơn 600 x 600.



- Thiết kế hạn chế gió lùa



- Sáng khoái mọi nơi

- Chế độ đảo gió tự động phân tán không khí đồng đều khắp phòng.
- Có thể điều chỉnh góc của luồng gió theo điều kiện phòng.

	Tự động đảo	Cài đặt hướng thổi 5-mức độ
Cài đặt tiêu chuẩn	0° Tự động đảo trong khoảng 0° và 60°	0° Có thể cài đặt 5 mức khác nhau trong khoảng 0° và 60°
Cài đặt chống gió lùa (Cài đặt tại chỗ)	0° Tự động đảo trong khoảng 0° và 35°	0° Có thể cài đặt 5 mức khác nhau trong khoảng 0° và 35°
Cài đặt chống bắn trần (Cài đặt tại chỗ)	25° Tự động đảo trong khoảng 25° và 60°	25° Có thể cài đặt 5 mức khác nhau trong khoảng 25° và 60°

Lưu ý: Góc bên trên là ví dụ hướng dẫn. Góc này có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí lắp đặt.

Yên tĩnh

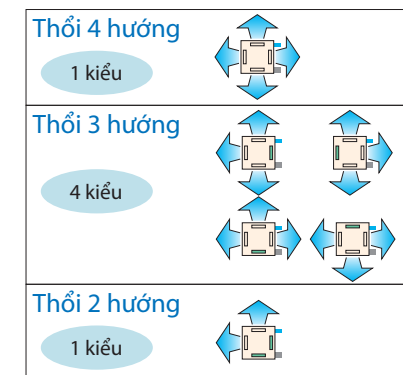
- Quạt nhỏ, vận hành yên tĩnh

Quạt có nắp đậy trực xoay, nên áp suất tĩnh bên trong dàn lạnh giảm đáng kể. Do đó, khi hoạt động, máy chạy rất êm, kể cả với loại dàn lạnh dạng compact.



Vỏ bọc trực xoắn ốc →

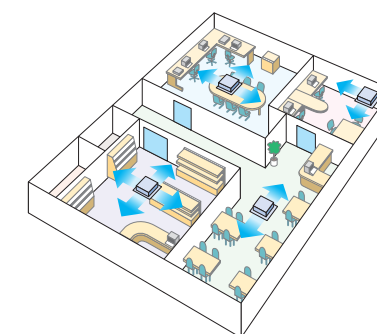
- Hệ thống Đa hướng Thổi



■ biểu thị hướng đường ống. □ Đường ống xả
■ biểu thị vật liệu chắn gió dành cho các miếng gió (phụ kiện tùy chọn)

Lưu ý: Đối với kiểu lắp đặt dành cho hệ thống 3 hướng thổi và 2 hướng thổi, phải sử dụng vật liệu chắn gió dành cho các miếng gió (phụ kiện tùy chọn) để khóa toàn bộ các cửa không sử dụng.

- Có thể chọn hướng thổi theo điều kiện lắp đặt.



Lưu ý: Khi sử dụng chế độ 2 hoặc 3 hướng có thể làm tăng tiếng ồn khi hoạt động.

- Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn

Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có bộ cảm biến nhiệt. Để tăng tính tiện nghi, cảm biến nhiệt có thể được đặt ở ngay trên dàn lạnh hoặc ở gần khu vực mục tiêu của bộ điều khiển từ xa có dây. Tính năng này phải được cài đặt ngay khi lắp đặt.

* Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều khiển điểu hòa với một phòng khác.
** Bộ điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt.

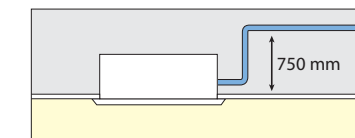
- Khởi động nóng (sau khi xả đá)

Ngăn gió lùa lạnh khi khởi động chế độ sưởi hoặc chuyển sang chế độ sưởi sau khi xả đá.

- Tốc độ quạt có thể điều chỉnh: Cao/Thấp

Cài đặt chế độ Cao để tận hưởng luồng gió mạnh tối đa và cài đặt chế độ Thấp để giảm thiểu gió lùa.

- Hệ thống bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn có thể lắp với độ cao 750 mm.



Tính năng

	Tiện nghi				Điều khiển từ xa				Vệ sinh	Hoạt động và bảo dưỡng				Tính năng điều khiển				Tùy chọn	Khác												
	Đào gió tự động	Chọn mô hình đảo gió	Chức năng ngăn gió lùa (chiều xuôi)	Tốc độ quạt có thể điều chỉnh (2 bước)	Chế độ "Làm khô"	Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn	Khởi động chế độ sưởi (sau khi xả đá)	Làm sạch quanh năm		Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt	Cài đặt biến đổi nhiệt độ	Lập lịch hàng tuần	Hiện giờ tắt (đã được lập trình)	Hiện giờ Bật/Tắt	Phin lọc khí kháng khuẩn	Khay xả chống ẩm mốc	Hệ thống bơm nước xả			Mô-đun lạnh nạp sẵn lên đến 10m	Phin lọc có độ bền cao	Kỹ hiệu bộ lọc	Chống làm bẩn trần nhà	Chức năng tự chẩn đoán	Tự động khởi động lại	Tự động chuyển đổi chế độ làm lạnh/sưởi	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển nhòm bằng 1 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển theo lệnh ngoại vi	Điều khiển trung tâm từ xa	Điều khiển khóa lần
Loại một chiều lạnh	●	●	●	●	●	*1	●	*2	*3	*3	*3	*4	●	●	●	*5	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	*5
Loại hai chiều lạnh-sưởi	●	●	●	●	●	*1	●	*2	*3	*3	*3	*4	●	●	●	*5	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	*5

*1 Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây

**1 Áp dụng khi dùng BRC1C61

**2 Áp dụng khi nhiệt độ ngoài trời dao động trong khoảng 10 đến 46°CDB

**2 Áp dụng cho dàn nóng

**3 Áp dụng khi dùng BRC1E62

Dàn lạnh	Cao	Thấp
25B	29.5	24.5
35B	32	25
50B	36	27
60B	41	32

Lưu ý: 3 Giá trị chuyển đổi khoảng cách âm được đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Do điều kiện môi trường xung quanh, trong quá trình vận hành, giá trị này có thể cao hơn.

Luồng gió sáng khoải lan tỏa khắp phòng



Loại một chiều lạnh/Loại hai chiều lạnh-sưởi
 FHQ35BVV1B
 FHQ50/60BVV1V
 FHQ60BVV1G
 FHQ71/100/125BVV1B
 FHQ140CAVEB(A)

FHQ71BV

MỚI

FHQ140CA

Phụ kiện tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

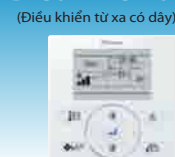
Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển điều hướng từ xa



BRC1E62

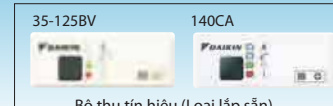
Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây

Bộ thu tín hiệu phải đi kèm với dàn lạnh.



Loại một chiều lạnh	35-125BV	BRC7EA66
	140CA	BRC7GA56
Loại hai chiều lạnh/sưởi	35-125BV	BRC7EA63W
	140CA	BRC7GA53



Bộ thu tín hiệu (Loại lắp sẵn)
 Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Tính năng

	Tiện nghi				Điều khiển từ xa		Vệ sinh		Hoạt động và bảo dưỡng				Chức năng điều khiển				Tùy chọn	Khác															
	Đào gió tự động	Chức năng ngăn giọt lùa (chiều sưởi)	Tốc độ gió điều chỉnh được	Chế độ "Làm khô"	Ứng dụng cho trần nhà cao	Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn	Khởi động chế độ sưởi (sau khi xả đá)	Làm lạnh quanh năm	Vận hành yên tĩnh vào ban đêm	Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt	Cài đặt biến đổi nhiệt độ	Lập lịch hàng tuần	Hiện giờ tắt (đã được lắp trình)	Hiện giờ Bật/Tắt	Phin lọc khí kháng khuẩn	Cơ chế bơm xả			Nạp trước lên đến 30 m	Nạp trước lên đến 10 m	Bộ lọc có độ bền cao	Ký hiệu bộ lọc	Phát hiện áp suất gas thấp	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	Chức năng tự chẩn đoán	Tự động khởi động lại	Đổi chế độ làm lạnh/sưởi tự động	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển cụm điều hòa bằng 1 bộ điều khiển từ xa bên ngoài	Điều khiển tung lăm từ xa	Điều khiển khóa lán	Tiêu chuẩn kết nối DIIH-NET	Bộ nạp gió tươi
Loại một chiều lạnh	●	—	*1	●	*2	*3	—	*4	*6	*8	*8	*8	*8	*9	●	*10	*6	*11	●	●	*6	*6	●	●	—	●	●	●	●	●	*13	*13	*14
Loại hai chiều lạnh/sưởi	●	●	*1	●	*2	*3	●	*5	*7	*8	*8	*8	*9	●	●	*10	*7	*12	●	●	*7	*7	●	●	●	●	●	●	●	●	—	—	*14

*1FHQ35-125BV: 2 bước, FHQ140CA: 3 bước
 *2Có thể lắp đặt trên trần cao 3.5 m (35-125BV), 4.3 m (140CA).
 *3Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây
 *4Áp dụng cho dàn nóng RKS khi nhiệt độ ngoài trời dao động trong khoảng 10 đến 46°CDB
 *5Áp dụng cho dàn nóng RZR
 *6Áp dụng cho dàn nóng RZQ
 *7Áp dụng cho RXS35 khi nhiệt độ ngoài trời dao động trong khoảng 10 đến 46°CDB
 *8Áp dụng khi dùng BRC1E62
 *9Áp dụng khi dùng BRC1C61
 *10Phụ kiện tùy chọn
 *11Áp dụng cho dàn nóng RKS
 *12Áp dụng cho dàn nóng RXS
 *13Chỉ áp dụng cho FHQ140CA
 *14Áp dụng cho dàn nóng

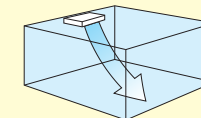
Model 140 mới đáp ứng nhu cầu công suất lớn cho các khu vực có không gian rộng.

• Công nghệ động cơ quạt DC, quạt Sirocco và bộ trao đổi nhiệt lớn kết hợp với nhau tạo ra luồng gió mạnh mẽ nhưng vẫn đảm bảo sự yên tĩnh khi vận hành.
 Cao/Trung bình/Thấp: 46/42/38 dB(A)

• Thiết kế tinh xảo
 Cánh đảo gió đóng khít khi không sử dụng.
 Màu trắng sáng.



• Có thể lắp ở trần có độ cao 4.3 m



• 3 tốc độ quạt: Cao/Trung bình/Thấp

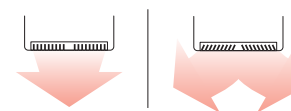
• Có thể kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm mà không cần sử dụng phụ kiện tùy chọn.

• Xử lý kháng khuẩn có sử dụng ion bạc đã được áp dụng cho màng nước xả (tùy chọn), ngăn ngừa sự phát triển của chất nhờn, nấm mốc, vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi.

Cảm giác sáng khoải

• Chế độ tự động đảo (lên và xuống) và cánh đảo gió (điều chỉnh sang trái và sang phải bằng tay) mang lại sự sáng khoải cho căn phòng.

• Có thể điều chỉnh cánh đảo gió bằng tay để có luồng gió phả thẳng xuống hoặc nghiêng góc rộng.



• Có thể lắp ở trần có độ cao 3.5 m (FHQ35-125BV)

• Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn

Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể được đặt ở ngay trên dàn lạnh hoặc ở gần khu vực mục tiêu trên bộ điều khiển từ xa có dây để cảm giác dễ chịu. Tính năng này phải được cài đặt ngay khi lắp đặt.

*Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều khiển điểu hòa từ một phòng khác.
 **Bộ điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt.

• Tốc độ quạt có thể điều chỉnh: Cao/Thấp (FHQ35-125BV)

• Chế độ "Làm khô"

Chế độ làm khô được điều khiển bằng bộ vi xử lý để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột và gây khó chịu.

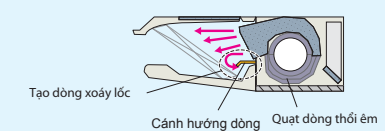
Vận hành êm

• Âm thanh khi vận hành giảm khi lắp dàn lạnh áp trần.

Dàn lạnh	Cao	Trung bình	Thấp
35BVV1B	37	—	32
50/60BVV1V	39	—	35
60BVV1G	39	—	35
71BVV1B	39	—	35
100BVV1B	42	—	37
125BVV1B	44	—	39
140CA	46	42	38

Lưu ý: giá trị quy đổi phòng không đối âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

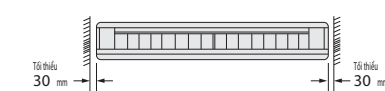
Sử dụng quạt chống ồn và các công nghệ không gây ồn khác. (FHQ35-125BV)



Lắp đặt linh hoạt với mọi kiểu thiết kế

• Lắp đặt linh hoạt

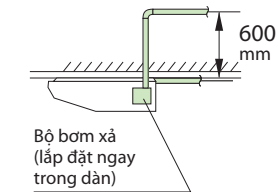
Thích hợp lắp đặt dàn ở những nơi có trần hẹp.



*Nước dùng để kiểm tra được thoát từ cửa xả khí chứ không thoát ra các cạnh như các dòng sản phẩm cũ.

• Ống nước xả có thể dễ dàng lắp đặt (phụ kiện tùy chọn)

Có thể nối ống nước xả ngay bên trong thiết bị. Cửa ra đường ống môi chất lạnh và đường ống thoát nước ở cùng một chỗ.



• Thực hiện các công tác mắc dây và bảo trì ngay bên dưới dàn lạnh

• Dễ dàng lắp đường ống

• Phát hiện áp suất gas thấp

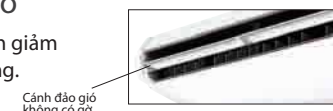
Dễ dàng bảo dưỡng

• Phin lọc có độ bền cao sử dụng trong 1 năm*

*Đối với nơi có hàm lượng bụi bẩn là 0.15 mg/m³
 Hai chế độ cài đặt thời gian (2500 tiếng và 1250 tiếng) để phù hợp với môi trường lắp đặt. Cảnh báo thời gian bảo dưỡng được hiển thị trên điều khiển từ xa (ký hiệu bộ lọc).

• Cánh đảo gió không có gờ

Cánh đảo gió không động sương làm giảm khả năng bám bụi và lau chùi dễ dàng.



• Dễ dàng vệ sinh

Lưới chống dầu

• Lưới hút gió được làm từ lớp nhựa chống bám dầu, giúp kéo dài tuổi thọ của dàn khi sử dụng trong nhà hàng hoặc môi trường khác tương tự.

Lưu ý: Thiết bị loại này được thiết kế sử dụng trong các cửa tiệm, phòng ăn và cửa hàng thông thường, không phù hợp sử dụng ở môi trường trong bếp hay các môi trường khác nghiệt khác.

Luồng gió sáng khoải lan tỏa khắp phòng



Loại một chiều lạnh/Loại hai chiều lạnh-sưởi
 FHQ35BVV1B
 FHQ50/60BVV1V
 FHQ60BVV1G
 FHQ71/100/125BVV1B
 FHQ140CAVEB(A)

FHQ71BV

MỚI
 FHQ140CA

Phụ kiện tùy chọn
 Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển từ xa LCD có dây
 BRC1C61
 Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cẩn trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển điều hướng từ xa
 (Điều khiển từ xa có dây)
 BRC1E62
 Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cẩn trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây
 Bộ thu tín hiệu phải đi kèm với dàn lạnh.

Loại một chiều lạnh	35-125BV	BRC7EA66
	140CA	BRC7GA56
Loại hai chiều lạnh/sưởi	35-125BV	BRC7EA63W
	140CA	BRC7GA53

Bộ thu tín hiệu (Loại lắp sẵn)
 Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

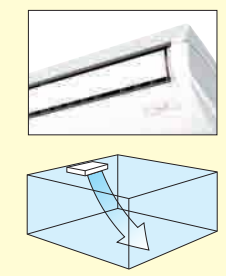
Tính năng

	Tiện nghi				Điều khiển từ xa		Vệ sinh		Hoạt động và bảo dưỡng				Chức năng điều khiển				Tùy chọn	Khác															
	Đào gió tự động	Chức năng ngăn giọt lùa (chiều sưởi)	Tốc độ gió điều chỉnh được	Chế độ "Làm khô"	Ứng dụng cho trần nhà cao	Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn	Khởi động chế độ sưởi (sau khi xả đá)	Làm lạnh quanh năm	Vận hành yên tĩnh vào ban đêm	Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt	Cài đặt biến đổi nhiệt độ	Lập lịch hàng tuần	Hiện giờ tắt (đã được lập trình)	Hiện giờ Bật/Tắt	Phin lọc khí kháng khuẩn	Cơ chế bơm xả			Nạp trước lên đến 30 m	Nạp trước lên đến 10 m	Bộ lọc có độ bền cao	Ký hiệu bộ lọc	Phát hiện áp suất gas thấp	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	Chức năng tự chẩn đoán	Tự động khởi động lại	Đổi chế độ làm lạnh/sưởi tự động	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển cụm điều hòa bằng 1 bộ điều khiển từ xa bên ngoài	Điều khiển tung lăm từ xa	Điều khiển khóa lán	Tiêu chuẩn kết nối DII-NET	Bộ nạp gió tươi
Loại một chiều lạnh	●	—	*1	●	*2	*3	—	*4	*6	*8	*8	*8	*8	*9	●	*10	*6	*11	●	●	*6	*6	●	●	—	●	●	●	●	●	*13	*13	*14
Loại hai chiều lạnh/sưởi	●	●	*1	●	*2	*3	●	*5	*7	*8	*8	*8	*9	●	●	*10	*7	*12	●	●	*7	*7	●	●	●	●	●	●	●	●	—	—	*14

*1FHQ35-125BV: 2 bước, FHQ140CA: 3 bước
 *2Có thể lắp đặt trên trần cao 3.5 m (35-125BV), 4.3 m (140CA).
 *3Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây
 *4Áp dụng cho dàn nóng RKS khi nhiệt độ ngoài trời dao động trong khoảng 10 đến 46°CDB
 *5Áp dụng cho dàn nóng RZR
 *6Áp dụng cho dàn nóng RZQ
 *7Áp dụng cho RXS35 khi nhiệt độ ngoài trời dao động trong khoảng 10 đến 46°CDB
 *8Áp dụng khi dùng BRC1E62
 *9Áp dụng khi dùng BRC1C61
 *10Phụ kiện tùy chọn
 *11Áp dụng cho dàn nóng RKS
 *12Áp dụng cho dàn nóng RXS
 *13Chỉ áp dụng cho FHQ140CA
 *14Áp dụng cho dàn nóng

Model 140 mới đáp ứng nhu cầu công suất lớn cho các khu vực có không gian rộng.

- Công nghệ động cơ quạt DC, quạt Sirocco và bộ trao đổi nhiệt lớn kết hợp với nhau tạo ra luồng gió mạnh mẽ nhưng vẫn đảm bảo sự yên tĩnh khi vận hành.
 Cao/Trung bình/Thấp: 46/42/38 dB(A)
- Thiết kế tinh xảo
 Cánh đảo gió đóng khít khi không sử dụng. Màu trắng sáng.
- Có thể lắp ở trần có độ cao 4.3 m
- 3 tốc độ quạt: Cao/Trung bình/Thấp
- Có thể kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm mà không cần sử dụng phụ kiện tùy chọn.
- Xử lý kháng khuẩn có sử dụng ion bạc đã được áp dụng cho màng nước xả (tùy chọn), ngăn ngừa sự phát triển của chất nhờn, nấm mốc, vi khuẩn gây tắc nghẽn và mùi hôi.



Cảm giác sáng khoải

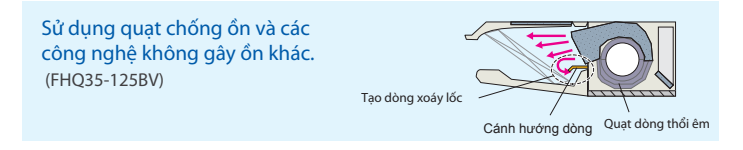
- Chế độ tự động đảo (lên và xuống) và cánh đảo gió (điều chỉnh sang trái và sang phải bằng tay) mang lại sự sáng khoải cho căn phòng.
- Có thể điều chỉnh cánh đảo gió bằng tay để có luồng gió phả thẳng xuống hoặc nghiêng góc rộng.
- Có thể lắp ở trần có độ cao 3.5 m (FHQ35-125BV)
- Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn
 Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể được đặt ở ngay trên dàn lạnh hoặc ở gần khu vực mục tiêu trên bộ điều khiển từ xa có dây để cảm giác dễ chịu. Tính năng này phải được cài đặt ngay khi lắp đặt.
 *Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều khiển điểu hòa từ một phòng khác.
 **Bộ điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt.
- Tốc độ quạt có thể điều chỉnh: Cao/Thấp (FHQ35-125BV)
- Chế độ "Làm khô"
 Chế độ làm khô được điều khiển bằng bộ vi xử lý để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột và gây khó chịu.

Vận hành êm

● Âm thanh khi vận hành giảm khi lắp dàn lạnh áp trần.

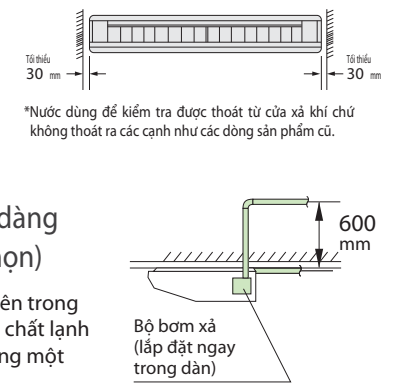
Dàn lạnh	Cao	Trung bình	Thấp
35BVV1B	37	—	32
50/60BVV1V	39	—	35
60BVV1G	39	—	35
71BVV1B	39	—	35
100BVV1B	42	—	37
125BVV1B	44	—	39
140CA	46	42	38

Lưu ý: giá trị quy đổi phòng không đối âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.



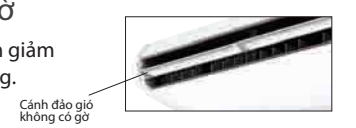
Lắp đặt linh hoạt với mọi kiểu thiết kế

- Lắp đặt linh hoạt
 Thích hợp lắp đặt dàn ở những nơi có trần hẹp.
- Ống nước xả có thể dễ dàng lắp đặt (phụ kiện tùy chọn)
 Có thể nối ống nước xả ngay bên trong thiết bị. Cửa ra đường ống môi chất lạnh và đường ống thoát nước ở cùng một chỗ.
- Thực hiện các công tác mắc dây và bảo trì ngay bên dưới dàn lạnh
- Dễ dàng lắp đường ống
- Phát hiện áp suất gas thấp



Dễ dàng bảo dưỡng

- Phin lọc có độ bền cao sử dụng trong 1 năm*
 *Đối với nơi có hàm lượng bụi bẩn là 0.15 mg/m³
 Hai chế độ cài đặt thời gian (2500 tiếng và 1250 tiếng) để phù hợp với môi trường lắp đặt. Cảnh báo thời gian bảo dưỡng được hiển thị trên điều khiển từ xa (ký hiệu bộ lọc).
- Cánh đảo gió không có gờ
 Cánh đảo gió không động sương làm giảm khả năng bám bụi và lau chùi dễ dàng.
- Dễ dàng vệ sinh



Lưới chống dầu

- Lưới hút gió được làm từ lớp nhựa chống bám dầu, giúp kéo dài tuổi thọ của dàn khi sử dụng trong nhà hàng hoặc môi trường khác tương tự.
 Lưu ý: Thiết bị loại này được thiết kế sử dụng trong các tiệm, phòng ăn và cửa hàng thông thường, không phù hợp sử dụng ở môi trường trong bếp hay các môi trường khác nghiệt khác.

Tăng sáng khoái với với hệ thống ống gió được bố trí thông minh



Loại một chiều lạnh/Loại hai chiều lạnh-sưởi
FBQ50/60DV1V
FBQ60/71/100/125/140DV1

Phụ kiện tùy chọn

Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

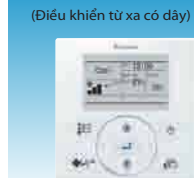
Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển điều hướng từ xa



BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển từ xa LCD không dây

Dàn lạnh cần gắn thêm bộ thu tín hiệu.



Loại làm lạnh BRC4C64
Loại hai chiều lạnh/sưởi BRC4C62

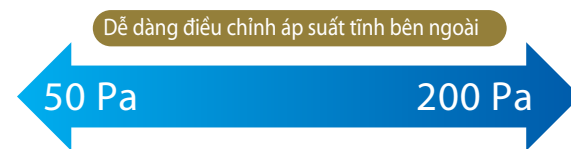
Bộ thu nhận tín hiệu (Loại lắp riêng)

Điều khiển từ xa không dây và bộ thu tín hiệu được bán theo bộ.

Tự do bố trí nhờ điều khiển biến thiên áp suất tĩnh bên ngoài

- Luồng gió sáng khoái được điều chỉnh theo các yếu tố như chiều dài ống

Sử dụng động cơ quạt DC có thể điều chỉnh áp suất tĩnh bên ngoài trong khoảng 50 Pa đến 200 Pa.



Cài đặt áp suất tĩnh xuống mức thấp khi ống gió ngắn.

Cài đặt áp suất tĩnh lên mức cao để phục vụ cho mục đích nâng cao như sử dụng van gió hoặc ống gió dài.

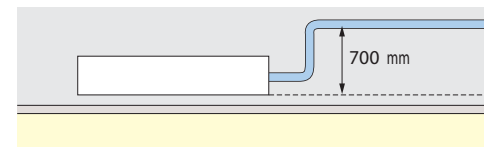
Thiết kế dàn lạnh nhẹ và mỏng giúp công tác lắp đặt và vận chuyển dễ dàng hơn

- Với chiều cao 300 mm, có thể dễ dàng lắp đặt thiết bị trong các tòa nhà có không gian trần nhà chật hẹp.



Dàn lạnh	50/60/71D	100D	125D	140D
Chiều cao (mm)	300			
Chiều rộng (mm)	1,000	1,400		
Chiều sâu (mm)	700			
Trọng lượng máy (kg)	36	46		

- Hệ thống bơm nước xả được trang bị như phụ kiện tiêu chuẩn có thể lắp với độ cao 700 mm.



Rút ngắn thời gian lắp đặt

- Sử dụng điều khiển từ xa để điều chỉnh luồng gió

Khi kiểm tra các loại dàn âm trần tiêu chuẩn cần thực hiện các công tác nối ống gió, người kiểm tra cần nhiều thời gian để điều chỉnh lưu lượng luồng gió. Với thiết bị điều khiển từ xa, Daikin hoàn toàn có thể tự động thực hiện thao tác này, mọi thao tác trở nên đơn giản hơn bao giờ hết. (Điều chỉnh bằng vòi H.)

- Điều chỉnh xấp xỉ ±10% luồng khí vòi H.
- Không thể điều chỉnh lưu lượng gió khi thiết bị bắt đầu vận hành.

- Dễ dàng kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm.

Vận hành êm

	50/60/71D	100D	125/140D
Cao	37	38	40
Thấp	32	33	36

Lưu ý: Giá trị chuyển đổi khoảng cách âm được đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Do điều kiện môi trường xung quanh, trong quá trình vận hành, giá trị này có thể cao hơn.

Dễ dàng bảo dưỡng

Dễ dàng bảo dưỡng do có thể tháo rời máng xả.

Vệ sinh

- Máng xả kháng khuẩn có ion Bạc

Máng xả chống mốc chứa các ion bạc ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc máng xả.

Cảm giác sáng khoái

- Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn

Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây (phụ kiện tùy chọn) đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt có thể được đặt ở ngay trên dàn lạnh hoặc ở gần khu vực mục tiêu trên bộ điều khiển từ xa có dây để tăng cảm giác dễ chịu. Tính năng này phải được cài đặt ngay khi lắp đặt.

- *Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều khiển điều hòa từ một phòng khác.
- **Điều khiển từ xa không có bộ cảm biến nhiệt độ.

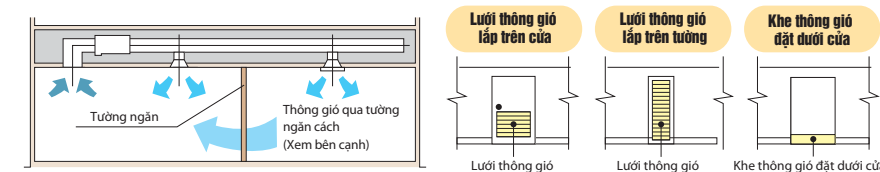
Tính năng

	Tiện nghi		Điều khiển từ xa		Vệ sinh	Hoạt động và bảo dưỡng		Chức năng điều khiển				Tùy chọn	Khác					
	Tốc độ quạt điều chỉnh được (2 bước)	Chế độ "Làm khô"	Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn	Khởi động chế độ sưởi (sau khi xả đá)		Loại một chiều lạnh	Loại hai chiều lạnh/sưởi	Tự động khởi động lại	Đổi chế độ làm lạnh/sưởi tự động	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển cụm điều hòa bằng 1 bộ điều khiển từ xa			Điều khiển theo lệnh ngoài vi	Điều khiển trung tâm từ xa	Điều khiển khóa lần	Tiêu chuẩn kết nối DII-NET	Phin lọc hiệu suất cao
Loại một chiều lạnh	•	•	*1	-	*2	*3	*3	*3	*3	*4	*5	•	•	•	•	•	•	•
Loại hai chiều lạnh/sưởi	•	•	*1	•	*2	*3	*3	*3	*3	*4	*5	•	•	•	•	•	•	•

*1 Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây
*2 Áp dụng cho dàn nóng
*3 Áp dụng khi dùng BRC1E62
*4 Áp dụng khi dùng BRC1C61
*5 Phụ kiện tùy chọn

Điều hòa không khí đồng thời cho hai phòng và lưới thông gió (thông gió mở)

Khi điều hòa hai phòng cùng một lúc, gió cấp cho từng phòng phải được tuần hoàn trở lại máy điều hòa. Để đảm bảo điều này, phải lắp đặt hệ thống ống thông gió cho từng phòng. Đồng thời, phải có cửa thông gió ngăn trên vách tường hoặc dưới cửa giữa hai phòng.



Lưu ý: Chỉ sử dụng khe thông gió bên dưới cửa trong trường hợp lưu lượng khí nhỏ.

Sảng khoái hơn với điều khiển luồng gió mới



Loại một chiều lạnh/Loại hai chiều lạnh/sưởi
FVQ50/60CVE
FVQ71/100/125/140CVEB

Có thể gắn trực tiếp BRC1E62 vào thiết bị chính.

Phụ kiện tùy chọn
Phụ kiện đi kèm dàn lạnh.

Điều khiển từ xa LCD có dây



BRC1C61

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Điều khiển điều hướng từ xa

(Điều khiển từ xa có dây)



BRC1E62

Lưu ý: Không bao gồm cáp nối điều khiển từ xa. Cần trang bị riêng khi lắp đặt.

Tính năng

	Tiện nghi							Điều khiển từ xa			Vệ sinh		Hoạt động và bảo dưỡng					Chức năng điều khiển					Khác								
	Tự động đảo gió	Luồng gió đảo lên, đảo xuống độc lập	Tốc độ gió điều chỉnh được (3 bước)	Lưu lượng khí tự động	Chế độ quạt tốc độ cao	Chế độ "Làm khô"	Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn	Khởi động chế độ sưởi (sau khi xả đá)	Làm mát quanh năm	Vận hành yên tĩnh vào ban đêm	Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt	Cài đặt biến đổi nhiệt độ	Lập lịch hàng tuần	Hiện giờ tắt (lập trình sẵn)	Hiện giờ tắt/mở	Bộ lọc gió kháng khuẩn	Môi chất lạnh nạp sẵn lên đến 30 m	Bộ lọc có độ bền cao	Ký hiệu bộ lọc	Phát hiện áp suất thấp	Vận hành trong trường hợp khẩn cấp	Chức năng tự chẩn đoán		Tự động khởi động lại	Đổi chế độ làm lạnh/sưởi tự động	Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển cụm điều hòa bằng 1 bộ điều khiển từ xa	Điều khiển theo lệnh ngoại vi	Điều khiển từ xa trung tâm	Điều khiển khóa lần	Tiêu chuẩn kết nối DII-NET
Loại một chiều lạnh	●	●	●	*1	*2	●	*3	-	-	*4	*1	*1	*1	*1	*5	●	*4	●	●	*4	●	●	-	●	●	●	●	●	●	●	*4
Loại hai chiều lạnh/sưởi	●	●	●	*1	*2	●	*3	●	●	*4	*1	*1	*1	*1	*5	●	*4	●	●	*4	●	●	●	●	●	●	●	●	●	●	*4

*1 Áp dụng khi dùng BRC1E62

*2 Áp dụng cho FVQ50-100

*3 Áp dụng khi sử dụng điều khiển từ xa có dây

**Áp dụng cho dàn nóng

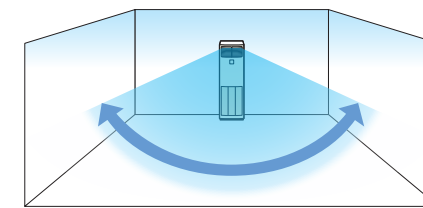
**Áp dụng khi dùng BRC1C61

Tận hưởng luồng gió hoàn toàn mới

1) Hướng thổi sang trái/phải (điều chỉnh bằng điều khiển từ xa)

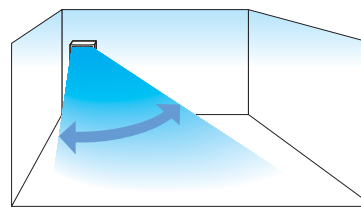
- Chọn 3 kiểu đảo gió tự động để phù hợp với cấu trúc phòng. (Áp dụng khi dùng BRC1E62.)

Kiểu 1 Đảo gió đồng đều



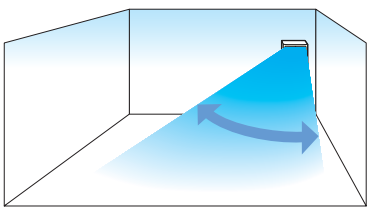
Khi đặt ở giữa tường.

Kiểu 2 Đảo gió sang bên trái



Khi đặt ở góc phòng.

Kiểu 3 Đảo gió sang bên phải



2) Hướng đảo lên/xuống (điều chỉnh bằng tay)

- Chế độ đảo gió lên/xuống độc lập nhanh chóng phân bố nhiệt độ đồng đều trong phòng, giúp người dùng tiết kiệm điện năng.

Tự do lựa chọn hướng đảo lên/xuống với 8 cánh đảo gió (cánh ngang).



Thiết bị hoàn toàn mới

- 1 Cánh đảo gió lên (1)
- 2 Cánh đảo gió lên liên động (4)
- 3 Cánh đảo gió xuống liên động (2)
- 4 Cánh đảo gió xuống (1)

Điều chỉnh các cánh đảo gió 1 đến 4 một cách độc lập. (Điều chỉnh bằng tay)

Ví dụ ứng dụng

Khi làm mát

Xoay cánh đảo gió 1 và 2 lên, đặt cánh đảo gió 3 và 4 nằm ngang sẽ giúp tản đều nhiệt độ không khí trong phòng.



Điều chỉnh tốc độ quạt theo ý muốn

- Tốc độ quạt có thể điều chỉnh Cao/Trung bình/Thấp và Tự động (Áp dụng chế độ "Auto" khi dùng BRC1E62.)

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió theo chênh lệch nhiệt độ giữa nhiệt độ trong phòng và nhiệt độ cài đặt.

Quạt tốc độ cao (áp dụng cho FVQ50-100)

Để lưu thông gió về phía góc cuối phòng, có thể tăng lưu lượng gió lên 5% hoặc 10% tùy thuộc vào điều kiện lắp đặt của khách hàng. (Cài đặt tại chỗ bằng điều khiển từ xa.)

Chế độ "Làm khô"

Chế độ khử ẩm được điều khiển bằng bộ vi xử lý để tránh thay đổi nhiệt độ đột ngột, gây khó chịu.

Tiết kiệm năng lượng

- Động cơ quạt DC tăng hiệu suất hoạt động.

Vận hành êm

Dàn lạnh	dB(A)			
	50/60/71C	100C	125C	140C
Cao	43	50	51	53
Trung bình	41	47	48	51
Thấp	38	44	46	48

Lưu ý: Giá trị chuyển đổi khoảng cách âm được đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Do điều kiện môi trường xung quanh, trong quá trình vận hành, giá trị này có thể cao hơn.

Dễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng

- Dàn lạnh trọng lượng nhẹ

Dễ dàng vận chuyển và lắp đặt dàn lạnh.

Dàn lạnh	Trọng lượng (kg)			
	50/60/71C	100C	125C	140C
Trọng lượng	39		47	

- Phin lọc khí có độ bền cao sử dụng trong khoảng 1 năm * không cần bảo dưỡng

* Đối với nơi có hàm lượng bụi bẩn là 0.15 mg/m³

- Sử dụng chức năng khóa an toàn cho lưới hút gió.

Lưới không bao giờ mở ngay cả khi bị tác động mạnh.

- Dễ dàng kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm.

Super Inverter

Dàn nóng nhỏ gọn



- RZR50LUV1V/LVVM RZR100LVVM RZR100LUY1 RZQ50KBV1V/KBV4A RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A
- RZR60LUV1V/LVVM RZR125LVVM/LUY1 RZR140LVVM/LUY1 RZQ60KBV1V/KBV4A RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A
- RZR71LVVM RZR140LVVM/LUY1 RZQ71KCV4A RZQ140KCV4A RZQ140HAY4A

Đễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng

Môi chất làm lạnh nạp sẵn lên đến 30 m

Nếu chiều dài ống dẫn môi chất làm lạnh không vượt quá 30 m, không cần nạp khí gas tại chỗ.

Đường ống dài

Chiều dài ống môi chất làm lạnh và độ cao chênh lệch cho phép

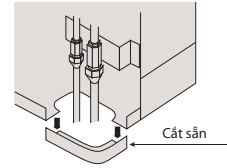
	RZR50-140LU/LV RZQ50/60KB RZQ71KC	RZQ100-140KC RZQ100-140HA
Nạp trước ¹	30 m	
Chiều dài tối đa	50 m (Chiều dài tương đương 70m)	75 m (Chiều dài tương đương 90m)
Độ chênh lệch tối đa	30 m	

Lưu ý: ¹Nạp thêm môi chất làm lạnh nếu ống dẫn môi chất làm lạnh dài hơn chiều dài trên.

Đễ dàng bố trí nhờ đường ống 4 hướng nối

(không áp dụng cho RZR50-71)

Đễ dàng lắp đặt đường ống do có thể di chuyển mặt nạ bên ngoài để nối ống ở đằng trước, bên phải hoặc đằng sau.



Đẩy mạnh quá trình bơm hút (Chức năng thu hồi môi chất làm lạnh)

Hỗ trợ công tắc bơm hút để dễ dàng thu hồi môi chất làm lạnh khi di chuyển thiết bị hoặc thay đổi cách bố trí.

*Chức năng bơm hút chỉ dành cho trường hợp nạp trước môi chất làm lạnh.

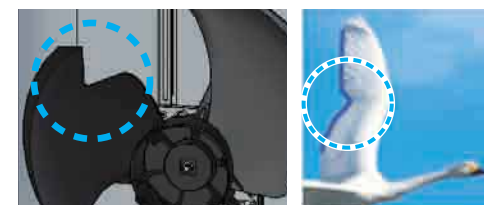
Chức năng phát hiện áp suất gas thấp

Việc kiểm tra gas có hiệu quả sẽ giúp giảm nhân lực cần thiết cho việc vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị.

Tiết kiệm năng lượng

(Chỉ áp dụng cho RZR50-71)

Thiết kế quạt xẻ cánh chữ V mô phỏng hình dáng của loài chim thiên nga sẽ giúp cho luồng khí thổi ra luôn êm ái, dễ chịu, đồng thời hạn chế tổn hao năng lượng.



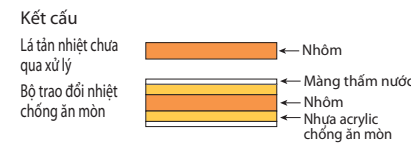
Ø550 Quạt có cánh xẻ chữ V

Mô phỏng hình dáng chim thiên nga

Độ bền

Do kết cấu phần khung ở dưới đáy dàn dễ bị ăn mòn, các tấm thép galva chống ăn mòn đã được trang bị để tăng độ bền cho sản phẩm.

Lá tản nhiệt bộ trao đổi nhiệt được xử lý chống ăn mòn



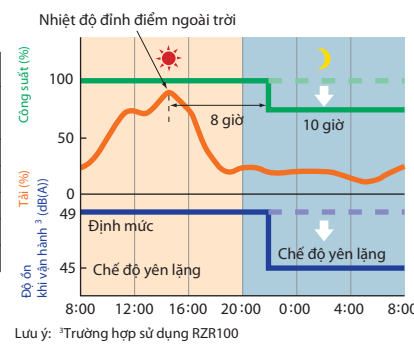
Chức năng vận hành êm vào ban đêm

Chế độ tự động vận hành êm vào ban đêm sẽ diễn ra trong 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đỉnh điểm vào ban ngày, sau đó dàn sẽ quay lại chế độ vận hành bình thường trong vòng 10 tiếng.

★ Giảm độ ồn sẽ làm giảm công suất

Loại một chiều lạnh	Loại hai chiều lạnh sưởi	Độ ồn ¹ (dB(A))	
		Định mức ²	Vận hành êm vào ban đêm
RZR50/60LU/LV	RZQ50/60KB	48	44
RZR71LV	RZQ71KC	48	44
RZR100LU/LV	RZQ100KC/HA	49	45
RZR125LU/LV	RZQ125KC/HA	50	45
RZR140LU/LV	RZQ140KC/HA	50	46

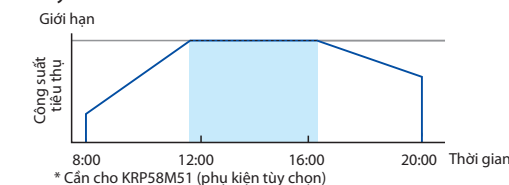
Lưu ý: ¹Giá trị quy đổi phòng không đối ẩm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.
²Giá trị khi làm lạnh. Giá trị sẽ thay đổi khi sưởi.



Chức năng kiểm soát yêu cầu

(Chỉ dành cho RZR100-140 và RZQ)

Công suất tối đa được duy trì trong phạm vi công suất tiêu thụ đã cài đặt, giúp tận hưởng luồng gió sáng khoái và dễ dàng kiểm soát các yêu cầu.



Công nghệ tiết kiệm năng lượng

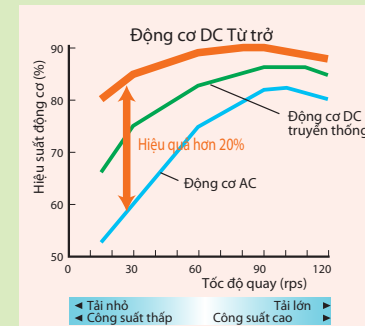
Máy nén có hiệu suất cao được cải tiến để đạt được chỉ số COP cao và công suất lớn hơn

1 Máy nén xoắn ốc DC từ trở

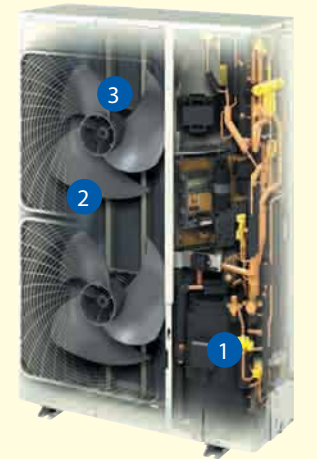
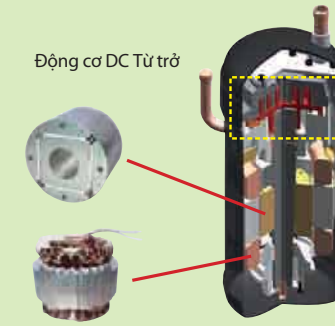
Dòng Model biến tần DC của Daikin được trang bị máy nén xoắn ốc DC từ trở.

Máy nén xoắn ốc DC từ trở sử dụng hai loại mô-men khác nhau: nam châm Neodim^{*} 1 và mô-men từ trở^{**} 2.

Động cơ này có tính tiết kiệm năng lượng vì trong quá trình hoạt động nó cần ít điện năng nhưng vẫn sản sinh ra công suất lớn hơn động cơ AC và động cơ DC truyền thống.



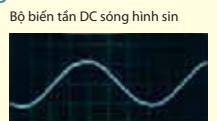
Lưu ý: Dữ liệu dựa trên kết quả nghiên cứu dưới điều kiện có kiểm soát tại phòng thí nghiệm.



*1. Nam châm Neodim mạnh gấp 10 lần so với nam châm ferit tiêu chuẩn.
*2. Mô-men được hình thành bởi năng lượng giữa sắt và các bộ phận của nam châm.

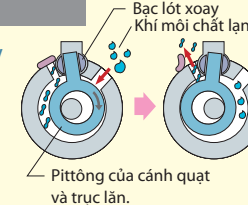
>> Sóng biến tần DC mịn dạng sin

Sóng sin giúp động cơ quay êm hơn, hiệu suất vận hành được cải tiến rõ rệt.



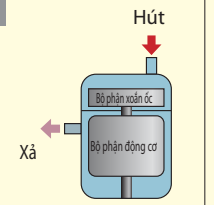
RZR50/60LU/LV, RZR71/100LVVM
RZQ50/60KB, RZQ71KC

>> Máy nén dạng xoay
Tiết kiệm năng lượng, ngăn ngừa ma sát và rò rỉ khí môi chất lạnh.



RZR125/140LVVM, RZR100/125/140LUY1
RZQ100/125/140KC, RZQ100/125/140HA

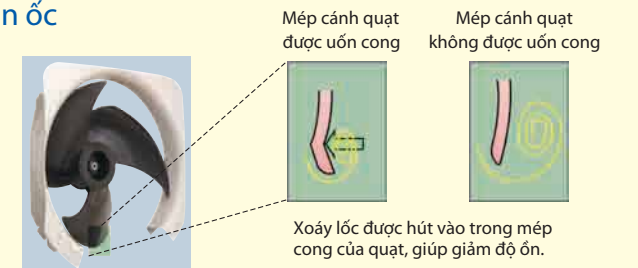
>> Cấu trúc dạng xoắn ốc
Gió hút sẽ được nén trong bộ phận xoắn ốc trước động cơ làm nóng, máy sẽ nén khí tạo ra lực nén có hiệu suất cao.



2 Cấu trúc Vòm miệng gió khí và Quạt xoắn ốc

(không áp dụng cho RZR50-71)

Hai đặc tính này giúp giảm độ ồn khi hoạt động. Lắp thêm giá đỡ vào vòm miệng hút gió để giảm độ ồn từ luồng khí do quạt hút gió tạo ra. Cánh của quạt xoắn ốc được uốn cong ở mép, giúp giảm độ ồn khi hoạt động.



3 Động cơ quạt DC

Hiệu suất hoàn toàn vượt trội so với động cơ AC, đặc biệt khi chạy ở tốc độ chậm.

Cấu trúc động cơ quạt DC



Điều khiển từ xa với màn hình LCD dễ đọc có cấu hình điều

Phụ kiện tùy chọn cho điều khiển từ xa được nêu ở các trang giới thiệu các loại dàn lạnh.

Bộ điều khiển điều hướng từ xa (Điều khiển từ xa có dây BRC1E62)

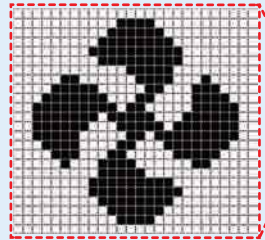
MỚI



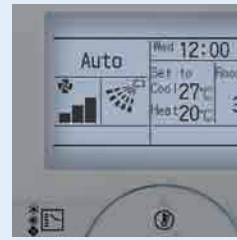
Điều khiển từ xa có thiết kế đơn giản nhưng hiện đại, lớp vỏ màu trắng sáng hài hòa với nội thất trong phòng. Thao tác bằng điều khiển từ xa vô cùng đơn giản, tiện lợi, chỉ cần làm theo các chỉ dẫn trên điều khiển từ xa.

Màn hình dễ nhìn

Màn hình ma trận điểm
Tổ hợp điểm chấm trên màn hình có thể hiển thị nhiều ký tự khác nhau. Màn hình có chữ lớn rất dễ nhìn.



Màn hình có đèn nền



Tiết kiệm năng lượng

MỚI Tự động thiết lập lại nhiệt độ cài đặt

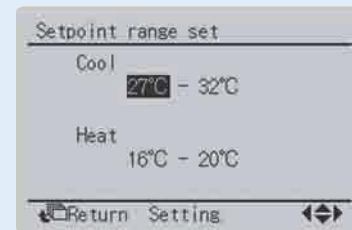
- Ngay khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, nhiệt độ cài đặt sẵn sẽ tự động được thiết lập sau khoảng thời gian cài đặt sẵn.
- Có thể lựa chọn khoảng thời gian từ 30 phút/60 phút/90 phút/120 phút.

Ví dụ về nhà hàng



MỚI Cài đặt biên độ nhiệt độ

- Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ tối thiểu và tối đa.
- Tránh nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh.
- Chức năng này rất tiện lợi do có thể lắp điều khiển từ xa ở nơi người dùng có thể dễ dàng thao tác.



Hẹn giờ tắt (đã được lập trình)

- Cài đặt và lưu cài đặt trong từng khoảng thời gian để tự động tắt điều hòa sau khi cài đặt thời gian khởi động.
- Thời gian có thể được cài đặt sẵn từ 30 đến 180 phút với gia số 10 phút.

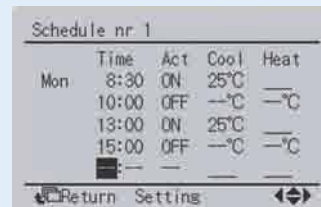
Tiện nghi

Lên lịch hàng tuần

- 5 hoạt động một ngày có thể được thiết lập cho từng ngày trong tuần.
- Chức năng ngày nghỉ sẽ tắt chế độ hẹn giờ đối với những ngày được cài đặt là ngày nghỉ.

MỚI 3 chế độ lập lịch độc lập.

(ví dụ: mùa hè, mùa đông, mùa giữa năm)



Màn hình đa ngôn ngữ

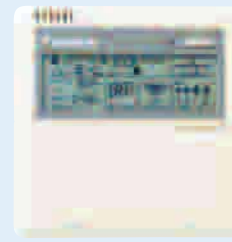
Màn hình có thể hiển thị 11 ngôn ngữ

(Tiếng Anh, Tiếng Đức, Tiếng Pháp, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Hy Lạp, Tiếng Hà Lan, Tiếng Nga, Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tiếng Ba Lan).

Điều khiển hệ thống phong phú và có thể điều khiển nhiều dàn lạnh.

Điều khiển từ xa LCD có dây

Màn hình LCD rộng rất dễ nhìn.



BRC1C61

- Sử dụng lớp vỏ làm bằng nhựa chống dầu và cao su để tăng độ bền cho thiết bị.
- Chỉ dày 17 mm. Có thể lắp chìm hoặc lắp nổi.

Điều khiển từ xa không dây LCD



Điều khiển từ xa không dây

BRC7F633F

Bộ phận thu tín hiệu (Dành cho loại dàn cassette âm trần)

- Điều khiển từ xa cung cấp kèm theo bộ thu nhận tín hiệu.
- Bộ thu nhận tín hiệu lắp trong mặt nạ trang trí hoặc dàn lạnh.
- Hình dạng của bộ thu nhận tín hiệu sẽ thay đổi tùy thuộc vào dàn lạnh.

Lưu ý: Bộ phận thu tín hiệu trong hình bên là loại gắn trong mặt nạ trang trí của loại dàn cassette âm trần.

Điều khiển từ xa có dây được tích hợp bộ cảm biến nhiệt

(Áp dụng cho điều khiển từ xa có dây (BRC1C61/1E62))

- Cho phép dò nhiệt độ gần khu vực mục tiêu để tăng cường sự sang khoái. (Khi sử dụng điều khiển từ xa từ một phòng khác, phải chọn loại cảm biến nhiệt đặt trong lỗ hút gió của dàn lạnh)

Dễ dàng bảo dưỡng và sửa chữa

- Có thể thực hiện các cài đặt ban đầu bằng điều khiển từ xa. Sau khi hoàn thành việc lắp đặt, có thể cài đặt loại dàn cassette âm trần từ xa mà không cần dùng thang để cài đặt bằng tay.

Nội dung cài đặt: Sử dụng trần cao, hướng gió, loại bộ lọc, địa chỉ cho điều khiển trung tâm (địa chỉ điều khiển cụm được cài đặt tự động).

- Điều khiển từ xa gồm tên model và chức năng hiển thị lỗi để hỗ trợ công tác bảo trì trong trường hợp thiết bị hỏng

(Áp dụng cho điều khiển từ xa có dây (BRC1E62))

SkyAir dùng chung điều khiển với HRV (sản phẩm thông gió thu hồi nhiệt) và các loại điều hòa khác của Daikin, do đó việc vận hành khóa liên động trở nên đơn giản.

- Dễ dàng thích nghi với hệ thống điều khiển từ xa tập trung với chức năng nâng cao và độ phủ sóng trên diện rộng. Việc lắp đặt và nối dây cài đặt và khóa giữa SkyAir và các thiết bị điều hòa khác của Daikin trở nên đơn giản.

Điều khiển từ xa không dây dành cho các loại dàn lạnh khác nhau

	Loại một chiều lạnh	Loại 2 chiều
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN	BRC7F633F	BRC7F632F
DÀN LẠNH ĐA HƯỚNG THOÍ	BRC7E531W	BRC7E530W
DÀN LẠNH ÁP TRẦN	35-125BV	BRC7EA66
	140CA	BRC7GA56
DÀN LẠNH ÁP TRẦN NỔI ỐNG GIÓ LOẠI MỎNG	—	BRC7EA63W
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN	—	BRC7GA53
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO VÀ TRUNG BÌNH	—	ARC433B69 (phụ kiện tiêu chuẩn)
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN	—	BRC4C62
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO VÀ TRUNG BÌNH	BRC4C64	BRC4C62

Màn hình LCD hiển thị trạng thái vận hành bằng chữ, số và hình

Hiển thị luồng gió / đảo gió

Hiển thị trạng thái vận hành đảo gió tự động và vị trí cài đặt cho góc thổi gió.

Hiển thị nhiệt độ/chế độ vận hành cài đặt trước

Hiển thị nhiệt độ trong phòng và trạng thái vận hành cài đặt trước (quạt, làm khô, làm lạnh).

Hiển thị thời gian lập trình

Có thể cài đặt thời gian khởi động và tắt máy cho mỗi bộ hẹn giờ trong vòng 72 giờ. Màn hình tinh thể lỏng cũng hiển thị khi đã đến lúc cần vệ sinh bộ lọc, khi thiết bị điều khiển trung tâm đang thay đổi cài đặt và khi cần vệ sinh hệ thống thông gió.

Chức năng tự động chẩn đoán

Kiểm soát trạng thái vận hành trong phạm vi hệ thống bao gồm 40 hạng mục và hiển thị cảnh báo khi hệ thống có sự cố.

Hệ thống đơn giản nhưng hỗ trợ nhiều chế độ điều khiển khác nhau

	Kiểu điều khiển	Điều khiển từ xa có dây	Điều khiển từ xa không dây
Điều khiển bằng 1 bộ điều khiển từ xa	(Hệ thống cơ bản)	<ul style="list-style-type: none"> Lỗi kép, không phân cực (chiều dài dây tối đa 500 m) 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết bị thu tín hiệu được lắp trong dàn lạnh
Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa	Dùng cho điều khiển từ hai vị trí như trong phòng và phòng điều khiển, lối ra, v.v.	<ul style="list-style-type: none"> Nối 2 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 1) 	<ul style="list-style-type: none"> Điều khiển bằng 1 bộ điều khiển từ xa không dây và 1 bộ điều khiển từ xa có dây (Xem lưu ý 2, 3) Thiết bị thu tín hiệu được lắp trong dàn lạnh
Điều khiển nhóm	Dùng cho điều khiển đồng thời tới 16 dàn lạnh.	<ul style="list-style-type: none"> Chức năng cài đặt địa chỉ tự động 	<ul style="list-style-type: none"> Chức năng cài đặt địa chỉ tự động Thiết bị thu tín hiệu được lắp trong 1 dàn lạnh
Điều khiển bằng theo lệnh ngoại vi	Vận hành và giám sát bằng tín hiệu từ hộp điều khiển vận hành tại phòng giám sát (an ninh) của tòa nhà.	<ul style="list-style-type: none"> Cần có bộ điều hợp nối dây cho các phụ kiện điện. 	<ul style="list-style-type: none"> Cần có bộ điều hợp nối dây cho các phụ kiện điện.
Điều khiển trung tâm từ xa	Điều khiển trung tâm tới 64 dàn lạnh từ vị trí cách xa tới 1 km.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) Cần có bộ điều hợp giao diện cho dòng SkyAir (phụ kiện tùy chọn) (Xem lưu ý 4) 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) Cần có bộ điều hợp giao diện cho dòng SkyAir (phụ kiện tùy chọn) (Xem lưu ý 4)
Điều khiển liên động với HRV	Kết nối bằng điều khiển nhóm điều khiển từ xa	<ul style="list-style-type: none"> Có thể vận hành đồng thời hay độc lập bằng điều khiển từ xa (cài đặt bằng chế độ thông gió) 	<ul style="list-style-type: none"> Có thể vận hành đồng thời bằng điều khiển từ xa (cài đặt bằng chế độ thông gió)
	Điều khiển kết nối vùng bằng phương pháp điều khiển trung tâm.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) Hệ thống gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong phạm vi một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động. Cũng có thể vận hành độc lập bằng điều khiển từ xa. 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ điều khiển từ xa trung tâm (phụ kiện tùy chọn) Hệ thống gió thu hồi nhiệt cho dàn lạnh trong phạm vi một vùng được vận hành bằng cơ chế khóa liên động.

Lưu ý: 1 Chỉ có thể kết nối BRC1E62 với 1BRC1E62.
 2 Không thể điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa.
 3 Không thể kết nối BRC1E62 với điều khiển từ xa không dây.
 4 Dàn lạnh cassette âm trần < Hướng thổi tròn >, dàn lạnh áp trần (loại 140CA), dàn lạnh nối ống gió áp suất tĩnh cao và trung bình, dàn lạnh đặt sàn đi kèm theo bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir.

Để dàng thích ứng với hệ thống điều khiển từ xa tập trung với chức năng cao cấp và trên phạm vi rộng.

Điều khiển từ xa trung tâm	Điều khiển bật/tắt thống nhất	Bộ lập trình thời gian	Intelligent Controller
DCS302CA61 (Phụ kiện tùy chọn)	DCS301BA61 (Phụ kiện tùy chọn)	DST301BA61 (Phụ kiện tùy chọn)	DCS601C51 (Phụ kiện tùy chọn)
Có thể điều khiển tập trung, cài đặt đơn giản giống như điều khiển từ xa tiêu chuẩn, lên tới 64 nhóm (1024 dàn lạnh).	Điều khiển bật/tắt tập trung theo nhóm hay đồng thời cho cả 256 dàn lạnh.	Điều khiển đồng nhất lịch trình hàng tuần cho 1024 dàn lạnh. Bộ lập trình thời gian bật/tắt trong 1 phút, các thiết bị sẽ đồng thời thực hiện 2 lần một ngày trong vòng 1 tuần.	Với nhiều chức năng nâng cao, hệ thống điều khiển bằng hình ảnh màu "tất cả trong một" hỗ trợ quản lý hệ thống SkyAir bằng nhiều cách.
Bộ điều hợp giao diện dành cho các dòng SkyAir DTA112BA51 (Phụ kiện tùy chọn)	Cho phép điều khiển tập trung thông qua kết nối với hệ thống truyền thông DIII-NET tốc độ cao dành cho hệ thống VRV của Daikin. Với thiết bị điều khiển trung tâm nối trên, cần có bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir.	• Bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir là phụ kiện tùy chọn, ngoại trừ dàn lạnh cassette âm trần < Hướng thổi tròn >, dàn lạnh áp trần (loại 140CA), dàn lạnh nối ống gió áp suất tĩnh cao và trung bình, dàn lạnh đặt sàn.	

Hệ thống vận hành đồng thời < Hai dàn lạnh - một dàn nóng >

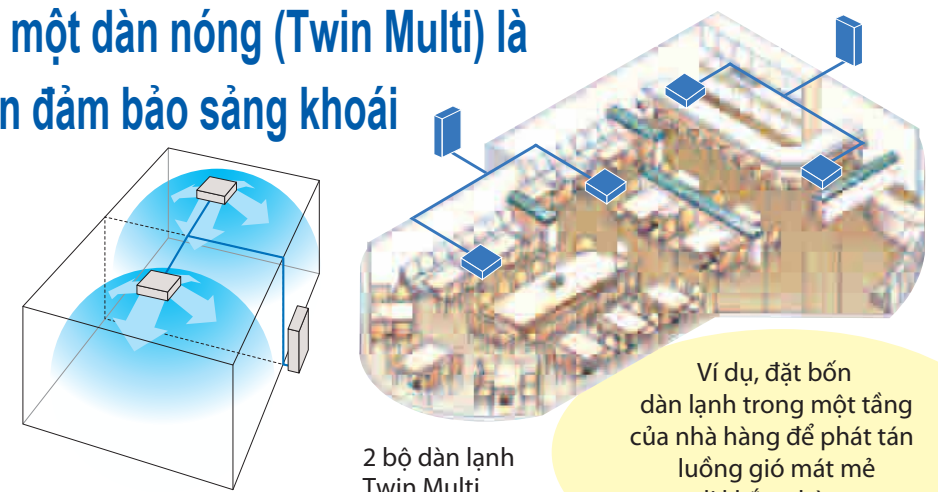


Hiện đã có bốn dòng sản phẩm hai dàn lạnh - một dàn nóng

<p>FCQ60/71LUV1 x2 Thông số kỹ thuật Trang 31</p>	<p>FHQ60BW1G x2 FHQ71BW1B x2 Thông số kỹ thuật Trang 33</p>
<p>FBQ60/71DV1 x2 Thông số kỹ thuật Trang 34</p>	<p>FVQ60CVE x2 FVQ71CVEB x2 Thông số kỹ thuật Trang 35</p>

Hệ thống hai dàn lạnh - một dàn nóng (Twin Multi) là giải pháp kinh tế mà vẫn đảm bảo sang khoái

- Chi phí lắp đặt thấp hơn so với lắp từng cặp đơn một.
- Cần ít diện tích hơn cho dàn nóng.
- Tăng sự sang khoái nhờ cách phân bố các dàn lạnh.

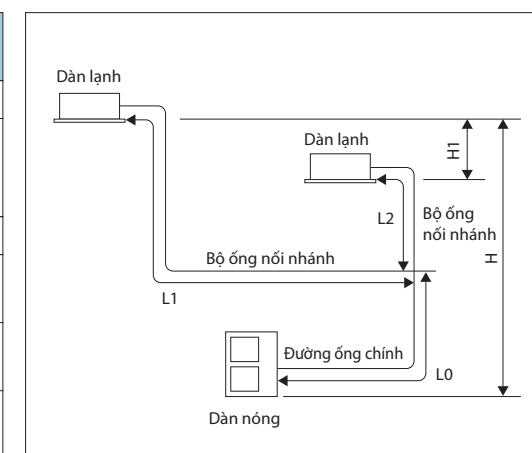


2 bộ dàn lạnh Twin Multi

Ví dụ, đặt bốn dàn lạnh trong một tầng của nhà hàng để phát tán luồng gió mát mẽ đi khắp phòng.

Hướng dẫn nối đường ống

Dàn nóng	RZR125/140LWVM RZR125/140LUY1
Chiều dài đường ống tối đa	L0+L1 +L2 ≤60 m
Chiều dài đường ống một chiều tối đa (chiều dài tối đa của đường ống dẫn chất khí hoặc dẫn chất lỏng)	L0+L1 ≤50 m (Trường hợp L1 > L2)
Chiều dài ống nhánh tối đa	L1, L2 ≤20 m
Độ chênh lệch chiều dài ống nhánh tối đa	L1 -L2 ≤10 m (Trường hợp L1 > L2)
Chênh lệch độ cao tối đa giữa các dàn lạnh	H1 ≤0.5 m
Chênh lệch độ cao tối đa giữa dàn nóng và dàn lạnh	H ≤30 m



Bộ nối ống nhánh môi chất làm lạnh dành cho tổ hợp Twin Multi (Phụ kiện tùy chọn)

KHRP58P216T Trang 43

Các chức năng phong phú mang lại môi trường điều hòa không khí tiện nghi cho các cửa hàng và văn phòng.

• Lưu ý: Một số chức năng chỉ có ở một số model nhất định. Tham khảo các trang model giới thiệu các chức năng chính dành cho mỗi dàn lạnh.

Tiện nghi

Đào gió tự động

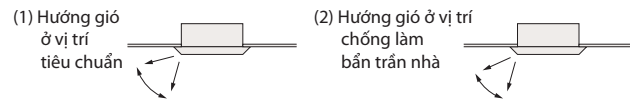
Phân tán làn gió sáng khoái tới mọi ngõ ngách, gần hoặc xa máy điều hòa.

■ Có thể cố định hướng thổi gió tại góc mong muốn bằng điều khiển từ xa.

Chọn mô hình đảo gió

(tiêu chuẩn, chống làm bẩn trần)

Bạn có thể cài đặt hai hướng gió thổi tùy thích bằng điều khiển từ xa.



Chức năng ngăn gió lùa

(chiều xuôi)

Để tránh các luồng khí lạnh, tự động điều chỉnh luồng gió theo phương nằm ngang khi chế độ sưởi ấm bắt đầu hay khi cảm biến nhiệt tắt.

Đào gió lên/xuống độc lập

Điều chỉnh độc lập (bằng tay) 8 cánh đảo gió ngang theo hướng lên/xuống để lưu thông đồng đều không khí trong phòng.

Tốc độ quạt có thể điều chỉnh

Cài đặt chế độ cao để tận hưởng luồng gió mạnh tối đa và cài đặt chế độ thấp để giảm thiểu gió thổi vào người.

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió

Tự động điều chỉnh lưu lượng gió theo chênh lệch nhiệt độ giữa nhiệt độ trong phòng và nhiệt độ cài đặt.

Chế độ quạt tốc độ cao

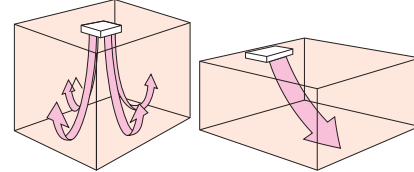
Có thể tăng tốc độ quạt lên 10% so với cài đặt "tốc độ cao".
• Áp dụng cho các loại treo tường.

Chế độ "Làm khô"

Chế độ làm khô được điều khiển bằng bộ vi xử lý để tránh nhiệt độ không khí thay đổi đột ngột, gây khó chịu. Vô cùng tiện lợi do có thể dễ dàng giảm độ ẩm mà không cần phải điều chỉnh nhiệt độ trong phòng.

Ứng dụng cho trần cao

Phân tán làn gió sáng khoái trong vùng điều hòa theo mọi hướng ở những nơi có trần cao.

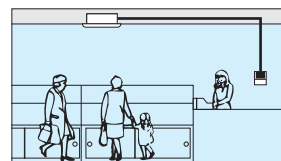


Lưu ý: Khi lắp thiết bị trên tầng cao tùy thuộc vào từng loại mà có thể bị hạn chế ở một số chức năng liên quan đến độ cao tối đa, hướng thổi gió và lựa chọn các thiết bị phù hợp.

Hai bộ cảm biến nhiệt độ tùy chọn

Cả dàn lạnh và bộ điều khiển từ xa có dây tùy chọn đều có bộ cảm biến nhiệt. Cảm biến nhiệt độ sát với nhiệt độ phòng giúp tăng cảm giác dễ chịu.

● Phải sử dụng bộ cảm biến nhiệt trên dàn lạnh khi điều hòa được điều khiển từ một phòng khác.



Lưu ý: Điều khiển từ xa không dây không có bộ cảm biến nhiệt độ.

Khởi động chế độ sưởi

(sau khi xả đá)

Tránh luồng gió lạnh khó chịu khi khởi động chế độ sưởi hoặc khi chuyển sang chế độ sưởi sau khi xả đá.

Làm lạnh quanh năm

Thậm chí vào mùa đông vẫn làm mát hiệu quả nhiệt độ trong nhà cao hơn nhiệt độ ngoài trời, ví dụ như trong các không gian công cộng dưới lòng đất hay ở các văn phòng có lắp nhiều máy tính.

Vận hành êm vào ban đêm

Chế độ vận hành êm tự động vào ban đêm sẽ diễn ra trong 8 tiếng sau khi nhiệt độ đạt đến biên độ nhiệt bình thường ban ngày, sau đó dàn sẽ quay lại chế độ vận hành bình thường trong vòng 10 tiếng.

Điều khiển từ xa

Tự khởi động lại

Ngay cả khi nhiệt độ cài đặt bị thay đổi, thiết bị sẽ vẫn quay về nhiệt độ đã thiết lập sau thời gian thiết lập.

Cài đặt biên độ nhiệt độ

Tiết kiệm năng lượng bằng cách giới hạn nhiệt độ tối thiểu và tối đa. Tránh nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh.

Lập lịch hàng tuần

Có thể lập trình tới 5 cài đặt TẮT/MỞ hàng ngày. Không chỉ cài đặt được thời gian MỞ MÁY, mà còn có thể cài đặt cho nhiệt độ.

Hẹn giờ tắt (đã được lập trình)

Cài đặt và lưu cài đặt trong từng khoảng thời gian để tự động tắt điều hòa sau khi cài đặt thời gian khởi động.

Hẹn giờ Bật/Tắt

Dàn sẽ vận hành khi thời gian thiết lập trước ở chế độ hẹn giờ Bật kết thúc và sẽ dừng vận hành khi thời gian thiết lập trước ở chế độ hẹn giờ TẮT kết thúc.

Vệ sinh

Phin lọc khí kháng khuẩn

Phin lọc khí có lớp kháng khuẩn để chống sự phát triển của nấm mốc và vi sinh.

Phin lọc khí chống nấm mốc

Phin vệ sinh chống nấm mốc.

Máng nước xả kháng khuẩn chứa ion Bạc

Máng nước xả chống mốc chứa các ion bạc ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc, vi khuẩn gây mùi khó chịu và làm tắc khay xả.

Máng nước xả chống nấm mốc

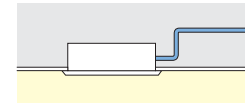
Máng nước xả chống nấm mốc ngăn ngừa sự phát triển của nấm mốc ở nơi có độ ẩm cao.

• Lưu ý: Một số tính năng chỉ có ở một số model nhất định. Tham khảo trang giới thiệu các model để biết các tính năng được hỗ trợ cho mỗi dàn.

Hoạt động và bảo trì

Hệ thống bơm nước xả

Độ dốc lớn hơn đảm bảo dẫn nước xả hiệu quả hơn. Độ dốc lớn đặc biệt có ích khi sử dụng ống dẫn dài.



Môi chất lạnh nạp sẵn đến 30 m

Nếu chiều dài ống dẫn môi chất làm lạnh không vượt quá 30 m, không cần nạp khí ga tại chỗ.

*Áp dụng cho seri RZR/RZQ Seri RKS/RXS: 10 m

Phin lọc có độ bền cao

Không cần bảo dưỡng trong vòng một năm "đối với bộ lọc dành cho loại cassette âm trần 4 hướng thổi là 2 năm một lần".

Tín hiệu lọc

Tín hiệu lọc nhắc nhở người dùng vệ sinh bộ lọc.

*Nếu sử dụng điều khiển từ xa có dây, ký hiệu được hiển thị trên màn hình LCD. Nếu sử dụng điều khiển từ xa không dây, ký hiệu bộ lọc nhấp sáng trên thiết bị thu tín hiệu.

Chức năng chống làm bẩn trần.

Cơ chế thổi gió cải tiến của Daikin phân tán luồng gió cách xa trần nên ít phải làm vệ sinh trần.

Phát hiện áp suất khí gas thấp

Thông thường, rất khó phát hiện tình trạng thiếu khí gas. Trong quá trình chạy thử sau khi lắp đặt và kiểm tra định kỳ, mức nạp môi chất làm lạnh được kiểm tra bằng bộ vi xử lý để duy trì lượng áp suất khí đầy đủ. Đảm bảo độ tin cậy, công tác bảo dưỡng và kiểm tra để nhanh chóng.

Vận hành khẩn cấp

Nếu một bộ phận nào đó của hệ thống xảy ra sự cố, quạt hay máy nén vẫn có thể hoạt động.

Chức năng tự chẩn đoán

Các thông số vận hành của dàn lạnh, dàn nóng và dữ liệu của bộ cảm biến tại các vị trí quan trọng của hệ thống được giám sát liên tục bằng một máy tính siêu nhỏ. Khi hệ thống có sự cố, trên màn hình LCD của điều khiển từ xa sẽ hiển thị dòng cảnh báo và đèn LED trên thiết bị sẽ sáng.

Chức năng điều khiển

Tự động khởi động lại

Nếu xảy ra mất điện khi thiết bị đang vận hành, máy sẽ khởi động lại chế độ vận hành như cũ khi có điện trở lại.

Đổi chế độ làm lạnh/sưởi tự động

(Chỉ có ở model hai chiều)

Nếu phát hiện có sự chênh lệch giữa nhiệt độ cài đặt trước và nhiệt độ thực tế trong phòng, thiết bị sẽ tự động chuyển sang chế độ làm lạnh/sưởi ấm tương ứng.

Điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa

Sử dụng 2 bộ điều khiển từ xa bạn có thể vận hành thiết bị tại chỗ hay từ một vị trí ở xa.

Lưu ý: Khi sử dụng điều khiển từ xa không dây, không thể điều khiển bằng 2 bộ điều khiển từ xa.

Điều khiển cụm điều hòa bằng 1 bộ điều khiển từ xa

Có thể bật/tắt 16 dàn lạnh cùng lúc bằng một điều khiển từ xa. (Khi sử dụng các dàn lạnh được nối với nhau, các cài đặt phải giống nhau và bật/tắt cùng phải đồng thời.)

Điều khiển theo lệnh ngoại vi

Vận hành và giám sát bằng tín hiệu từ hộp điều khiển vận hành tại phòng giám sát (an ninh) của tòa nhà.

*Cần cho KRP58M51 (Phụ kiện tùy chọn)

Điều khiển trung tâm từ xa

Thiết bị điều khiển trung tâm từ xa tùy chọn điều khiển tập trung tới 1024 dàn lạnh (64 nhóm) từ vị trí xa tới 1 km.

Điều khiển khóa lần

Cho phép điều khiển bằng thiết bị ngoại vi như hệ thống thông gió tái thu hồi nhiệt (HRV).

Tiêu chuẩn kết nối DIII-NET

Được trang bị giao diện để kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm mà không cần bộ điều hợp.

Phụ kiện tùy chọn

Phin lọc hiệu suất cao

Có hai loại: độ màu 65% và 90%

Phin lọc siêu bền

Không cần bảo trì trong vòng 4 năm* (10,000 tiếng) ở các cửa hàng và văn phòng.

*Đối với nơi có hàm lượng bụi bẩn là 0,15 mg/m³

Bộ cấp gió tươi

Có thể cấp khí trong lành từ bên ngoài cho hệ thống điều hòa. Đặc biệt tiện lợi ở những nơi không thể lắp quạt thông gió.

Lưu ý: *Các ống nối, lưới chắn côn trùng, đệm chống cháy, phin lọc gió và các phụ kiện cần thiết khác có bán tại địa phương.
**Cần có quạt không khí bên ngoài lắp kèm thiết bị PCB (KRP1C63) tùy chọn lắp đặt.
***Chúng tôi khuyến nghị lưu lượng gió ngoài trời đưa vào qua bộ hút gió chỉ nên giới hạn ở 10% tỷ lệ lưu lượng gió tối đa của dàn lạnh. Việc hút nhiều luồng gió hơn sẽ làm tăng độ ồn khi vận hành và cũng có thể ảnh hưởng đến nhiệt độ thoát ra.

Nội dung khác

Bộ trao đổi nhiệt chống ăn mòn

Để nâng cao tuổi thọ bằng cách chống ăn mòn do muối và ô nhiễm không khí, dàn nóng được trang bị bộ trao đổi nhiệt chống ăn mòn (đã được xử lý sơ bộ bằng acrylic).
Ở khu vực có nguy cơ ăn mòn cao, cần phải bảo dưỡng thiết bị thường xuyên.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140	100	125	140				
Tên Model	Dàn lạnh	FCQ50LUV1V	FCQ60LUV1V	FCQ71LUV1	FCQ100LUV1	FCQ125LUV1	FCQ140LUV1	FCQ100LUV1	FCQ125LUV1	FCQ140LUV1				
	Dàn nóng	RZR50LUV1V	RZR60 LUV1V	RZR71LVVM	RZR100LVVM	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR100LUV1	RZR125LUV1	RZR140LUV1				
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz					3 Pha, 380-415 V, 50 Hz							
Công suất lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW		5.0 (2.3-5.6)	5.8 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)		
Công suất tiêu thụ		Làm lạnh ¹		kW		1.30	1.57	1.99	2.78	3.68	4.91	2.78	3.68	4.91
COP		W/W		3.84	3.70	3.57	3.60	3.40	2.85	3.60	3.40	2.85		
Dàn lạnh	Màu	Thiết bị	---											
	Mặt nạ trang trí	Màu trắng sáng												
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	21/13.5			32/20	33/22.5		32/20	33/22.5				
		cfm	741/477			1,130/706	1,165/794		1,130/706	1,165/794				
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	dB(A)	35/28			43/32	44/34	44/36	43/32	44/34	44/36			
	Kích thước (H×W×D)	Thiết bị	256×840×840			298×840×840								
		Mặt nạ trang trí	50×950×950											
	Trọng lượng máy	Thiết bị	21			24								
	Tấm trang trí	5.5												
Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB												
Dàn nóng		Màu trắng ngà												
Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín					Kiểu xoắn ốc dạng kín							
	Công suất động cơ	kW		1.12	1.35	1.76	2.03	2.4	3.1	1.8	2.4	3.1		
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	kg		1.6 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)	3.15 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)	3.7 (Nạp cho 30 m)				
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)		48	49	50	49	50	49	50			
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)		44	45	46	45	46					
	Kích thước (H ×W×D)	mm		595×845×300		990×940×320		1,170×900×320						
	Trọng lượng máy	kg		43		78	97	92	97					
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB											
Ống nối	Lồng (Loe)	mm		21 đến 46										
	Hơi (Loe)	mm		φ9.5										
		mm		φ15.9										
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (l. Dφ 25×O.Dφ 32)											
	Dàn nóng	φ26.0 (Lỗ)												
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		50 (Chiều dài tương đương 70)											
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		30											
Cách nhiệt	Cả ống lồng và ống hơi													

Hệ thống hai dàn lạnh - một dàn nóng

		125	140	125	140				
Tên Model	Dàn lạnh	FCQ60LUV1 ×2	FCQ71LUV1 ×2	FCQ60LUV1 ×2	FCQ71LUV1 ×2				
	Dàn nóng	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR125LUV1	RZR140LUV1				
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz		3 Pha, 380-415 V, 50 Hz					
Công suất làm lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW		12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)	12.5 (5.7-14.0)	14.0 (6.2-15.4)		
Công suất tiêu thụ		Làm lạnh ¹		kW		3.68	4.91	3.68	4.91
COP		W/W		3.40	2.85	3.40	2.85		
Dàn lạnh	Màu	Thiết bị	---						
	Mặt nạ trang trí	Màu trắng sáng							
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	21/13.5		21/13.5				
		cfm	741/477		741/477				
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	dB(A)	35/28		35/28				
	Kích thước (H×W×D)	Thiết bị	256×840×840						
		Mặt nạ trang trí	50×950×950						
	Trọng lượng máy	Dàn	21						
	Mặt nạ trang trí	5.5							
Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB							
Dàn nóng		Màu trắng ngà							
Máy nén	Loại	Kiểu xoắn ốc dạng kín							
	Công suất động cơ	kW		2.4	3.1	2.4	3.1		
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	kg		3.15 (Nạp cho 30 m)		3.7 (Nạp cho 30 m)			
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)		50				
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)		45	46	45	46	
	Kích thước (H ×W×D)	mm		1,170×900×320					
	Trọng lượng máy	kg		97					
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB						
Ống nối	Lồng (Loe)	mm		21 đến 46					
	Hơi (Loe)	mm		φ9.5					
		mm		φ15.9					
	Ống xả	Dàn lạnh	VP25 (l. Dφ 25×O.Dφ 32)						
	Dàn nóng	φ26.0 (Lỗ)							
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		50 (Chiều dài tương đương 70)						
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		30						
Cách nhiệt	Cả ống lồng và ống hơi								

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7.5 m (nằm ngang).
² Không suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ quạt dàn lạnh.
³ Giá trị quy đổi phòng không g dôi âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN BỐN HƯỚNG THỞ NHỎ GỌN

Một chiều lạnh

		25	35	50	60				
Tên Model	Dàn lạnh	FFQ25BV1B	FFQ35BV1B	FFQ50BV1B	FFQ60BV1B				
	Dàn nóng	RKS25AVMG	RKS35AVMG	RKS50AVMG	RKS60AVMG				
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz							
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW		2.5 (1.2-3.0)	3.4 (1.2-3.7)	4.7 (1.7-5.6)	5.8 (1.7-6.0)		
Công suất tiêu thụ		Làm lạnh ¹		kW		0.73	1.10	1.62	2.07
COP		W/W		3.42	3.09	2.90	2.80		
Dàn lạnh	Màu	Thiết bị	---						
	Mặt nạ trang trí	Trắng							
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	9/6.5		10/6.5		12/8		15/10
		cfm	317/229		353/229		423/282		529/353
	Độ ồn (Cao/Thấp) ²	dB(A)	29.5/24.5		32/25		36/27		41/32
	Kích thước (H×W×D)	Thiết bị	286×575×575						
		Mặt nạ trang trí	55×700×700						
	Trọng lượng máy	Thiết bị	17.5						
	Mặt nạ trang trí	2.7							
Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB							
Dàn nóng		Màu trắng ngà							
Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín							
	Công suất động cơ	kW		0.6		1.1			
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	kg		1.0 (Nạp cho 10 m)		1.5 (Nạp cho 10 m)			
	Độ ồn ²	dB(A)		46		47		49	
	Kích thước (H ×W×D)	mm		550×765×285		735×825×300			
	Trọng lượng máy	kg		34		47			
	Dài hoạt động	°CDB		10 đến 46					
	Ống nối	Lồng (Loe)	mm		φ6.4				
Hơi (Loe)		mm		φ9.5					
Ống xả		Dàn lạnh	VP20 (l. Dφ 20×O.Dφ 26)						
		Dàn nóng	φ18.0 (Lỗ)						
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		20		30				
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		15		20				
Cách nhiệt	Cả ống lồng và ống hơi								

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7.5 m (nằm ngang).
² Giá trị quy đổi phòng không g dôi âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Một chiều lạnh

		35				
Tên Model	Dàn lạnh	FHQ35BVV1B				
	Dàn nóng	RKS35AVMG				
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		kW		3.4 (1.2-3.7)		
Công suất tiêu thụ		Làm lạnh ¹		kW		1.05
COP		W/W		3.24		
Dàn lạnh	Màu	Trắng				
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	13/10			
		cfm	458/353			
	Độ ồn (Cao/Thấp) ²	dB(A)	37/32			
	Kích thước (H ×W×D)	mm				195×960×680
	Trọng lượng máy	kg				24
	Dài hoạt động	°CWB				14 đến 23
	Dàn nóng		Màu trắng ngà			
Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín				
	Công suất động cơ	kW		0.6		
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	kg		1.0 (Nạp cho 10 m)		
	Độ ồn ²	dB(A)		47		
	Kích thước (H ×W×D)	mm		550×765×285		
	Trọng lượng máy	kg		34		
	Dài hoạt động	°CDB		10 đến 46		
	Ống nối	Lồng (Loe)	mm		φ6.4	
Hơi (Loe)		mm		φ9.5		
Ống xả		Dàn lạnh	VP20 (l. Dφ 20×O.Dφ 26)			
		Dàn nóng	φ18.0 (Lỗ)			
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m		20			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m		15			
Cách nhiệt	Cả ống lồng và ống hơi					

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7.5 m (nằm ngang).
² Giá trị quy đổi phòng không g dôi âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140	100	125	
Tên Model	Dàn lạnh	FHQ50BV1V	FHQ60BV1V	FHQ71BV1B	FHQ100BV1B	FHQ125BV1B	FHQ140CAVEB	FHQ100BV1B	FHQ125BV1B	
	Dàn nóng	RZR50 LUV1V	RZR60 LUV1V	RZR71LVVM	RZR100LVVM	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR100LUV1	RZR125LUV1	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz							3 Pha, 380-415 V, 50 Hz	
Công suất lạnh ^{1,2}		5.0	5.8	7.1	10.0	12.5	13.3	10.0	12.5	
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		(2.3-5.6)	(2.6-6.3)	(3.2-8.0)	(5.0-11.2)	(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	(5.0-11.2)	(5.7-14.0)	
Công suất tiêu thụ		1.60	1.99	2.50	3.51	4.55	4.68	3.51	4.55	
COP		3.13	2.92	2.84	2.85	2.75	2.84	2.85	2.75	
Dàn lạnh	Màu	White							Màu trắng sáng	
	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	17/-/14		24/-/20		30/-/25		34/29/24		24/-/20
	Độ ồn (H/M/L) ³	600/-/494		847/-/706		1,059/-/883		1,200/1,024/847		847/-/706
	Kích thước (H xWxD)	39/-/35		42/-/37		44/-/39		46/42/38		42/-/37
	Trọng lượng máy	195 x 1,160 x 680		195 x 1,400 x 680		195 x 1,590 x 680		235 x 1,590 x 690		195 x 1,400 x 680
	Dài hoạt động	27		32		35		38		32
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà							Màu trắng	
	Máy nén	Chiều dài đường ống tối đa							Kiểu xoắn ốc dạng kín	
	Loại									
	Công suất động cơ	1.12	1.35	1.76	2.03	2.6	3.1	2.1	2.6	
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	1.6 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)		3.15 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)		3.7 (Nạp cho 30 m)
	Độ ồn ³	48		49		50		49		50
	Vận hành êm vào ban đêm	44		45		46		45		46
	Kích thước (H xWxD)	595 x 845 x 300		990 x 940 x 320		1,170 x 900 x 320				
	Trọng lượng máy	43		78		97		92		97
	Dài hoạt động	21 to 46		ø9.5		ø15.9				
Ống nối	Lông (Loe)	ø9.5							ø15.9	
	Hơi (Loe)	ø15.9							ø15.9	
	Ống xả	VP20 (I.D.ø / 20 x O.D.ø 26)							ø26.0 (Lỗ)	
	Dàn lạnh	VP20 (I.D.ø / 20 x O.D.ø 26)							ø26.0 (Lỗ)	
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	50 (Chiều dài tương đương 70)							30		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	30							Cả ống lỏng và ống hơi		
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi									

Hệ thống hai dàn lạnh - một dàn nóng

		125	140	125	140
Tên Model	Dàn lạnh	FHQ60BV1G x2	FHQ71BV1B x2	FHQ60BV1G x2	FHQ71BV1B x2
	Dàn nóng	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR125LUV1	RZR140LUV1
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz		3 Pha, 380-415 V, 50 Hz	
Công suất lạnh ^{1,2}		12.5	13.3	12.5	13.3
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	(5.7-14.0)	(6.2-15.4)
Công suất tiêu thụ		4.55	5.32	4.55	5.32
COP		2.75	2.50	2.75	2.50
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng			
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	17/14		600/494	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	39/35		195 x 1,160 x 680	
	Kích thước (H xWxD)	27		14 to 25	
	Trọng lượng máy	14 to 25			
	Dài hoạt động	21 to 46			
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà			
	Máy nén	Kiểu xoắn ốc dạng kín			
	Loại				
	Công suất động cơ	2.4	3.1	2.6	2.9
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)	3.15 (Nạp cho 30 m)		3.7 (Nạp cho 30 m)	
	Độ ồn ³	45		50	
	Vận hành êm vào ban đêm	45		46	
	Kích thước (H xWxD)	1,170 x 900 x 320		1,170 x 900 x 320	
	Trọng lượng máy	97		97	
	Dài hoạt động	21 to 46		21 to 46	
Ống nối	Lông (Loe)	ø9.5			
	Hơi (Loe)	ø15.9			
	Ống xả	VP20 (I.D.ø / 20 x O.D.ø 26)			
	Dàn lạnh	VP20 (I.D.ø / 20 x O.D.ø 26)			
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	50 (Chiều dài tương đương 70)				
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	30				
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi				

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương đương 7,5 m (năm ngang).
² Không suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ quạt dàn lạnh.
³ Giá trị quy đổi phòng không gôi âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị quy đổi này chỉ mang tính chất tham khảo và không nên dùng để làm cơ sở cho các thiết kế kỹ thuật.

Giá trị quy đổi phòng không gôi âm, do theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị quy đổi này chỉ mang tính chất tham khảo và không nên dùng để làm cơ sở cho các thiết kế kỹ thuật.

DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140	100	125	140	
Tên Model	Dàn lạnh	FBQ50DV1V	FBQ60DV1V	FBQ71DV1	FBQ100DV1	FBQ125DV1	FBQ140DV1	FBQ100DV1	FBQ125DV1	FBQ140DV1	
	Dàn nóng	RZR50LUV1V	RZR60 LUV1V	RZR71LVVM	RZR100LVVM	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR100LUV1	RZR125LUV1	RZR140LUV1	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz							3 Pha, 380-415 V, 50 Hz		
Công suất lạnh ^{1,2}		5.0	5.8	7.1	10.0	12.5	14.0	10.0	12.5	14.0	
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		(2.3-5.6)	(2.6-6.3)	(3.2-8.0)	(5.0-11.2)	(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	(5.0-11.2)	(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	
Công suất tiêu thụ		1.39	1.63	2.22	2.82	3.73	4.71	2.82	3.73	4.71	
COP		3.60	3.56	3.20	3.55	3.35	2.97	3.55	3.35	2.97	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng									
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	18/15		32/23		39/28		32/23		39/28
	Áp suất tĩnh bên ngoài (Trung Bình-Cao)	635/530		1,130/812		1,377/988		1,130/812		1,377/988	
	Độ ồn ⁴	37/32		38/33		40/36		38/33		40/36	
	Bộ lọc gió	5									
	Kích thước (H xWxD)	300 x 1,000 x 700			300 x 1,400 x 700						
	Trọng lượng máy	36			46						
	Dài hoạt động	14 to 25			14 to 25						
	Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà								
		Máy nén	Chiều dài đường ống tối đa								
Loại		Kiểu xoắn ốc dạng kín									
Công suất động cơ		1.12	1.35	1.76	2.03	2.4	2.9	1.8	2.4	2.9	
Nạp môi chất lạnh (R-410A)		1.6 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)		3.15 (Nạp cho 30 m)		2.7 (Nạp cho 30 m)		3.7 (Nạp cho 30 m)	
Độ ồn ⁴		48		49		50		49		50	
Vận hành êm vào ban đêm		44		45		46		45		46	
Kích thước (H xWxD)		595 x 845 x 300		990 x 940 x 320		1,170 x 900 x 320					
Trọng lượng máy		43		78		97		92		97	
Dài hoạt động		21 to 46		ø9.5		ø15.9					
Ống nối	Lông (Loe)	ø9.5							ø15.9		
	Hơi (Loe)	ø15.9							ø15.9		
	Ống xả	VP25 (I.D.ø / 25 x O.D.ø 32)							ø26.0 (Lỗ)		
	Dàn lạnh	VP25 (I.D.ø / 25 x O.D.ø 32)							ø26.0 (Lỗ)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	50 (Chiều dài tương đương 70)							30			
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	30							Cả ống lỏng và ống hơi			
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi										

Hệ thống hai dàn lạnh - một dàn nóng

		125	140	125	140	
Tên Model	Dàn lạnh	FBQ60DV1 x2	FBQ71DV1 x2	FBQ60DV1 x2	FBQ71DV1 x2	
	Dàn nóng	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR125 LUV1	RZR140 LUV1	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz		3 Pha, 380-415 V, 50 Hz		
Công suất lạnh ^{1,2}		12.5	14.0	12.5	14.0	
Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	(5.7-14.0)	(6.2-15.4)	
Công suất tiêu thụ		4.71	5.32	4.71	5.32	
COP		3.35	2.97	3.35	2.97	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng				
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	18/15		635/530	
	Áp suất tĩnh bên ngoài (Trung Bình-Cao)	635/530		1,130/812		1,377/988
	Độ ồn ⁴	37/32		38/33		40/36
	Bộ lọc gió	5				
	Kích thước (H xWxD)	300 x 1,000 x 700			300 x 1,400 x 700	
	Trọng lượng máy	36			46	
	Dài hoạt động	14 to 25			14 to 25	
	Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà			
		Máy nén	Kiểu xoắn ốc dạng kín			
Loại						
Công suất động cơ		2.4	2.9	2.4	2.9	
Nạp môi chất lạnh (R-410A)		3.15 (Nạp cho 30 m)		3.7 (Nạp cho 30 m)		
Độ ồn ⁴		45		50		
Vận hành êm vào ban đêm		45		46		
Kích thước (H xWxD)		1,170 x 900 x 320		1,170 x 900 x 320		
Trọng lượng máy		97		97		
Dài hoạt động		21 to 46		21 to 46		
Ống nối	Lông (Loe)	ø9.5				
	Hơi (Loe)	ø15.9				
	Ống xả	VP25 (I.D.ø / 25 x O.D.ø 32)				
	Dàn lạnh	VP25 (I.D.ø / 25 x O.D.ø 32)				
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	50 (Chiều dài tương đương 70)					
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	30					
Cách nhiệt	Cả ống lỏng và ống hơi					

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương đương 7,5 m (năm ngang).
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ quạt dàn lạnh.
³ Cài đặt ban đầu là cài đặt tiêu chuẩn. Giá trị chuyển đổi khoảng cách âm được đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Do điều kiện môi trường xung quanh, trong quá trình vận hành, giá trị này có thể cao hơn.
⁴ Bộ lọc gió không phải phụ kiện tiêu chuẩn, nhưng hãy gắn phụ kiện này vào hệ thống ống gió để giảm thiểu bụi (phương pháp trọng lực) tối thiểu 50%.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

Một chiều lạnh

		50	60	71	100	125	140	100	125	140	
Tên Model	Dàn lạnh	FVQ50CVE	FVQ60CVE	FVQ71CVEB	FVQ100CVEB	FVQ125CVEB	FVQ140CVEB	FVQ100CVEB	FVQ125CVEB	FVQ140CVEB	
	Dàn nóng	RZR50LVVM	RZR60LVVM	RZR71LVVM	RZR100LVVM	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR100LVY1	RZR125LVY1	RZR140LVY1	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz/220-230 V, 60 Hz					3 Pha, 380-415 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ^{1,2} Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		5.0 (2.3-5.6)	6.0 (2.6-6.3)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.5 (6.2-15.4)	13.5 (6.2-15.4)	
Công suất tiêu thụ		kW		1.27	1.84	2.58	3.28	4.39	5.40	5.40	
COP		W/W		3.94	3.26	2.75	3.05	2.85	2.50	2.50	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng sáng									
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	Làm lạnh	m ³ /min	18/16/14			28/25/22		30/28/26	
				cfm	635/565/494			988/883/777		988/918/847	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	Làm lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)		dB(A)	43/41/38			50/47/44		51/48/46	
	Kích thước (H x W x D)			mm	1,850 x 600 x 270			1,850 x 600 x 350			
	Trọng lượng máy			kg	39			47			
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà									
	Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín			Kiểu xoắn ốc dạng kín					
		Công suất động cơ	kW	1.12	1.35	1.76	2.03	2.4	3.1	2.3	2.8
	Nạp môi chất lạnh(R-410A)		kg	1.6 (Nạp cho 30m)			2.7 (Nạp cho 30m)		3.15 (Nạp cho 30m)		
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	Làm lạnh	dB(A)	48			49		50		
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)	44			45		46		
Ống nối	Kích thước (H x W x D)		mm	595 x 845 x 300			990 x 940 x 320		1,170 x 900 x 320		
	Trọng lượng máy		kg	43			78		92		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB	21 đến 25			14 đến 25				
	Lồng (Loe)		mm	ø9.5			ø15.9				
	Hơi (Loe)		mm	ø15.9			ø26.0 (Lỗ)				
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP20 (l. D ø20 x O. D ø26)			VP20 (l. D ø20 x O. D ø26)				
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m		50 (Chiều dài tương đương 70)							
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m		30							
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi									

Hệ thống hai dàn lạnh - một dàn nóng

		125	140	125	140	
Tên Model	Dàn lạnh	FVQ60CVEx2	FVQ71CVEBx2	FVQ60CVEx2	FVQ71CVEBx2	
	Dàn nóng	RZR125LVVM	RZR140LVVM	RZR125LVY1	RZR140LVY1	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz/220-230 V, 60 Hz		3 Pha, 380-415 V, 50 Hz		
Làm lạnh capacity ^{1,2} Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		12.5 (5.7-14.0)	13.5 (6.2-15.4)	
Công suất tiêu thụ		kW		4.39	5.40	
COP		W/W		2.85	2.50	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng sáng				
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	Làm lạnh	m ³ /min	18/16/14	
				cfm	635/565/494	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	Làm lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)		dB(A)	43/41/38	
	Kích thước (H x W x D)			mm	1,850 x 600 x 270	
	Trọng lượng máy			kg	39	
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà				
	Máy nén	Loại	Kiểu xoắn ốc dạng kín			
		Công suất động cơ	kW	2.4	3.1	2.8
	Nạp môi chất lạnh(R-410A)		kg	3.15 (Nạp cho 30m)		
	Độ ồn ³	Làm lạnh	dB(A)	50		
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)	45		
Ống nối	Kích thước (H x W x D)		mm	1,170 x 900 x 320		
	Trọng lượng máy		kg	97		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CWB	21 đến 25		
	Lồng (Loe)		mm	ø9.5		
	Hơi (Loe)		mm	ø15.9		
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP20 (l. D ø20 x O. D ø26)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m		50 (Chiều dài tương đương 70)		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m		30		
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi				

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương đương 7,5 m (nằm ngang).
² Công suất là giá trị thực, đã khấu trừ nhiệt từ động cơ quạt dàn lạnh.
³ Giá trị quy đổi phòng không đối ẩm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN

hai chiều lạnh/sưởi

		50	60	71	100	125	140	100	125	140	
Tên Model	Dàn lạnh	FCQ50LUV1V	FCQ60LUV1V	FCQ71LUV1	FCQ100LUV1	FCQ125LUV1	FCQ140LUV1	FCQ100LUV1	FCQ125LUV1	FCQ140LUV1	
	Dàn nóng	RZQ50KCV1V	RZQ60KCV1V	RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A	RZQ125KCV4A	RZQ140KCV4A	RZQ100HAY4A	RZQ125HAY4A	RZQ140HAY4A	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz					3 Pha, 415 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		5.0 (2.5-5.6)	5.8 (2.9-6.0)	7.1 (3.2-8.0)	10.0 (5.0-11.2)	12.5 (5.7-14.0)	13.6 (6.2-15.4)	13.6 (6.2-15.4)	
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		6.0 (3.5-7.0)	7.0 (3.5-8.0)	8.0 (3.5-9.0)	11.2 (5.1-12.8)	14.0 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)	16.0 (6.2-18.0)	
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW		1.27	1.51	1.99	2.94	4.02	4.54	4.39	
	Sưởi ấm ²	kW		1.41	1.74	2.10	3.03	3.83	4.80	4.80	
COP	Làm lạnh	W/W		3.93	3.84	3.57	3.40	3.11	3.00	3.10	
	Sưởi ấm	W/W		4.26	4.03	3.81	3.70	3.66	3.33	3.33	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng sáng									
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	Làm lạnh	m ³ /min	21/13.5		32/20		33/22.5		
				cfm	741/477		1,130/706		1,165/794		
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	Làm lạnh (Cao/Thấp)		dB(A)	35/28		43/32		44/36		
	Kích thước (H x W x D)	Thiết bị		mm	256 x 840 x 840			298 x 840 x 840			
	Trọng lượng máy	Mặt nạ trang trí		kg	21			24			
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà									
	Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín			Kiểu xoắn ốc dạng kín					
		Công suất động cơ	kW	1.3	1.6	1.7	1.9	2.4	3.1	1.7	
	Nạp môi chất lạnh (R-410A)		kg	2.75 (Nạp cho 30m)			3.7 (Nạp cho 30m)		4.3 (Nạp cho 30m)		
	Độ ồn	Làm lạnh/Sưởi ấm ³	dB(A)	48/50			49/51		50/52		
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)	44			45		46		
Ống nối	Kích thước (H x W x D)		mm	770 x 900 x 320			1,170 x 900 x 320		1,345 x 900 x 320		
	Trọng lượng máy		kg	68			98		108		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB	-5 đến 46			-15 đến 15.5				
		Sưởi ấm	°CWB	-15 đến 15.5							
	Lồng (Loe)		mm	ø9.5			ø15.9				
	Hơi (Loe)		mm	ø15.9			ø26.0 (Lỗ)				
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP25 (l. D ø25 x O. D ø32)			VP25 (l. D ø25 x O. D ø32)				
		Dàn nóng	mm	ø26.0 (Lỗ)			ø26.0 (Lỗ)				
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m		30	50 (Chiều dài tương đương 70)	75 (Chiều dài tương đương 90)				
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m		30						
	Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi								

DÀN LẠNH ÂM TRẦN CASSETTE BỐN HƯỚNG THỔI

hai chiều lạnh sưởi

		25	35	50	60	
Tên Model	Dàn lạnh	FFQ25BV1B	FFQ35BV1B	FFQ50BV1B	FFQ60BV1B	
	Dàn nóng	RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FVMA	RXS60FVMA	
Nguồn điện		1 Pha, 220-240 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		2.5 (1.2-3.0)	3.4 (1.2-3.7)	
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu-Tối đa)		kW		3.2 (1.2-4.5)	4.0 (1.2-5.0)	
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	kW		0.73	1.10	
	Sưởi ấm ²	kW		0.92	1.20	
COP	Làm lạnh	W/W		3.42	3.09	
	Sưởi ấm	W/W		3.48	3.33	
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng				
	Lưu lượng gió (H)	Làm lạnh	m ³ /min	9/6.5		
			cfm	318/229		
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	Làm lạnh (Cao/Thấp)	dB(A)	29.5/24.5		
	Kích thước (H x W x D)	Thiết bị	mm	286 x 575 x 575		
	Trọng lượng máy	Mặt nạ trang trí	kg	17.5		
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà				
	Máy nén	Loại	Kiểu quay dạng kín			
		Công suất động cơ	kW	0.6		
	Nạp môi chất lạnh(R-410A)		kg	1.0 (Nạp cho 10 m)		
	Độ ồn	Làm lạnh/Sưởi ấm ³	dB(A)	46/47		
		Vận hành êm vào ban đêm	dB(A)	47/48		
Ống nối	Kích thước (H x W x D)		mm	550 x 765 x 285		
	Trọng lượng máy		kg	34		
	Dài hoạt động	Làm lạnh	°CDB	10 đến 46		
		Sưởi ấm	°CWB	-15 đến 20		
	Lồng (Loe)		mm	ø6.4		
	Hơi (Loe)		mm	ø9.5		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP20 (l. D ø20 x O. D ø26)		
		Dàn nóng	mm	ø18.0 (Lỗ)		
	Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị		m		20	30
	Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m		15	20
	Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi			

Lưu ý:
¹ Công suất làm lạnh định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương đương 7,5 m (nằm ngang).
² Công suất sưởi ấm định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 20°CDB, nhiệt độ ngoài trời, 7°CWB. Đường ống làm lạnh tương đương, 7,5 m (nằm ngang).
³ Giá trị quy đổi phòng không đối ẩm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Hai chiều lạnh/sưởi

		35		
Tên Model	Dàn lạnh	FHQ35BVV1B		
	Dàn nóng	RXS35EBVMA		
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220-240 V, 50 Hz		
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		3.4 (1.2-3.7)		
		kW		
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		4.0 (1.2-5.0)		
		kW		
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.05 (0.3-1.23)		
	Sưởi ấm ²	1.11 (0.29-1.61)		
COP	Làm lạnh	3.24 (4.00-3.01)		
	Sưởi ấm	3.60 (4.14-3.11)		
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng		
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	13/10	
		cfm	459/353	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ³	dB(A)	37/32	
	Kích thước (H x W x D)	mm	195 x 960 x 680	
	Trọng lượng máy	kg	24	
	Dải hoạt động	Làm lạnh	°CDB 14 đến 23	
		Sưởi ấm	°CDB 10 đến 30	
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà		
	Máy nén	Loại	Kiểu quay đang kín	
		Công suất động cơ	kW	0.6
	Nạp môi chất làm lạnh (R-410A)	kg	1.0 (Nạp cho 10 m)	
	Độ ồn	Làm lạnh/Sưởi ấm ³	dB(A)	47/48
	Kích thước (H x W x D)	mm	550 x 765 x 285	
	Trọng lượng máy	kg	34	
	Dải hoạt động	Làm lạnh	°CDB 10 đến 46	
	Sưởi ấm	°CDB -15 đến 20		
Ống nối	Lông (Loe)	mm	ø6.4	
	Hơi (Loe)	mm	ø9.5	
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP20 (L. D ø20 x O.D ø26)
		Dàn nóng	mm	ø18.0 (Lỗ)
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	20		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	15		
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi		

DÀN LẠNH ẨM TRẦN NỔI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG

Hai chiều lạnh/sưởi

		25	35	50	60	
Tên Model	Dàn lạnh	FDXS25CVMA	FDXS35CVMA	FDXS50CVMA	FDXS60CVMA	
	Dàn nóng	RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FAVMA	RXS60FVMA	
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220-240 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		2.4 (1.2-3.0)	3.4 (1.2-3.8)	5.0 (1.7-5.3)	6.0 (1.7-6.5)	
		kW				
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		3.2 (1.2-4.5)	4.0 (1.2-5.0)	5.8 (1.7-6.0)	7.0 (1.7-8.0)	
		kW				
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	0.69 (0.3-0.92)	1.09 (0.3-1.27)	1.65 (0.44-1.93)	2.13 (0.44-2.49)	
	Sưởi ấm ²	0.91 (0.29-1.49)	1.18 (0.29-1.79)	1.92 (0.4-2.04)	2.32 (0.4-3.18)	
COP	Làm lạnh	3.48 (4.00-3.26)	3.12 (4.00-2.99)	3.03 (3.86-2.75)	2.82 (3.86-2.61)	
	Sưởi ấm	3.52 (4.14-3.02)	3.39 (4.14-2.79)	3.02 (4.25-2.94)	3.02 (4.25-2.52)	
Dàn lạnh	Màu	---				
	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	9.5/8.8/8.0/6.7	10.0/9.3/8.5/7.0	12.0/11.0/10.0/8.4	16.0/14.8/13.5/11.2
		cfm	335/311/282/237	353/328/300/247	424/388/353/297	565/523/477/395
	Quạt Áp suất tĩnh bên ngoài	Pa(mmH ₂ O)	40			
	Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Siêu thấp) ³	dB(A)	35/33/31/29			
	Kích thước (H x W x D)	mm	200 x 900 x 620			
	Trọng lượng máy	kg	25			
	Dải hoạt động	Làm lạnh	14 đến 23			
	Sưởi ấm	10 đến 30				
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà				
	Máy nén	Loại	Kiểu quay đang kín			
		Công suất động cơ	kW	0.6	1.1	
	Nạp môi chất làm lạnh (R-410A)	kg	1.0 (Nạp cho 10 m)	1.5 (Nạp cho 10 m)		
	Độ ồn ³	Làm lạnh (H/L)	dB(A)	47/44	49/46	
		Sưởi ấm (H/L)	dB(A)	48/45	49/46	
	Kích thước (H x W x D)	mm	550 x 765 x 285	735 x 825 x 300		
	Trọng lượng máy	kg	34	48		
Dải hoạt động	Làm lạnh	10 đến 46				
	Sưởi ấm	°CDB -15 đến 20				
Ống nối	Lông (Loe)	mm	ø6.4			
	Hơi (Loe)	mm	ø9.5			
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	VP20 (L. D ø20 x O.D ø26)		
		Dàn nóng	mm	ø18.0 (Lỗ)		
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	20				
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	15				
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi				

Chú ý:

¹ Công suất làm mát định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7,5 m (nằm ngang).

² Công suất sưởi ấm định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 20°CDB, nhiệt độ ngoài trời, 7°CDB, 6°CWB. Đường ống làm lạnh tương đương, 5 m (nằm ngang).

³ Giá trị quy đổi phòng không gởi âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Hai chiều lạnh/sưởi

		50	60	71	100	125	140	100	125	140		
Tên Model	Dàn lạnh	FHQ50BVV1V	FHQ60BVV1V	FHQ71BVV1B	FHQ100BVV1B	FHQ125BVV1B	FHQ140CAVEA	FHQ100BVV1B	FHQ125BVV1B	FHQ140 CAVEA		
	Dàn nóng	RZQ50KBV1V	RZQ60KBV1V	RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A	RZQ125KCV4A	RZQ140KCV4A	RZQ100HAY4A	RZQ125HAY4A	RZQ140HAY4A		
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220-240 V, 50 Hz			1 Pha, 240 V, 50 Hz			3 Pha, 415 V, 50 Hz				
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		5.0 (2.5-5.6)	5.8 (2.9-6.0)	5.8 (3.2-8.0)	9.2 (5.0-11.2)	11.2 (5.7-14.0)	13.2 (6.2-15.4)	9.2 (5.0-11.2)	11.2 (5.7-14.0)	13.2 (6.2-15.4)		
		kW										
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		6.0 (3.5-7.0)	7.0 (3.5-8.0)	7.5 (3.5-9.0)	10.5 (5.1-12.8)	13.5 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)	10.5 (5.1-12.8)	13.5 (6.0-16.2)	16.0 (6.2-18.0)		
		kW										
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.39	1.63	1.77	2.93	3.70	4.40	2.85	3.55	4.33		
	Sưởi ấm ²	1.67	2.05	2.32	3.33	4.35	5.00	3.26	4.35	4.93		
COP	Làm lạnh	3.60	3.56	3.28	3.14	3.03	3.00	3.23	3.15	3.04		
	Sưởi ấm	3.60	3.42	3.23	3.15	3.10	3.20	3.22	3.10	3.24		
Dàn lạnh	Màu	Màu trắng										
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m ³ /min	17/-/14	24/-/20	30/-/25	34/29/24	24/-/20	30/-/25	34/29/24		
		cfm	600/-/494	847/-/706	1,059/-/883	1,200/1,024/847	847/-/706	1,059/-/883	1,200/1,024/847			
	Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp) ³	dB(A)	39/-/35	42/-/37	44/-/39	46/42/38	42/-/37	44/-/39	46/42/38			
	Kích thước (H x W x D)	mm	195 x 1,160 x 680	195 x 1,400 x 680	195 x 1,590 x 680	235 x 1,590 x 690	195 x 1,400 x 680	195 x 1,590 x 680	235 x 1,590 x 690			
	Trọng lượng máy	kg	27	32	35	38	32	35	38			
	Dải hoạt động	Làm lạnh	°CDB 14 đến 25									
		Sưởi ấm	°CDB 15 đến 27									
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà										
	Máy nén	Loại	Kiểu quay đang kín			Kiểu xoắn ốc dạng kín						
		Công suất động cơ	kW	1.3	1.6	1.7	1.9	2.4	3.1	2.3	2.7	2.9
	Nạp môi chất làm lạnh (R-410A)	kg	2.75 (Nạp cho 30 m)	3.7 (Nạp cho 30 m)			4.3 (Nạp cho 30 m)					
	Độ ồn	Làm lạnh/Sưởi ấm ³	dB(A)	48/50	49/51	50/52	49/51	50/52	49/51	50/52		
		Vận hành yên tĩnh vào ban đêm	dB(A)	44	45	46	45	46	45	46		
	Kích thước (H x W x D)	mm	770 x 900 x 320	1,170 x 900 x 320			1,345 x 900 x 320					
	Trọng lượng máy	kg	68	98			108					
Dải hoạt động	Làm lạnh	°CDB -5 đến 46										
	Sưởi ấm	°CWB -15 đến 15.5										
Ống nối	Lông (Loe)	mm	ø9.5									
	Hơi (Loe)	mm	ø15.9									
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm									
		Dàn nóng	mm									
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	30	50 (Chiều dài tương đương 70)	75 (Chiều dài tương đương 90)								
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	30										
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi										

Chú ý:

¹ Công suất làm mát định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7,5 m (nằm ngang).

² Công suất sưởi ấm định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 20°CDB, nhiệt độ ngoài trời, 7°CDB, 6°CWB. Đường ống làm lạnh tương đương, 7,5 m (nằm ngang).

³ Giá trị quy đổi phòng không gởi âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

DÀN LẠNH GIẤU TRẦN

Hai chiều lạnh/sưởi

		50	60	71
Tên Model	Dàn lạnh	FBQ50BV1A	FBQ60BV1A	FBQ71BV1A
	Dàn nóng	RXS50FAVMA	RXS60FVMA	RXS71FVMA
Nguồn điện	Dàn nóng	1 Pha, 220-240 V, 50 Hz		
Công suất lạnh ¹ Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		5.0 (1.7-5.6)	5.7 (1.7-7.0)	6.7 (2.3-8.0)
		kW		
Công suất sưởi ấm ² Định mức (Tối thiểu - Tối đa)		6.0 (1.7-7.0)	7.0 (1.7-8.0)	8.2 (2.3-10.0)
		kW		
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh ¹	1.98 (0.44-2.25)	2.23 (0.44-2.83)	2.57 (0.57-3.26)
	Sưởi ấm ²	1.93 (0.4-2.52)	2.26 (0.4-2.94)	2.67 (0.45-3.85)
COP	Làm lạnh	2.53 (3.86-2.49)	2.56 (3.86-2.47)	2.61 (4.04-2.45)
	Sưởi ấm	3.11 (4.25-2.78)	3.10 (4.25-2.72)	3.07 (5.11-2.60)
Dàn lạnh	Màu	---		
	Quạt	Lưu lượng gió (Cao/Thấp)	m ³ /min	13/9
		cfm	459/318	636/459
		Sưởi ấm	m ³ /min	14/10
		cfm	494/353	671/494
	Áp suất tĩnh bên ngoài ³ (Cao - Tiêu chuẩn - Thấp)	Pa	88-49-20	
	Độ ồn (Cao/Thấp) ⁴	dB(A)	33/29	34/30
	Kích thước (H x W x D)	mm	300 x 700 x 800	300 x 1000 x 800
Trọng lượng máy	kg	34	41	
Dải hoạt động	Làm lạnh	14 đến 23		
	Sưởi ấm	10 đến 30		
Dàn nóng	Màu	Màu trắng ngà		
	Máy nén	Loại	Kiểu quay đang kín	
		Công suất động cơ	kW	1.1
	Nạp môi chất làm lạnh (R-410A)	kg	1.5 (Nạp cho 10m)	1.92 (Nạp cho 10 m)
	Độ ồn ⁴	Làm lạnh/Sưởi ấm	dB(A)	47/49
	Kích thước (H x W x D)	mm	735 x 825 x 300	770 x 900 x 320
	Trọng lượng máy	kg	48	71
	Dải hoạt động	Làm lạnh	10 đến 46	
	Sưởi ấm	°CWB -15 đến 18		
Ống nối	Lông	mm	ø12.7	
	Hơi	mm	ø6.4	
	Ống thoát nước	Dàn lạnh	mm	
		Dàn nóng	mm	
Chiều dài tối đa ống nối các thiết bị	m	ø18.0 30		
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt	m	ø18.0 20		
Cách nhiệt		Cả ống lỏng và ống hơi		

Chú ý:

¹ Công suất làm mát định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 27°CDB, 19.0°CWB; nhiệt độ ngoài trời, 35°CDB, 24°CWB tương ứng 7,5 m (nằm ngang).

² Công suất sưởi ấm định mức dựa trên điều kiện sau: Nhiệt độ trong phòng, 20°CDB, nhiệt độ ngoài trời, 7°CDB, 6°CWB. Đường ống làm lạnh tương đương, 7,5 m (nằm ngang).

³ Cài đặt ban đầu là cài đặt tiêu chuẩn.

⁴ Giá trị quy đổi phòng không gởi âm, đo theo thông số và tiêu chuẩn JIS. Giá trị có thể thay đổi trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.

PHỤ KIỆN TÙY CHỌN

Dàn lạnh

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN NHỎ GỌN ĐA HƯỚNG THOẢI

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ			
		FFQ25BV1B	FFQ35BV1B	FFQ50BV1B	FFQ60BV1B
Mặt nạ trang trí		BYFQ60B8W1/BYFQ60B3W1			
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7E531W		
		Loại hai chiều lạnh sưởi	BRC7E530W		
	Loại có dây ¹	BRC1C61			
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹	BRC1E62			
Bộ điều hợp nối dây ²		KRP1BA57			
Bộ điều hợp dành cho các thiết bị điện ²		KRP4AA53			
Cảm biến từ xa (cho nhiệt độ dàn lạnh)		KRC501-1B			
Hộp lắp đặt dành cho bộ điều hợp PCB		KRP1BA101			
Điều khiển trung tâm từ xa ³		DCS302CA61			
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất ³		DCS301BA61			
Bộ lập trình thời gian ³		DST301BA61			
Điều khiển Cảm ứng Thông minh		DCS601C51			
Bộ điều hợp giao diện dành cho các dòng SkyAir		DTA112BA51			
Phin lọc có độ bền cao có thể thay thế được		KAFQ441BA60			
Bộ lấy gió tươi	Loại lắp trực tiếp	KDDQ44XA60			
Tấm chắn miệng gió		KDBH44BA60			
Miếng đệm mặt nạ		KDBQ44BA60A			

Lưu ý: ¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có dây có bán tại địa phương.

² Cần có hộp lắp đặt cho bộ điều hợp PCB (KRP1BA101).

³ Phụ kiện tùy chọn này cần có DTA112BA51.

DÀN LẠNH ÁP TRẦN

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ						
		FHQ35BV1B	FHQ50BV1V	FHQ60BV1V	FHQ71BV1B	FHQ100BV1B	FHQ125BV1B	FHQ140CAVEB
Phin lọc có độ bền cao có thể thay thế được	Lưới nhựa	KAF501DA56		KAF501DA80		KAF501DA112	KAF501DA160	KAFP501A160
Bộ lấy gió tươi								KDDQ50A140
Dụng cụ bơm xả		KDU50N60VE		KDU50N125VE				KDU50P140VE
Dụng cụ nối ống chữ L (hướng lên trên)		KHFP5MA35		KHFP5MA160				KHFP5N160
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh	BRC7EA66				BRC7GA56	
			BRC7EA63A				BRC7GA53	
	Loại có dây ¹		BRC1C61					
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹		BRC1E62					
Điều khiển từ xa trung tâm			DCS302CA61 ²				DCS302CA61 ³	
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất			DCS301BA61 ²				DCS301BA61 ³	
Bộ lập trình thời gian			DST301BA61 ²				DST301BA61 ³	
Điều khiển Cảm ứng Thông minh			DCS601C51 ²				DCS601C51 ³	
Bộ điều hợp để nối dây			KRP1BA54					
Bộ điều hợp dành cho các thiết bị điện ⁴			KRP4AA52					
Bộ điều hợp giao diện dành cho các dòng SkyAir			DTA112BA51					
Hộp lắp đặt dành cho bộ điều hợp PCB			KRP1CA93				KRP1D93A	
Cảm biến từ xa (nhiệt độ dàn lạnh)			KRC501-1B				KRC501-4B	
Hộp điện có đầu nối đất (3 cụm)			KJB311AA					
Hộp điện có đầu nối đất (2 cụm)			KJB212AA					

Lưu ý: ¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có dây có bán tại địa phương.

² Phụ kiện tùy chọn này cần có DTA112BA51.

³ FHQ140CA được trang bị bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Không cần DTA112BA51.

⁴ Cần có hộp lắp đặt cho bộ điều hợp PCB.

DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỔI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ			
		FDXS25CVMA	FDXS35CVMA	FDXS50CVMA	FDXS60CVMA
Điều khiển từ xa có dây ¹		BRC944B2			
Mã điều khiển từ xa có dây	Chiều dài 3 m (dây bọc)	BRCW901A03			
	Chiều dài 8 m (dây bọc)	BRCW901A08			
Điều khiển trung tâm 5 phòng ²		KRC72A			
Bộ điều hợp PCB (công tắc mở bình thường/mạch mở bình thường)	³	KRP413AB1S			
Điều khiển từ xa đi kèm dây xích phòng trường hợp bị mất		KKF917A4			
Bộ điều hợp giao diện để sử dụng DIII-NET		KRP928BB2S			
Điều khiển từ xa trung tâm ⁴		DCS302CA61			
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất ⁴		DCS301BA61			
Bộ lập trình thời gian ⁴		DST301BA61			
Điều khiển cảm ứng thông minh ⁴		DCS601C51			
Lưới hút gió		KDG19A45			
Dụng cụ cách ly khi độ ẩm cao		KDT25N50		KDT25N63	

Lưu ý: ¹ Cần sử dụng dây điều khiển từ xa có độ dài 13 m (BRCW901A03) hoặc 8 m (BRCW901A08).

² Cần sử dụng bộ điều hợp PCB (KRP413AB1S) cho mỗi dàn lạnh riêng biệt.

³ Mua đồng hồ thời gian và thiết bị khác tại địa phương.

⁴ Phụ kiện tùy chọn này cần có KRP928BB2S.

Dàn lạnh

DÀN LẠNH GIẤU TRẦN

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ		
		FBQ50BV1A	FBQ60BV1A	FBQ71BV1A
Mặt nạ bảo trì		KTB25KA56W	KTB25KA80W	
Bộ điều hợp xả khí		KDAJ25K56A	KDAJ25K71A	
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Loại hai chiều lạnh sưởi		
		BRC4C62		
	Loại có dây ¹	BRC1C61		
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ¹	BRC1E62		
Bộ điều hợp để mắc dây (kết nối liên động với quạt hút gió tươi)		KRP1BA54		
Bộ điều hợp dành cho các thiết bị điện		KRP4AA51		
Bộ điều hợp giao diện dành cho các dòng SkyAir		DTA112BA51		
Điều khiển từ xa trung tâm ²		DCS302CA61		
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất ²		DCS301BA61		
Bộ lập trình thời gian ²		DST301BA61		
Điều khiển Cảm ứng Thông minh		DCS601C51		

Lưu ý: ¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có dây có bán tại địa phương.

² Phụ kiện tùy chọn này cần có DTA112BA51.

DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FBQ50DV1V	FBQ60DV1V	FBQ71DV1	FBQ100DV1	FBQ125DV1	FBQ140DV1
Phin lọc hiệu suất cao ¹	65%	KAF372AA80		KAF372AA160			
	90%	KAF373AA80		KAF373AA160			
Buồng lọc		KDDF37AA80		KDDF37AA160			
Phin lọc có độ bền cao có thể thay thế được		KAF371AA80		KAF371AA160			
Dụng cụ buồng lọc độ bền cao có thể thay thế được		KAF375AA80		KAF375AA160			
Mặt nạ bảo trì		KTB25KA80W		KTB25KA160W			
		KTBJ25K80F		KTBJ25K160F			
		KTBJ25K80T		KTBJ25K160T			
		KDAJ25K71A		KDAJ25K140A			
Bộ điều hợp xả khí				BRC4C64			
Điều khiển từ xa	Loại không dây	Một chiều lạnh		BRC4C62			
		Loại hai chiều lạnh sưởi		BRC1C61			
	Loại có dây ²	BRC1E62					
Điều khiển điều hướng từ xa	Loại có dây ²	BRC1E62					
Bộ điều hợp để mắc dây (kết nối liên động với quạt hút gió tươi)		KRP1C64 *					
Bộ điều hợp dành cho các thiết bị điện		KRP4AA51 *					
Cảm biến từ xa		KRC501-4B					
Bảng gắn bộ điều hợp PCB ⁴		KRP4A96 ^{5,6}					
Điều khiển từ xa trung tâm ³		DCS302CA61					
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất ³		DCS301BA61					
Bộ lập trình thời gian ³		DST301BA61					
Điều khiển Cảm ứng Thông minh ³		DCS601C51					

Ghi chú: Nếu lắp phin lọc có hiệu suất cao trên dàn, cần sử dụng buồng lọc đặt dành cho bộ phận hút gió ở bên dưới hoặc đằng sau.

¹ Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có dây có bán tại địa phương.

² Dàn lạnh được trang bị bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Một phụ kiện không cần thiết.

³ Cần có bảng gắn bộ điều hợp PCB dành cho các bộ điều hợp được đánh dấu . *

⁴ Có thể gắn 2 bộ điều hợp trên một bảng.

⁵ Chỉ lắp đặt một bảng với mỗi dàn lạnh.

DÀN LẠNH TỬ ĐỨNG ĐẶT SÀN

Tên phụ kiện tùy chọn	Ghi chú	Tên dụng cụ					
		FVQ50CVE	FVQ60CVE	FVQ71CVEB	FVQ100CVEB	FVQ125CVEB	FVQ140CVEB
Phin lọc siêu bền có thể thay thế được		KAFJ95L160					
Điều khiển từ xa BRC1C61	Loại có dây ¹	BRC1C61					
Điều khiển Điều hướng từ xa	Loại có dây ¹	BRC1E62					
Điều khiển từ xa trung tâm ²		DCS302CA61					
Điều khiển BẬT/TẮT thống nhất ²		DCS301BA61					
Bộ lập trình thời gian ²		DST301BA61					
Điều khiển Cảm ứng Thông minh ²		DCS601C51					
Bộ điều hợp để mắc dây ³		KRP1BA57					
Bộ điều hợp dành cho các thiết bị điện		KRP4AA52					
Hộp lắp đặt dành cho bộ điều hợp PCB		KRP4AA95					

Ghi chú: Dây dẫn dùng cho điều khiển từ xa có dây có bán tại địa phương.

² Dàn lạnh được trang bị bộ điều hợp giao diện dành cho dòng SkyAir. Một phụ kiện không cần thiết.

³ Cần có hộp lắp đặt cho bộ điều hợp PCB (KRP4AA95).

DANH MỤC TÙY CHỌN

Dàn nóng

Tên phụ kiện tùy chọn	Tên dụng cụ				
	Một chiều lạnh				
	RZR50LUV1V RZR50LVVM	RZR60LUV1V RZR60LVVM	RZR71LVVM	RZR100LVVM	RZR125LVVM RZR140 LVVM
Nút xả nước trung tâm	KKP014A4		KKPJ5G280	KKPJ5F180	
Dây cố định để chống đổ dàn	---		---	K-KYZP15C	
Tấm cố định để chống đổ dàn	---		KKTP5B112	KPT-60B160	
Bộ điều hợp	---		---	KRP58M51	
Bộ nối ống	Cho 2 dàn lạnh Twin multi	---	---	KHRP58P216T	

Tên phụ kiện tùy chọn	Tên dụng cụ	
	Một chiều lạnh	
	RZR100LUV1	RZR140LUV1
Nút xả nước trung tâm	KKPJ5F180	
Dây cố định để chống đổ dàn	K-KYZP15C	
Tấm cố định để chống đổ dàn	KPT-60B160	
Bộ điều hợp	KRP58M51	
Bộ nối ống	Cho 2 dàn lạnh Twin multi	KHRP58P216T

Tên phụ kiện tùy chọn	Chú ý	Tên dụng cụ			
		Một chiều lạnh			
		RKS25AVMG	RKS35AVMG	RKS50AVMG	RKS60AVMG
Lưới điều chỉnh hướng thổi		KPW937A4		KPW945A4	
Nút nước xả	Một bộ gồm 5 cái cho 5 dàn	KKP937A4			

Tên phụ kiện tùy chọn	Tên dụng cụ				
	Hai chiều lạnh/sưởi				
	RZQ50KBV1V RZQ50KBV4A	RZQ60KBV1V RZQ60KBV4A	RZQ71KCV4A	RZQ100KCV4A RZQ100HAY4A	RZQ125KCV4A RZQ125HAY4A
Nút xả nước trung tâm	KKPJ5F180				
Dây cố định để chống đổ dàn	K-KYZP15C				
Tấm cố định để chống đổ dàn	KPT-60B160				
Bộ điều hợp	KRP58M51				

Tên phụ kiện tùy chọn	Chú ý	Tên dụng cụ				
		Hai chiều lạnh/sưởi				
		RXS25EBVMA	RXS35EBVMA	RXS50FVMA RXS50FVMA	RXS60FVMA	RXS71FVMA
Lưới điều chỉnh hướng thổi		KPW937A4		KPW945A4		
Nút nước xả	Một bộ gồm 5 cái cho 5 dàn	KKP937A4		KKP945A4		

KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN (THỔI TRÒN)

The technical drawings show the dimensions and installation details for ceiling-mounted cassette air conditioning units. The units are categorized into two main types: [FCQ50-140LU] and [FCQ100-140LU]. Each type has two sub-models: [FCQ50-71LU] and [FCQ100-71LU].

The drawings include top and side views, showing the unit's footprint, height, and the positions of various components like the air outlet, water drain, and control panel. Dimensions are provided in millimeters (mm). Key dimensions include the unit's width (950mm for FCQ50 and 1200mm for FCQ100), depth (420mm for FCQ50 and 600mm for FCQ100), and height (150mm for FCQ50 and 200mm for FCQ100).

Installation details include the required ceiling clearance (860-910mm for FCQ50 and 860-910mm for FCQ100), the position of the air outlet (90° or 180°), and the location of the water drain. The drawings also show the positions of the air filter, the control panel, and the water drain pan.

Notes (Lưu ý):

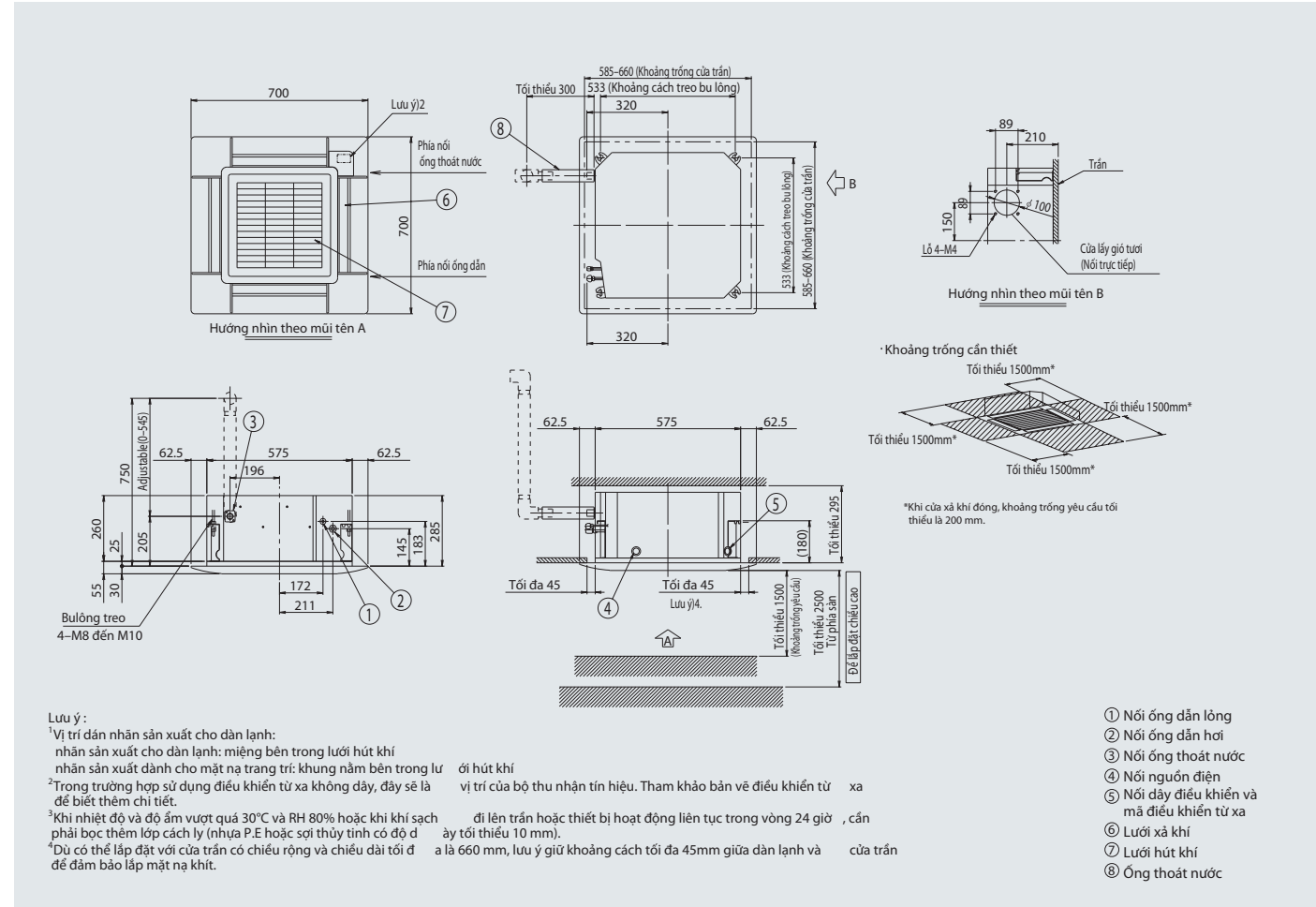
- * Vị trí dẫn nhân sản xuất: Cho dàn lạnh: Hộp công tắc bên trong bề mặt lưới hút gió. Cho mặt nạ trang trí: Cấu trúc mặt nạ bên trong bề mặt lưới hút gió.
- * Trong trường hợp sử dụng điều khiển từ xa không dây, đây sẽ là vị trí của bộ thu nhận tín hiệu. Tham khảo bản vẽ điều khiển từ xa để biết thêm chi tiết.
- * Khi nhiệt độ và độ ẩm vượt quá 30°C và RH 80% hoặc khi khí sạch đi lên trần hoặc thiết bị hoạt động liên tục trong vòng 24 giờ, cần phải bóc thêm lớp cách ly (như P.E hoặc sợi thủy tinh có độ dày tối thiểu 10 mm).
- * Dù có thể lắp đặt với cửa trần có chiều rộng và chiều dài tối đa là 910 mm, lưu ý giữ khoảng cách tối đa 35mm giữa dàn lạnh và của trần để đảm bảo lắp đặt kín.
- * Lưu ý không đặt các vật ẩm hoặc bị kẹt bên dưới dàn lạnh. Trong trường hợp độ ẩm trên 80%, cửa xả bị tắc và phin lọc khí bị bẩn, sương có thể rơi.

Legend (Chú ý):

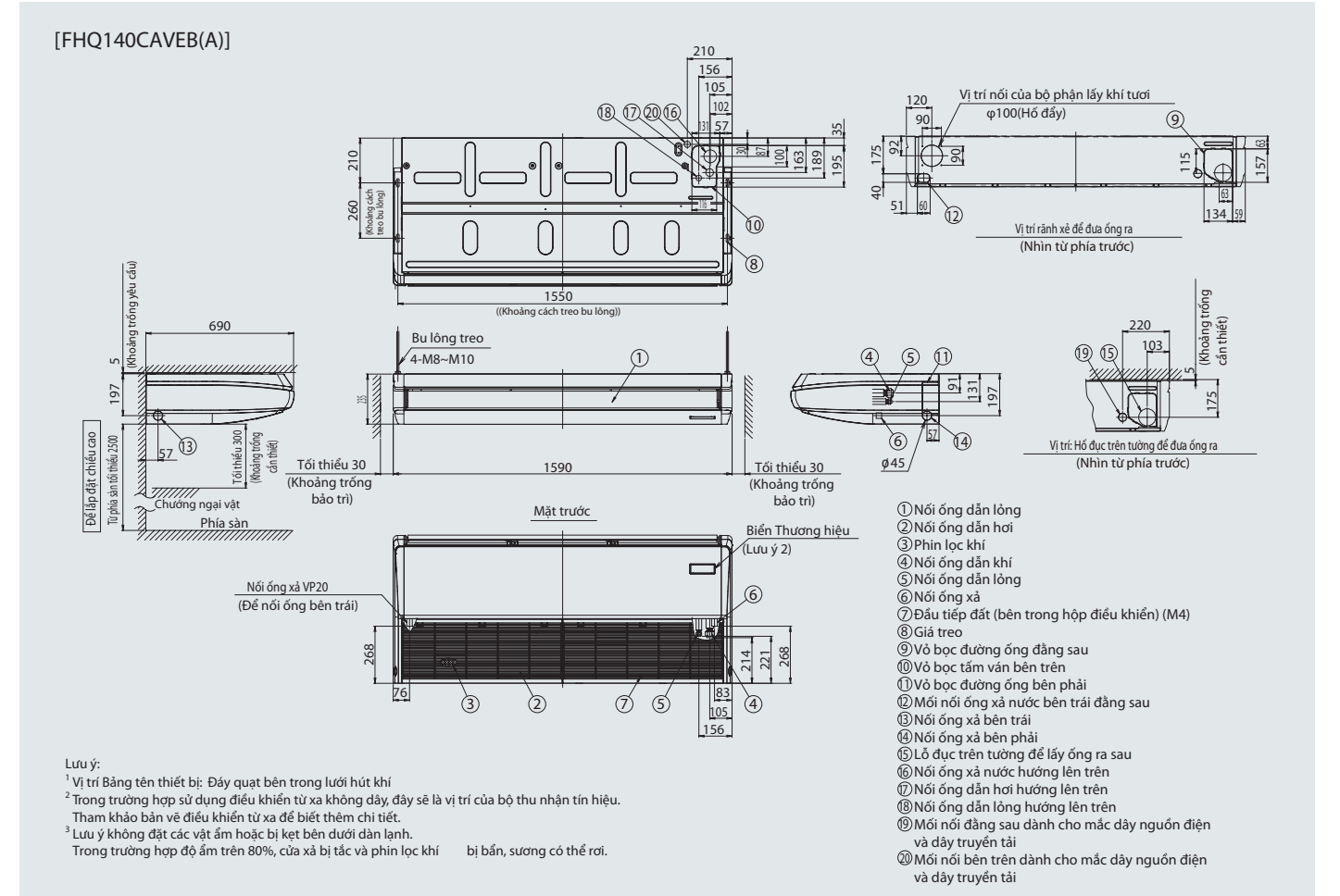
- 1 Nối ống dẫn lỏng
- 2 Nối ống dẫn hơi
- 3 Nối ống xả
- 4 Nối dây truyền tải
- 5 Nối dây điều khiển từ xa
- 6 Lưới thông khí
- 7 Lưới hút khí
- 8 Vỏ trang trí ở góc
- 9 Ống xả (Phụ kiện)

KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

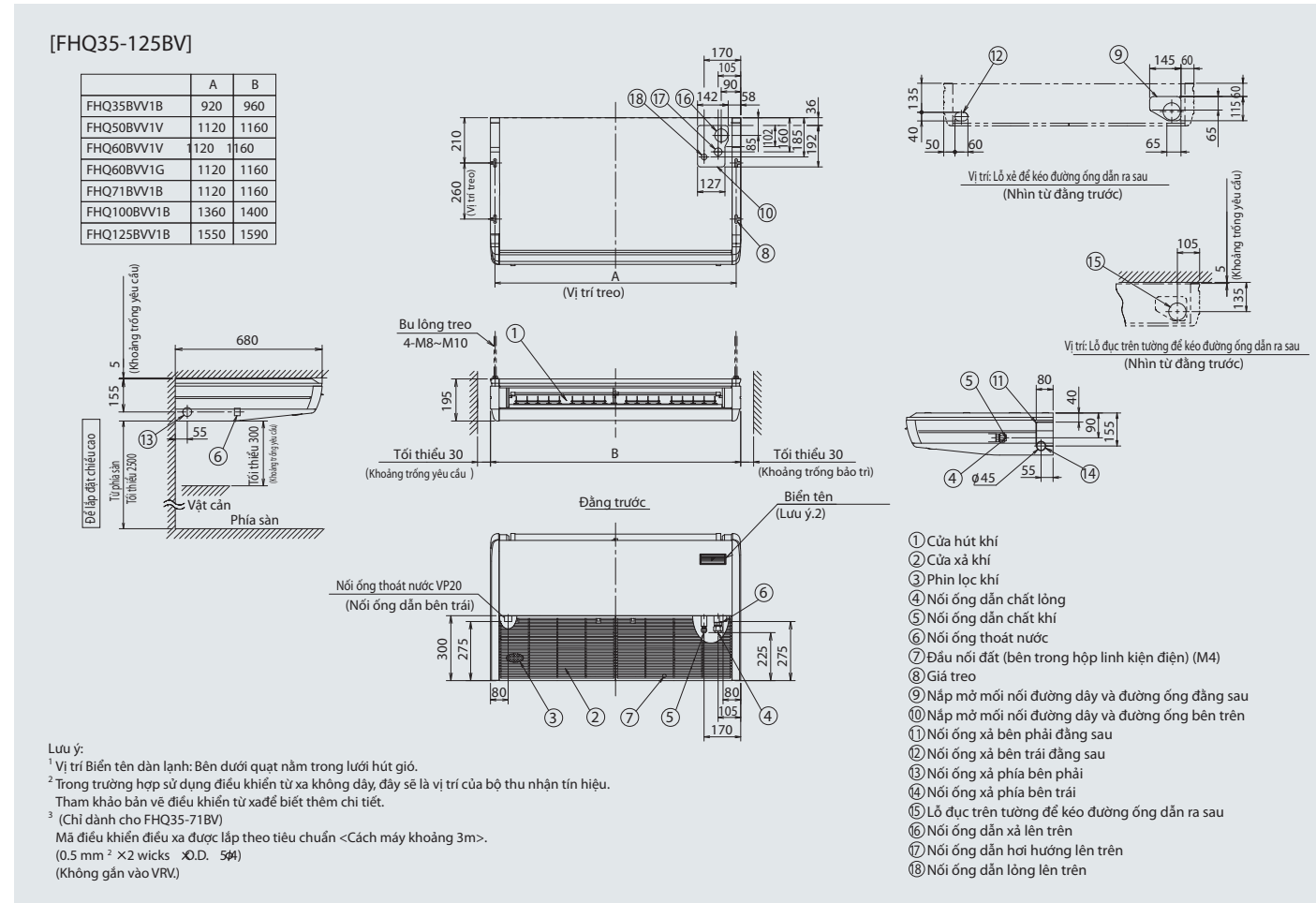
DÀN LẠNH CASSETTE ÂM TRẦN 4 HƯỚNG THỔI



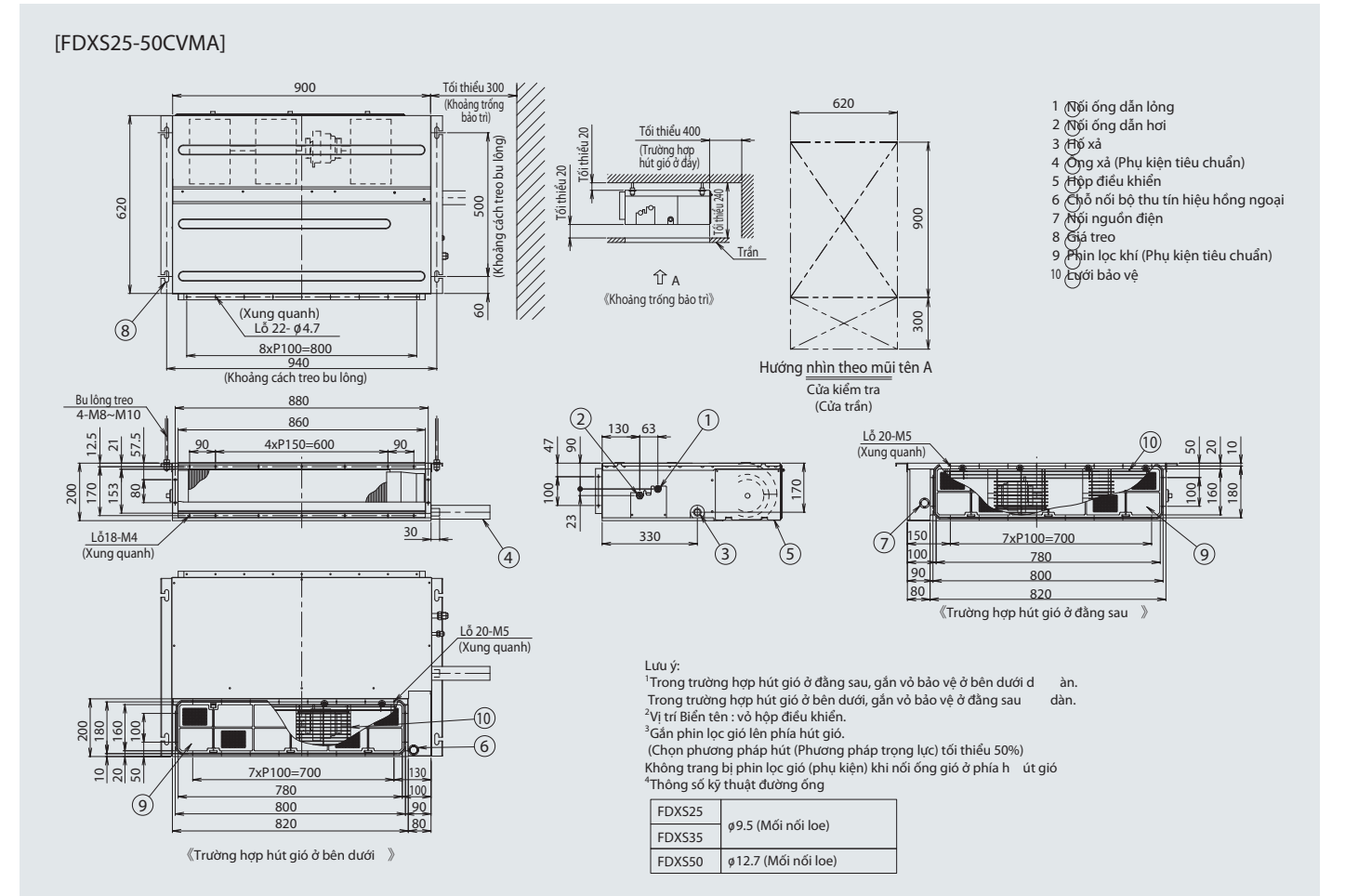
DÀN LẠNH ÁP TRẦN



DÀN LẠNH ÁP TRẦN



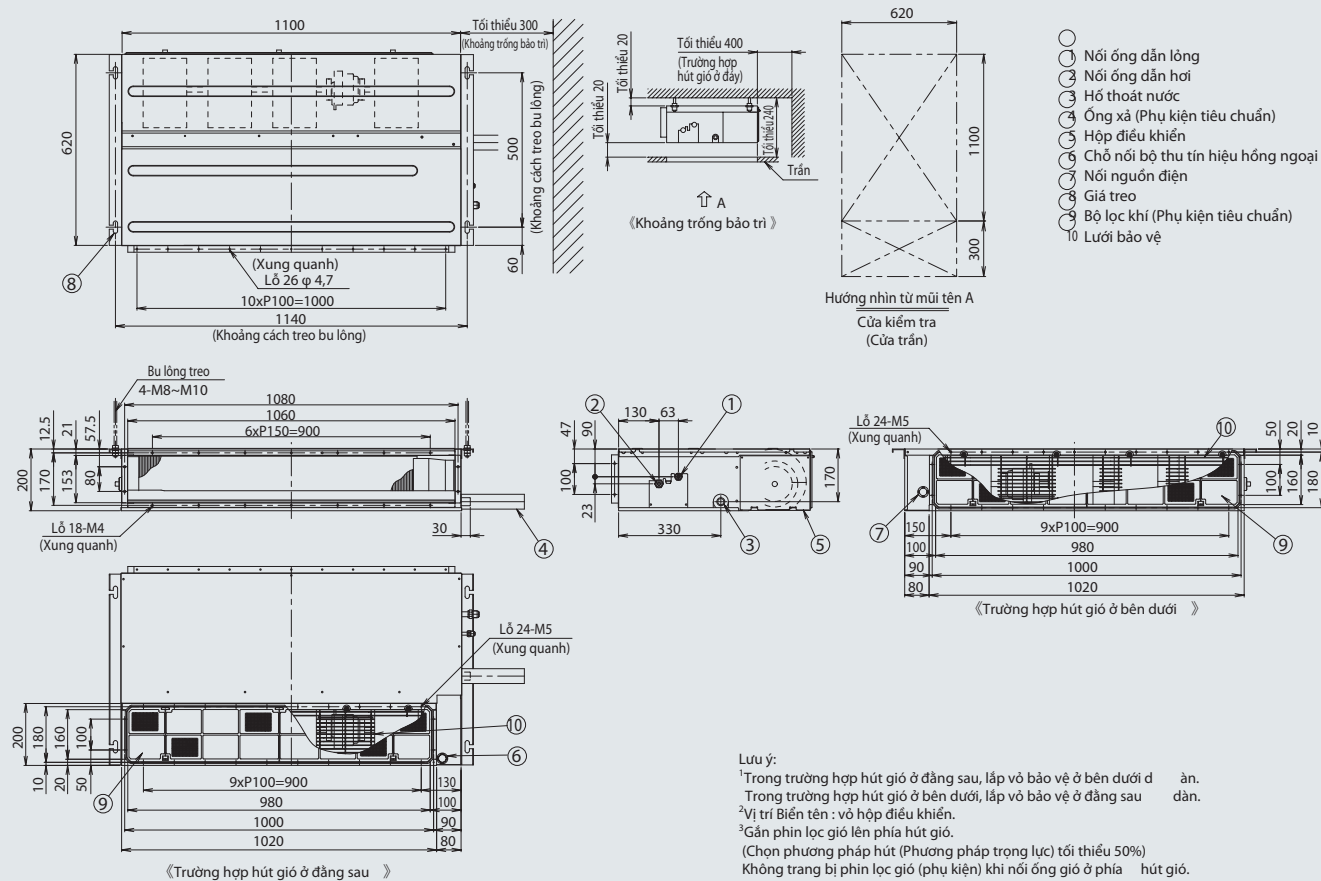
DÀN LẠNH ÂM TRẦN NỐI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG



KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

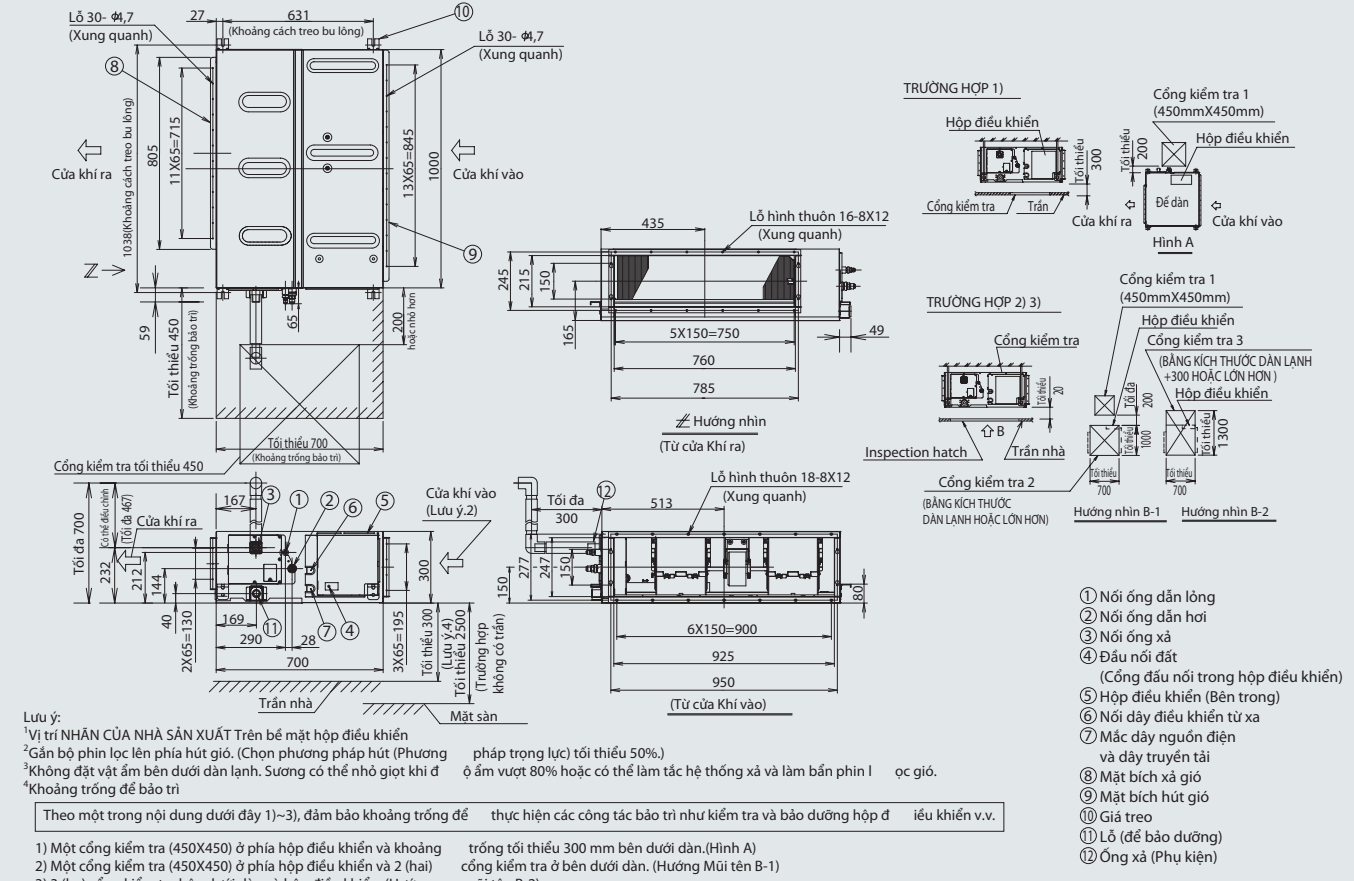
DÀN LẠNH ẨM TRẦN NỔI ỐNG GIÓ DẠNG MỎNG

[FDXS60CVMA]



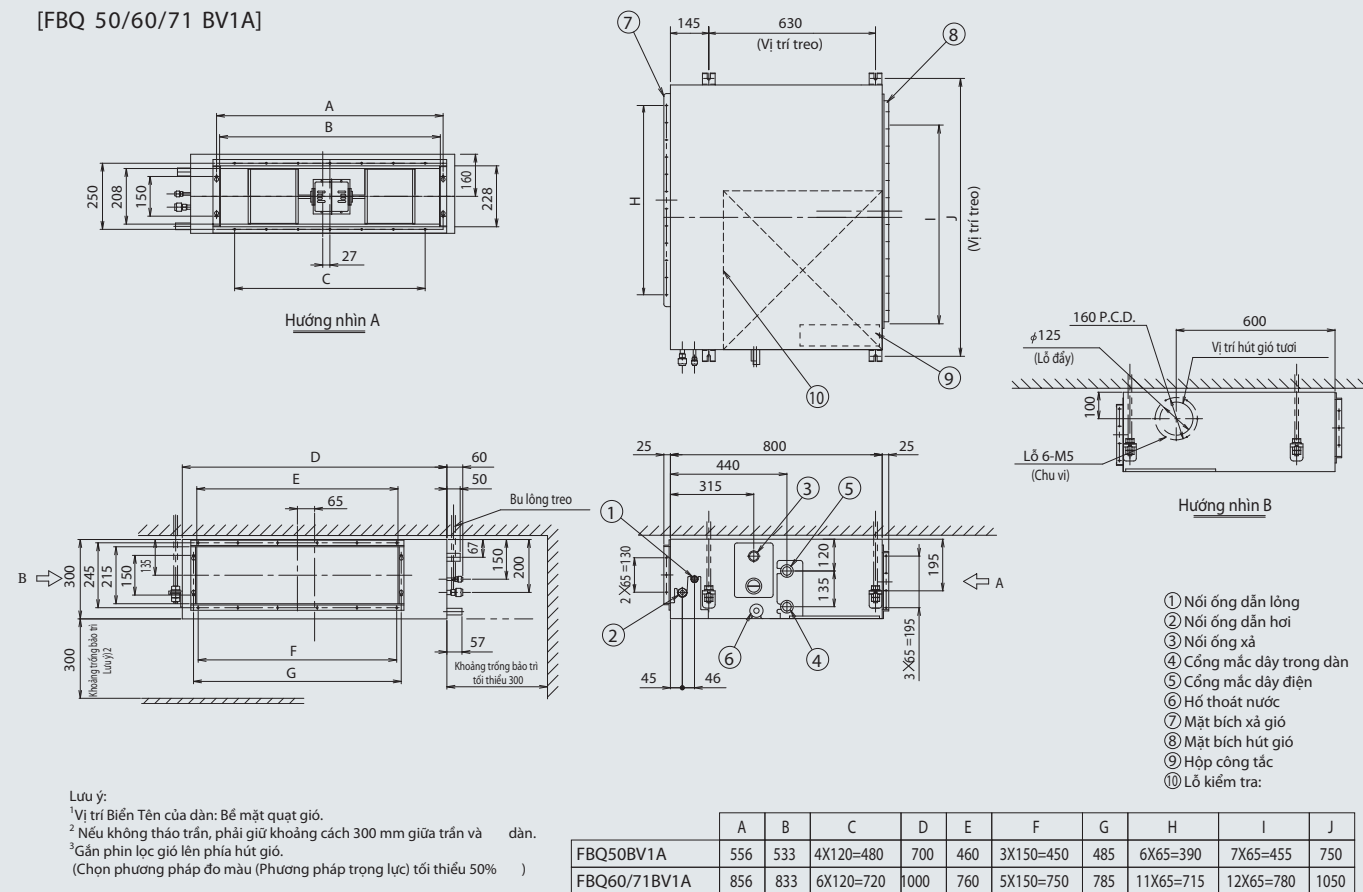
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH

[FBQ 50/60DV1V, 60/71 DV1]



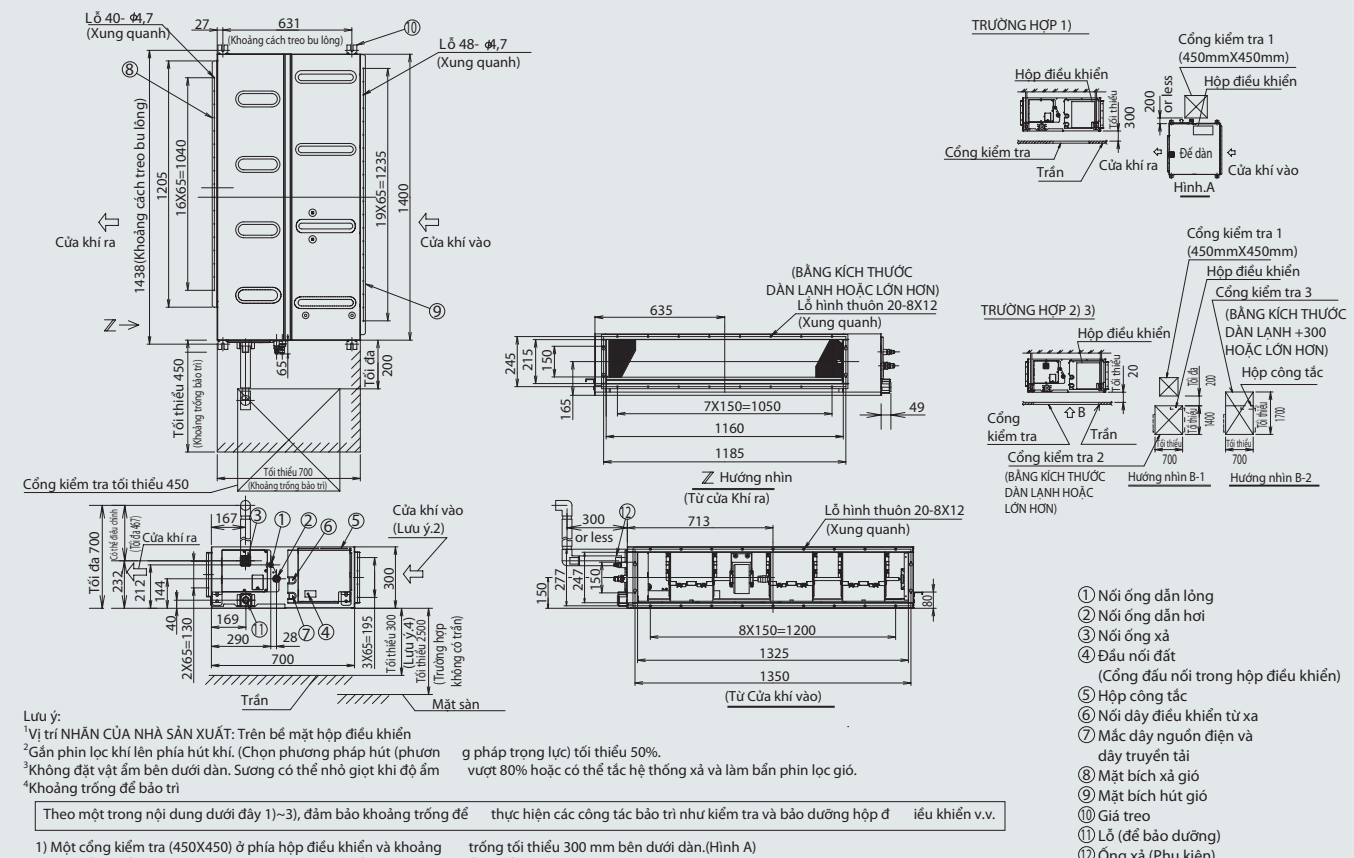
DÀN LẠNH GIẤU TRẦN

[FBQ 50/60/71 BV1A]



DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO & TRUNG BÌNH

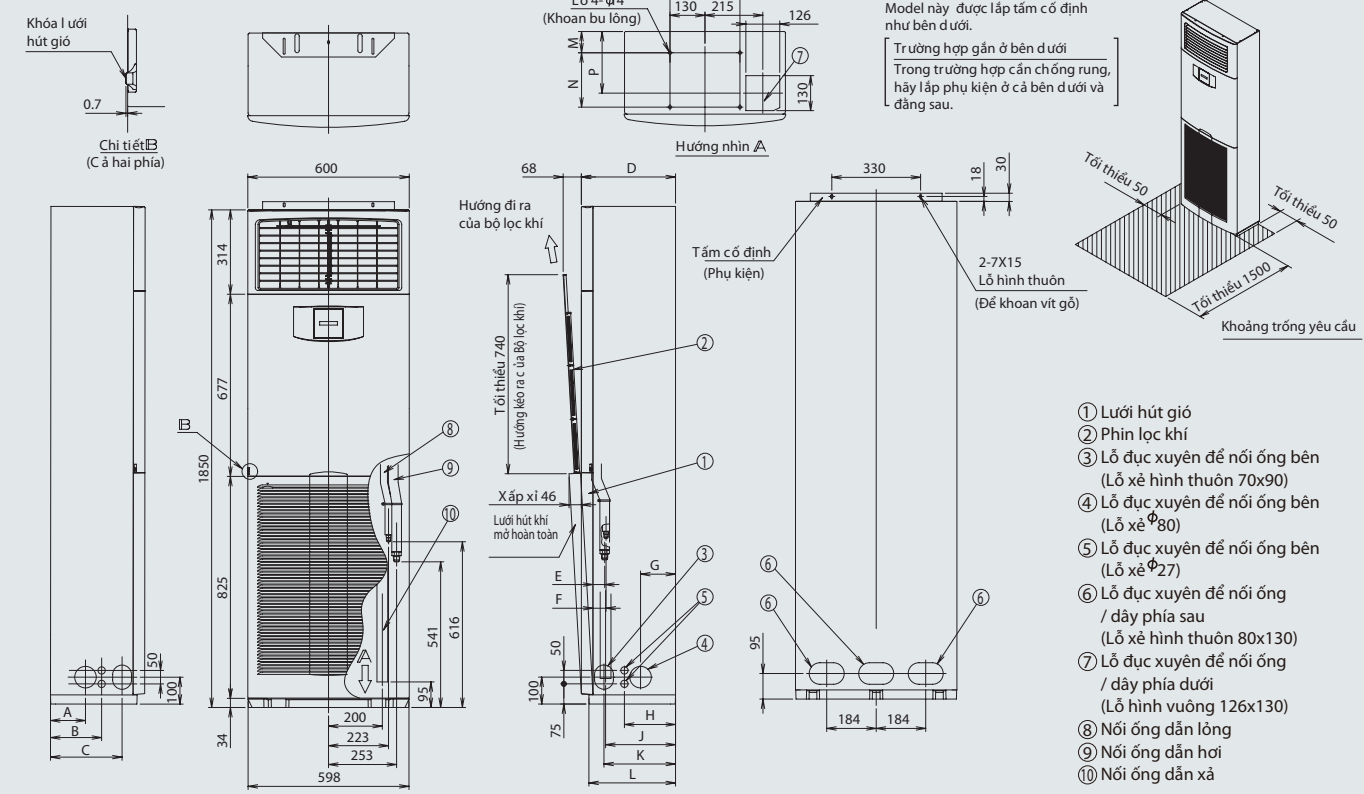
[FBQ 100/125/140 DV1]



KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

DÀN LẠNH TỦ ĐỨNG ĐẶT SÀN

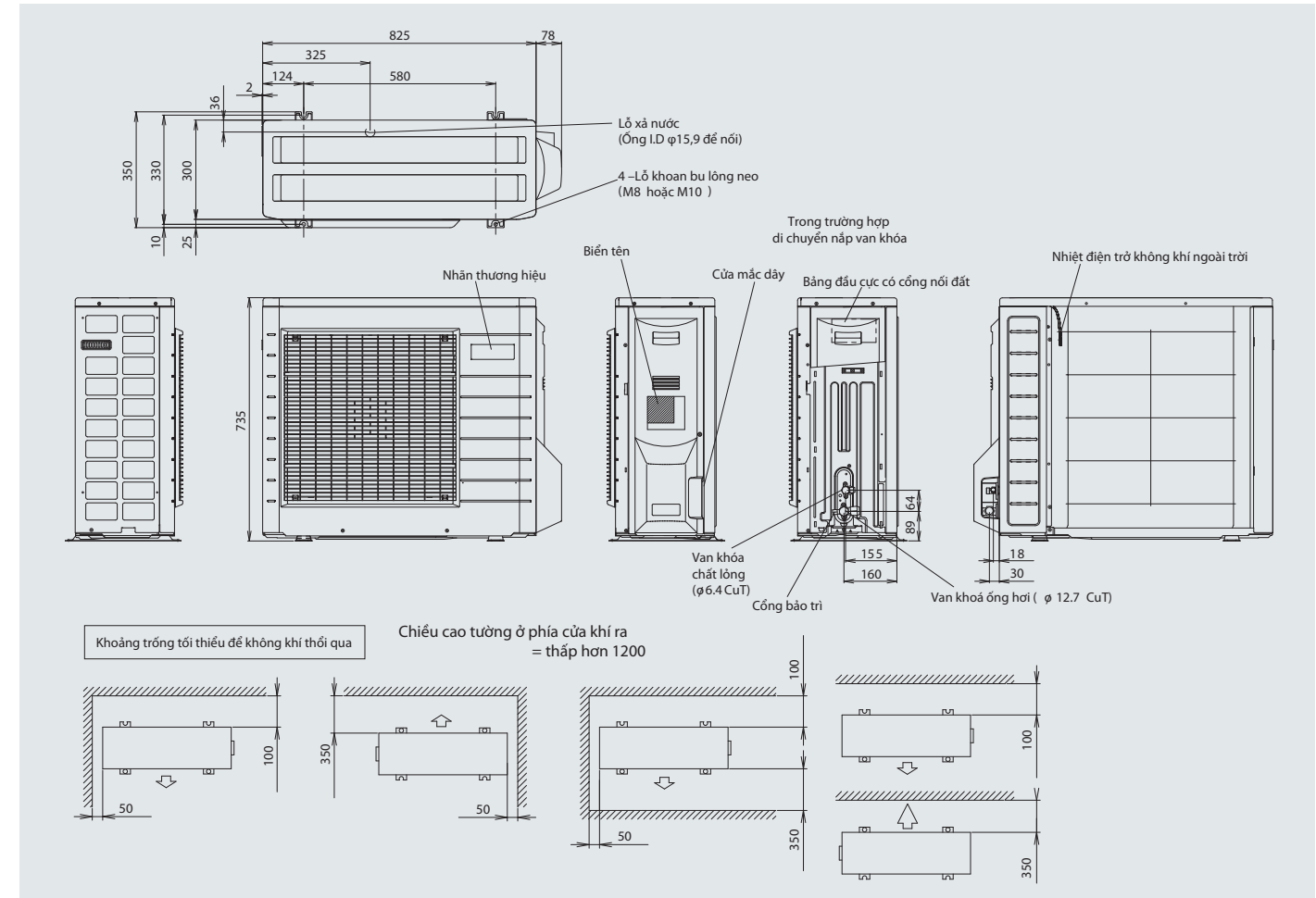
[FVQ 50/60CVE, 71/100/125/140CVEB]



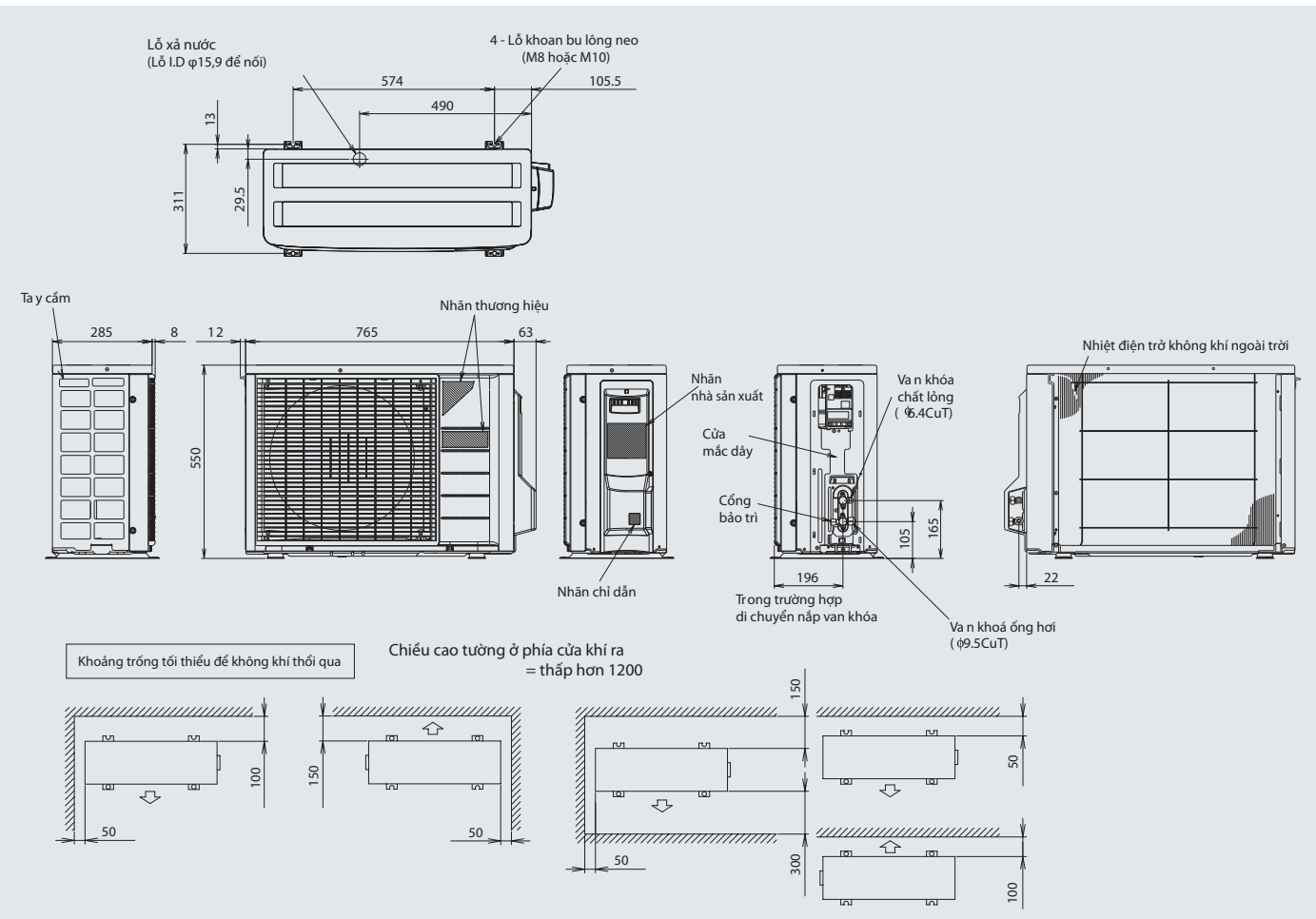
	A	B	C	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P
FVQ50/60CVE, 71CVEB	50	110	186	270	45	50	50	110	180	186	242	57	144	149
FVQ100/125/140CVEB	130	190	266	350	44	49	130	190	260	266	322	79	202	229

Lưu ý:
Vị trí dán nhãn của nhà sản xuất: trên bề mặt
vỏ hộp công tắc nằm bên trong Lưới hút khí.

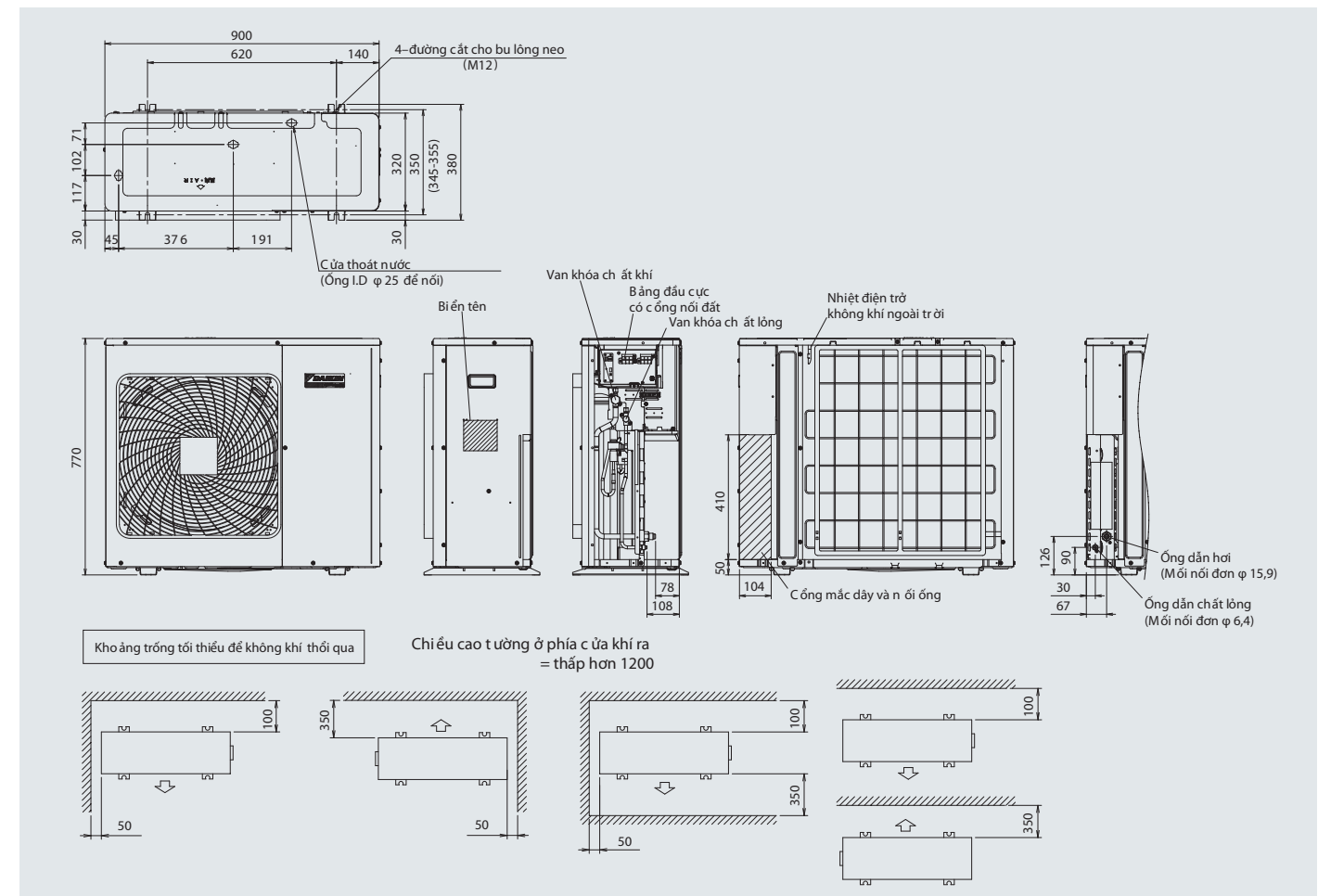
DÀN NÓNG // RKS50/60AVMG, RXS50FAVMA, RXS50/60FVMA



DÀN NÓNG // RKS25/35AVMG, RXS25/35EBVMA

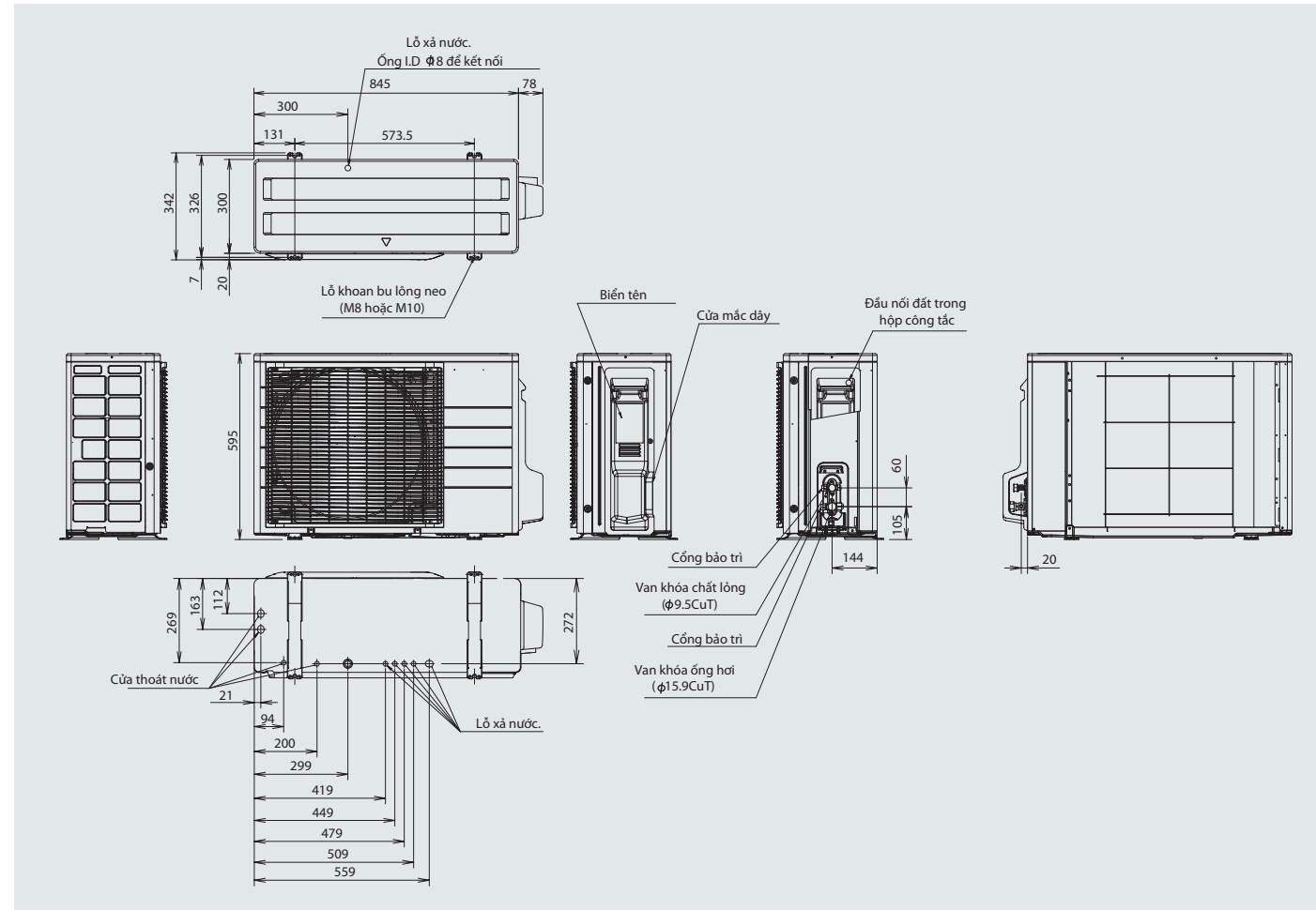


DÀN NÓNG // RXS71FVMA

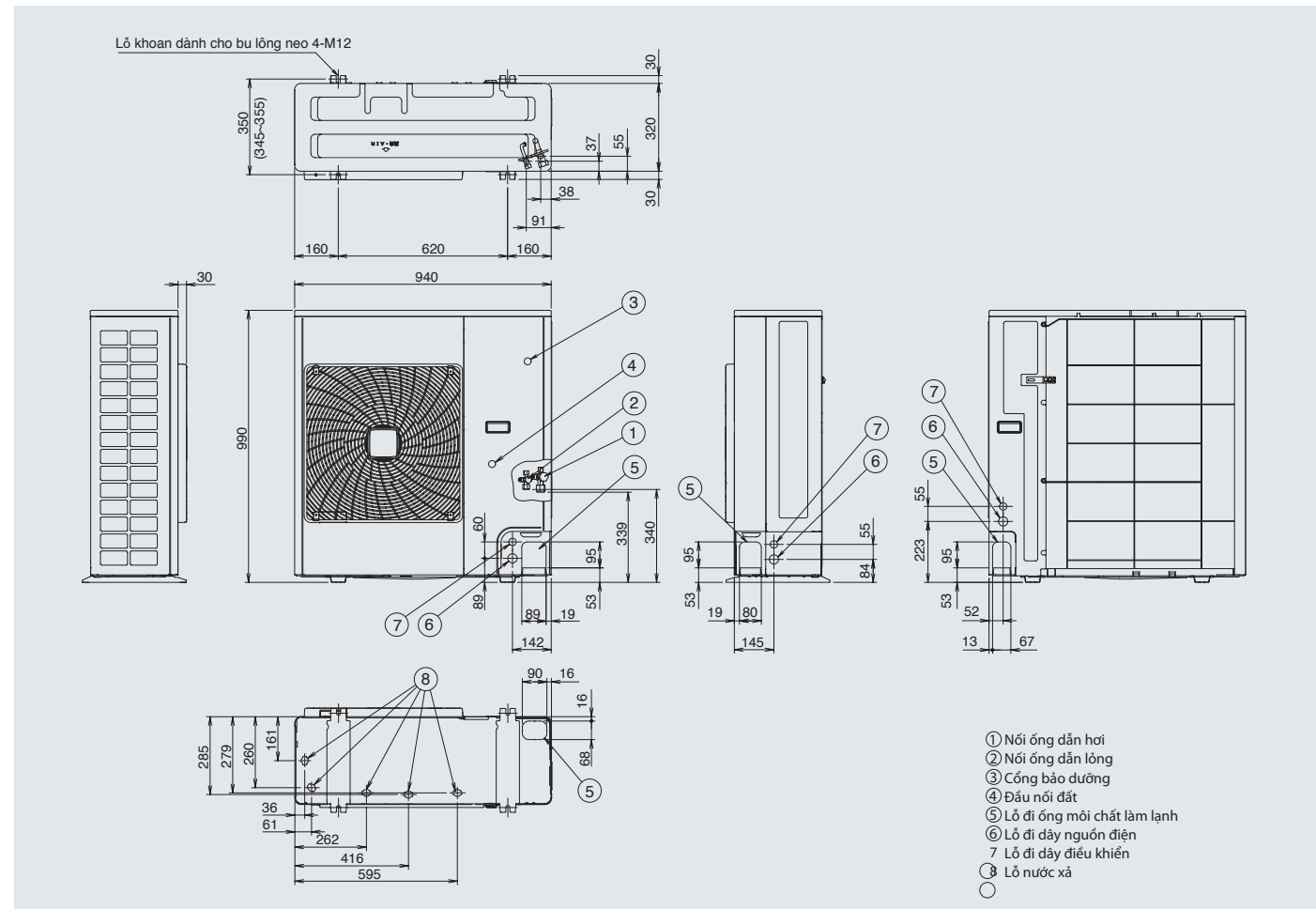


KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

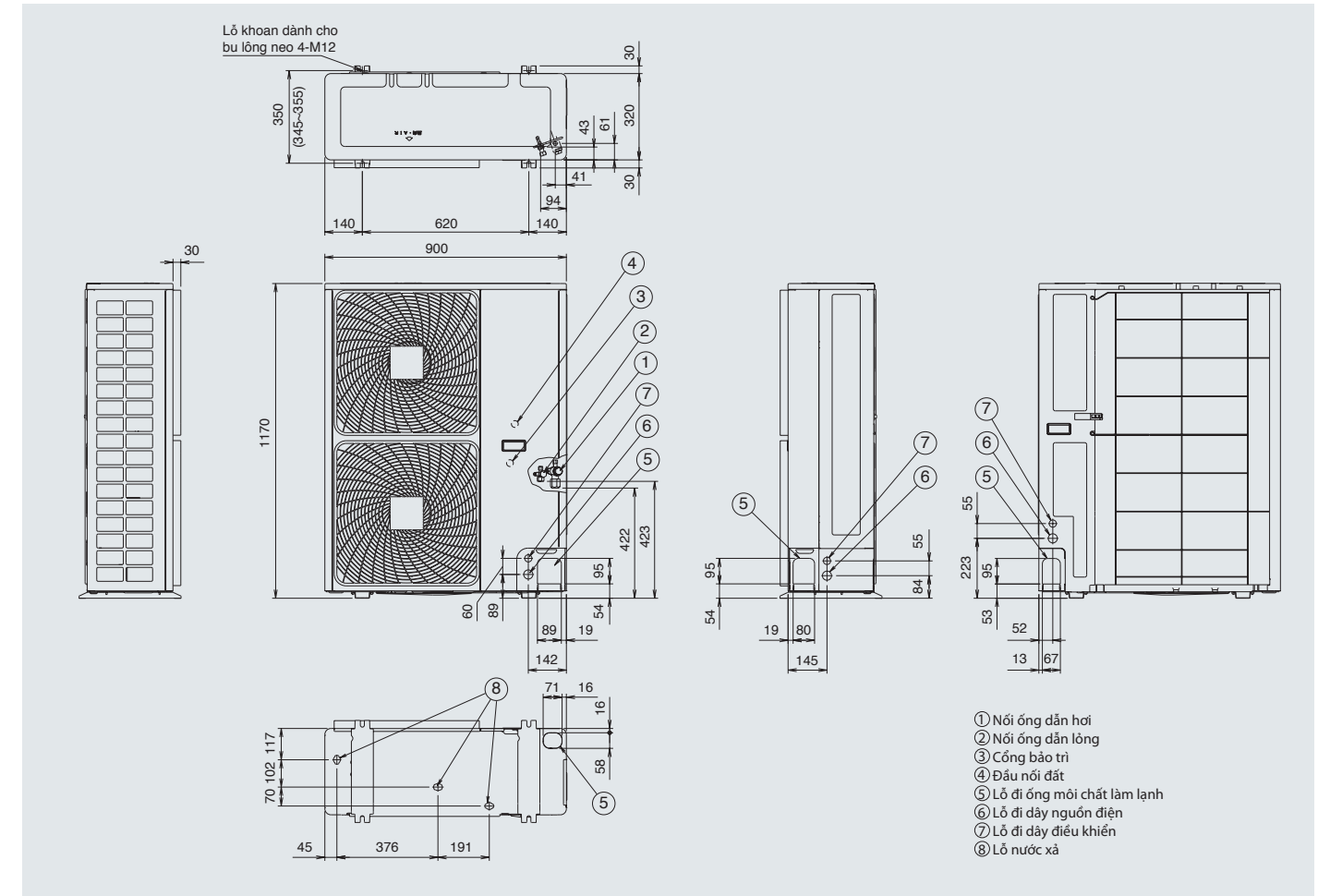
DÀN NÓNG // RZR50/60LUV1V, RZR50/60/71LVM



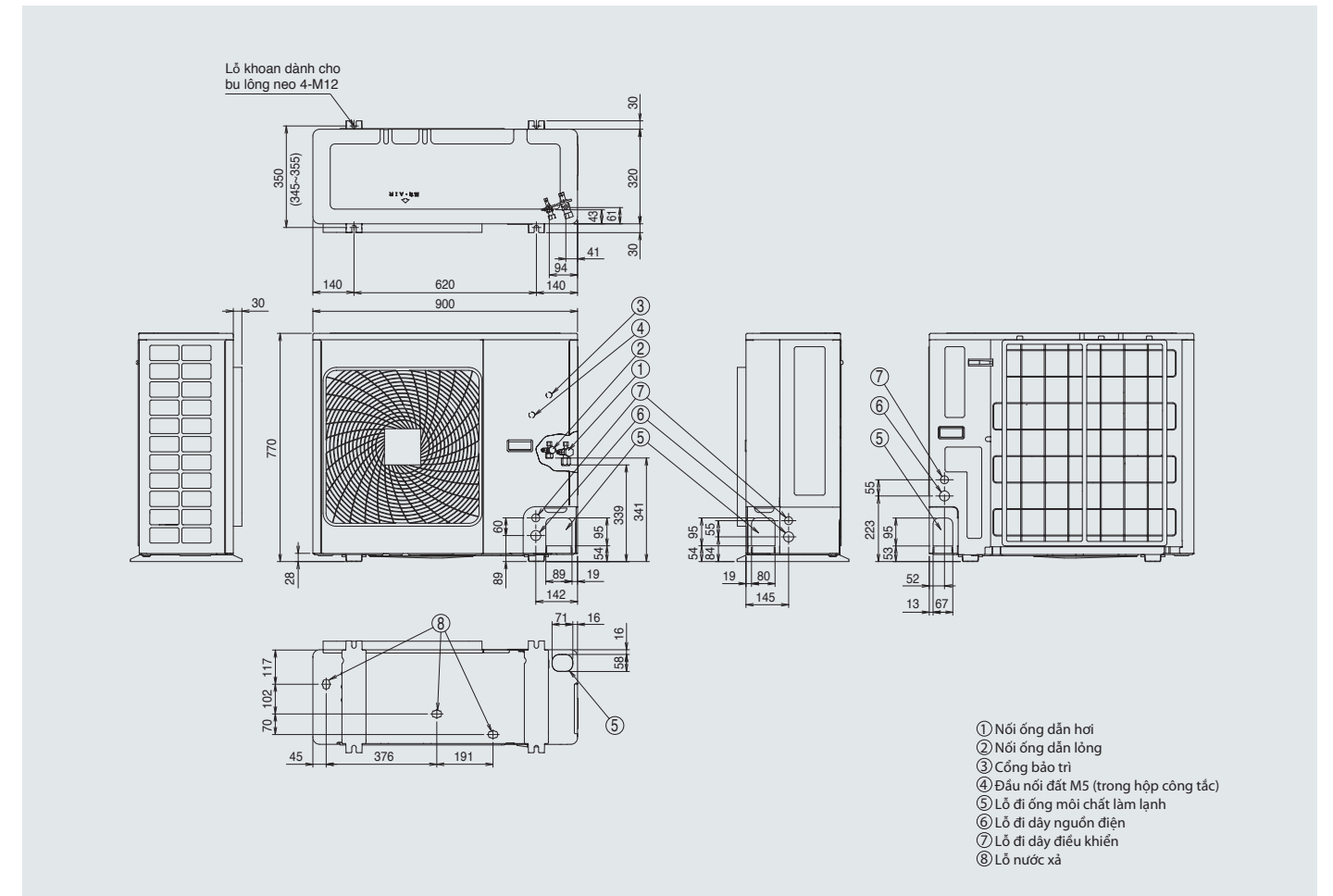
DÀN NÓNG // RZR100LVVM



DÀN NÓNG // RZR125/140LVVM, RZR100/125/140LUY1

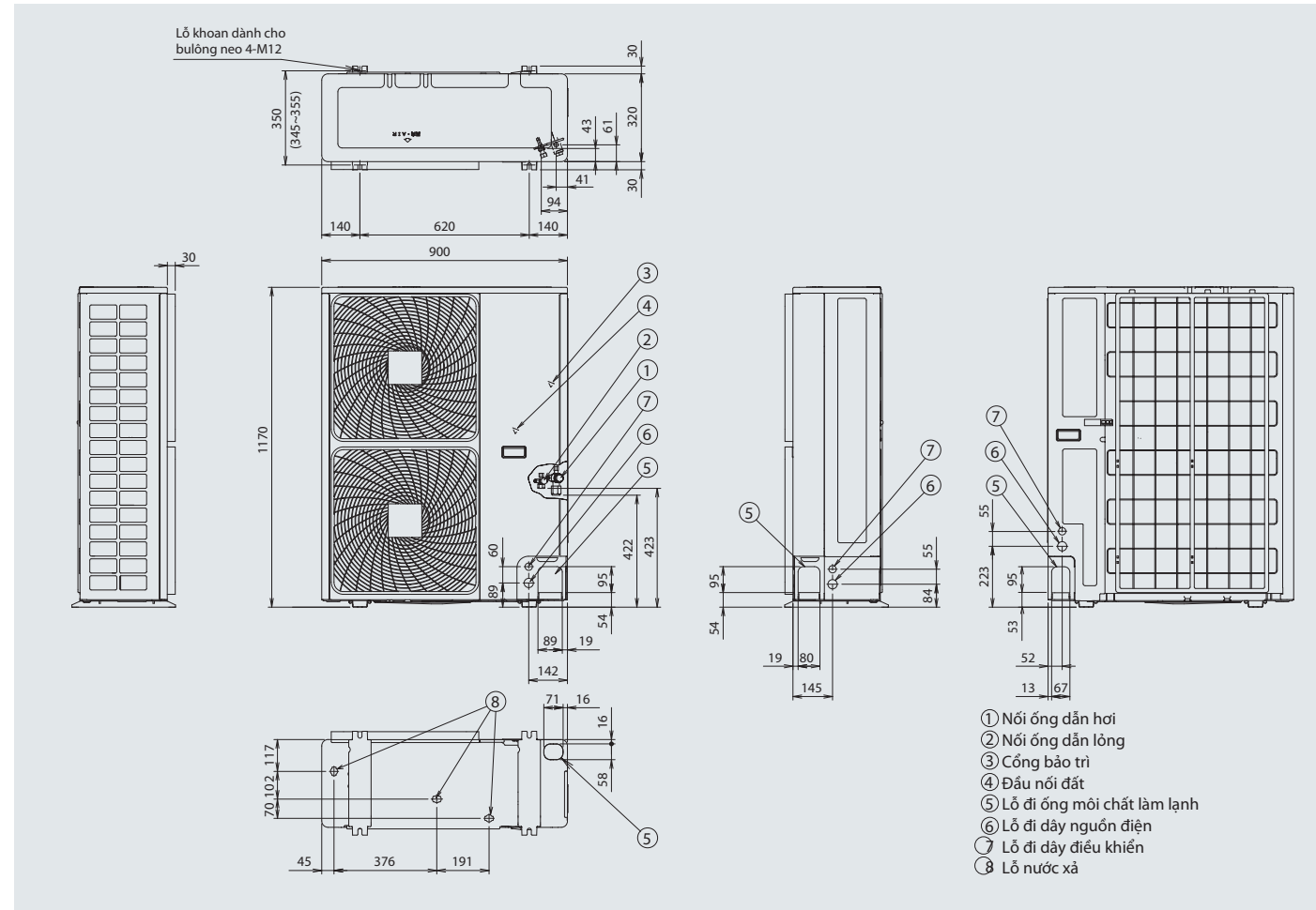


DÀN NÓNG // RZQ50/60KBV1V, RZQ50/60KBV4A, RZQ71KCV4A

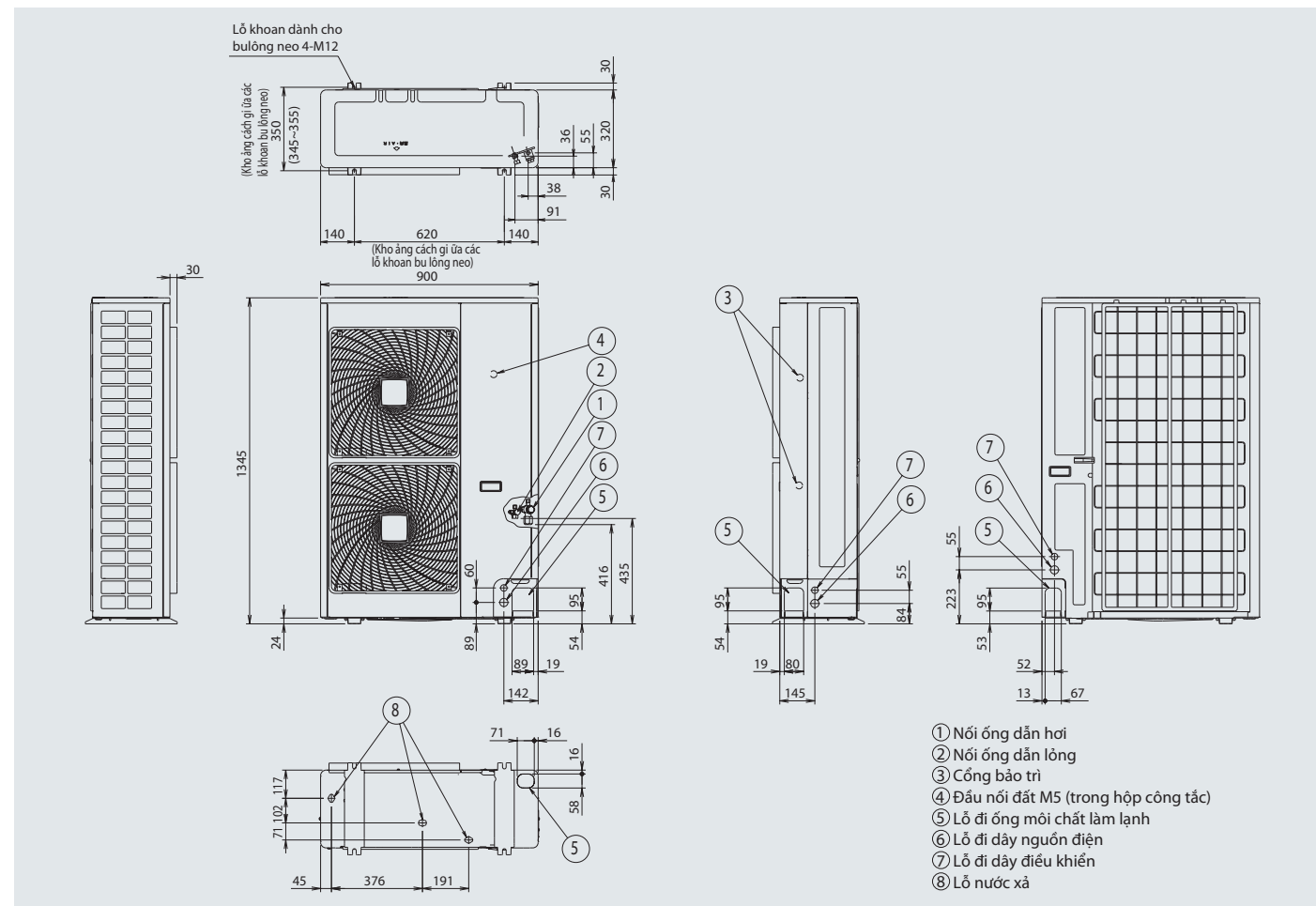


KÍCH THƯỚC (Đơn vị: mm)

DÀN NÓNG // RZQ100/125/140KCV4A



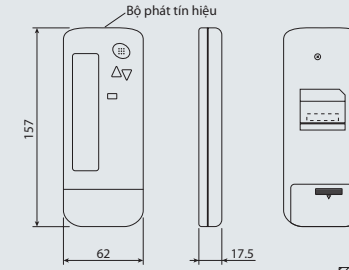
DÀN NÓNG // RZQ100/125/140HAY4A



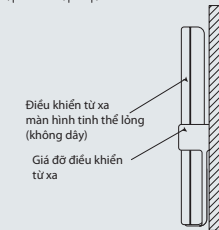
ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Loại không dây

• Kích thước điều khiển từ xa



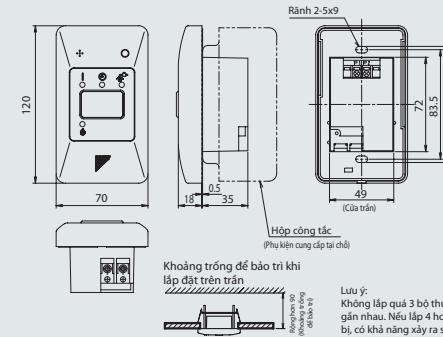
• Quy trình lắp đặt giá đỡ điều khiển từ xa <Lắp trên mặt tường>



Điều khiển từ xa màn hình tinh thể lỏng (không dây)
Giá đỡ điều khiển từ xa

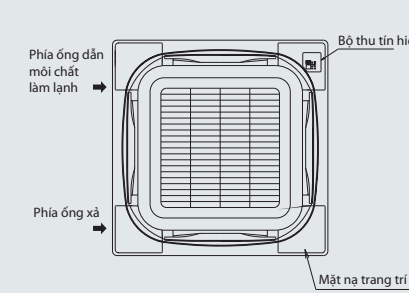
DÀN LẠNH K GIẤU TRẦN (BUILT-IN)
DÀN LẠNH NỔI ỐNG GIÓ, ÁP SUẤT TÍNH CAO VÀ TRUNG BÌNH

• Chi tiết bộ thu tín hiệu

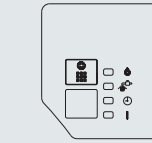


Lưu ý: Không lắp quá 3 bộ thu nhận tín hiệu gần nhau. Nếu lắp 4 hoặc trên 4 thiết bị, có khả năng xảy ra sự cố.

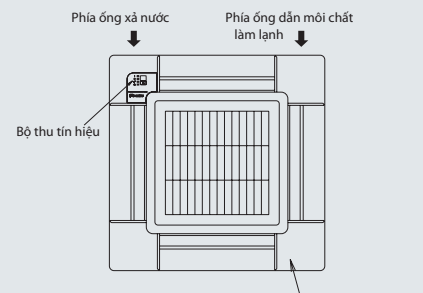
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN <Hướn <Thối Tròn>
• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu



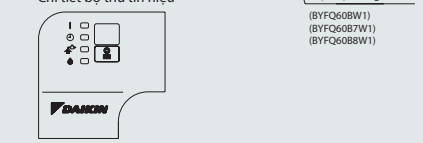
• Bộ thu tín hiệu chi tiết



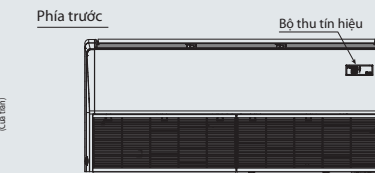
DÀN LẠNH CASSETTE ẨM TRẦN ĐA HƯỚNG THỐI
• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu



• Chi tiết bộ thu tín hiệu



DÀN LẠNH ÁP TRẦN
• Quy trình lắp đặt bộ thu tín hiệu

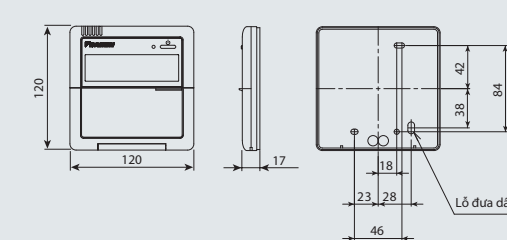


• Chi tiết bộ thu tín hiệu

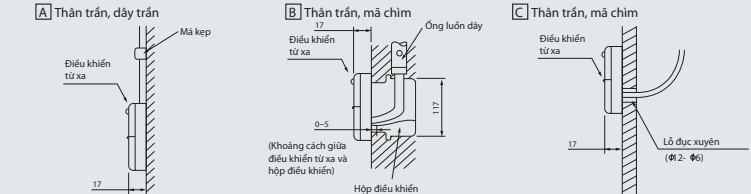


Loại có dây

BRC1E61



• Phương pháp lắp đặt

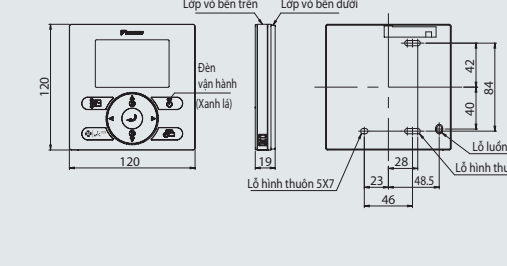


Thông số kỹ thuật của dây

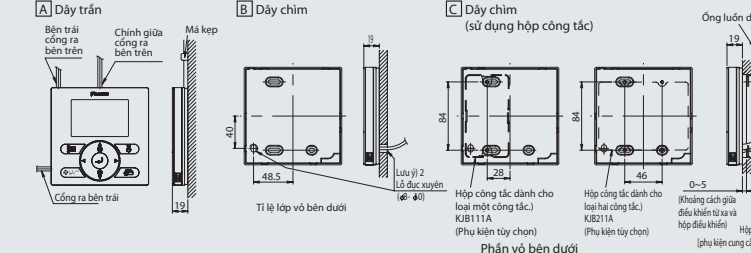
Loại	Dây có vỏ bọc (độ dày lớp cách ly: tối thiểu 1mm)
Kích cỡ	0.75-1.25 mm ²
Tổng chiều dài	500 m

Lưu ý)
1. Dây điều khiển từ xa và mã kẹp không đi kèm.
Những phụ kiện này được lắp tại chỗ.

BRC1E62



• Phương pháp lắp đặt



Lưu ý)
1. Dây điều khiển từ xa và mã kẹp không đi kèm. Những phụ kiện này được lắp tại chỗ.

Loại	Dây vinyl có vỏ bọc hoặc cáp (Độ dày lớp cách điện tối thiểu 1mm)
Kích thước	0.75-1.25 mm ²
Tổng chiều dài	500 m

2. Nếu kích thước của lỗ quá lớn, hoặc vị trí không chuẩn, lỗ sẽ nhỏ hơn điều khiển từ xa.

Không gian lắp đặt dàn nóng

Dành cho RZR50/60LU/LV, 70-140LVVM, RZR100-140LUY1

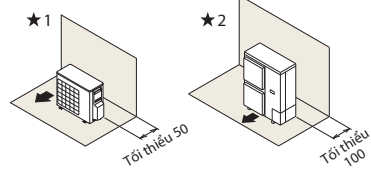
★1.RZR50/60LU/LV, RZR71LVVM 2.RZR100-140LVVM, RZR100-140 LUY1

1) Khi có vật chắn ở phía hút vào

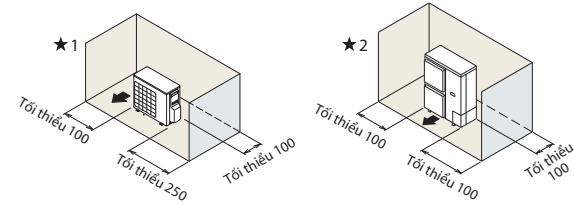
1) Khi không gian trên đầu thoáng

1. Khi chỉ lắp một dàn nóng

Khi chỉ có vật chắn ở phía hút vào

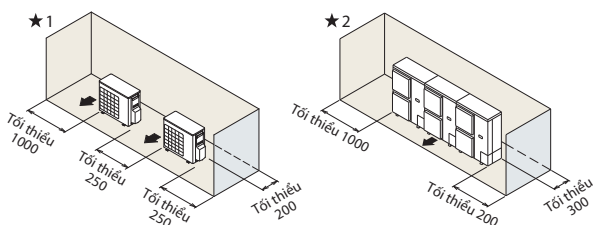


Khi có vật chắn ở cả hai phía



2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)

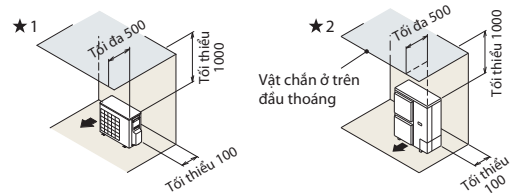
Khi có vật chắn ở cả hai phía



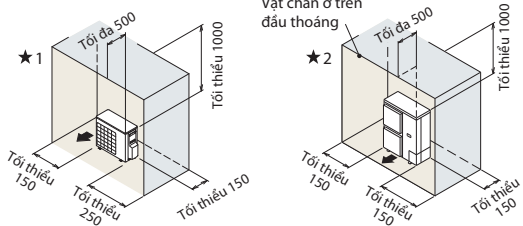
2) Khi có vật chắn ở phía trên

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn

Khi có vật chắn ở phía hút vào

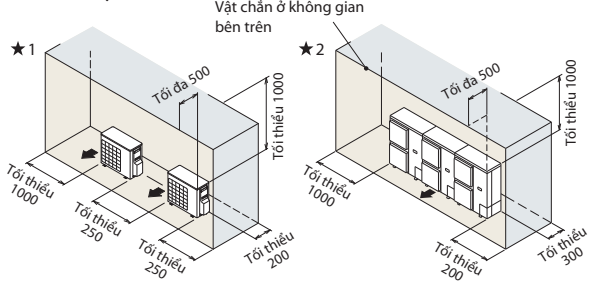


Khi có vật chắn ở phía hút vào và ở hai bên cạnh



2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)

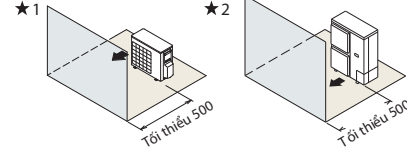
Khi có vật chắn ở phía hút vào và ở hai bên cạnh



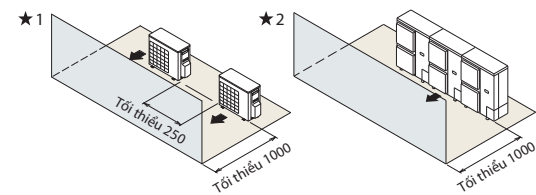
2) Khi có vật chắn ở phía cửa thổi ra

1) Khi không gian trên đầu thoáng

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn

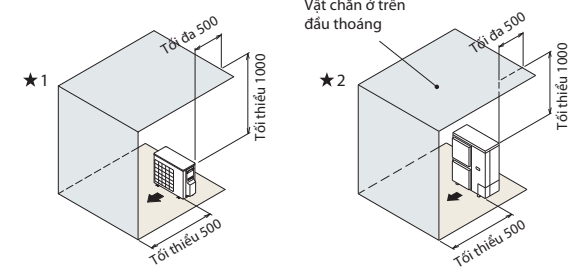


2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)

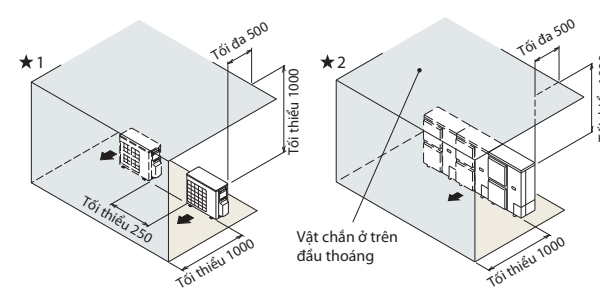


2) Khi có vật chắn ở phía trên

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn



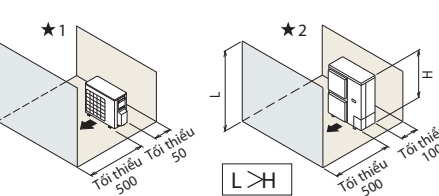
2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)



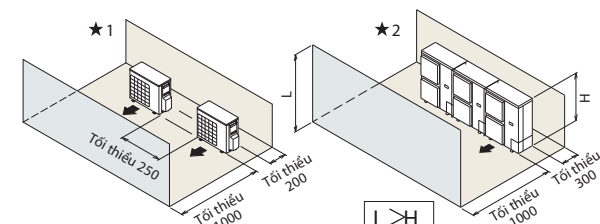
3) Khi có vật chắn ở hai phía cửa thổi ra và hút vào (Vật chắn ở cửa thổi ra cao hơn dàn)

1) Khi không gian trên đầu thoáng (Không giới hạn chiều cao của vật chắn ở phía cửa thổi ra.)

1. Khi chỉ lắp một dàn nóng



2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)



Đối với RZQ50/60KBV1V/V4A, RZQ71-140KCV4A, RZQ100-140HAY4A

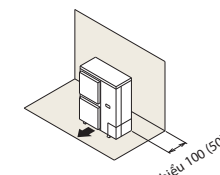
Giá trị mô tả cho RZQ100-140KCV4A và RZQ100-140HAY4A. Kích thước trong () dành cho RZQ50/60KB và RZQ71KCV4A (Đơn vị tính là m)

1) Khi có vật chắn ở phía cửa thổi vào

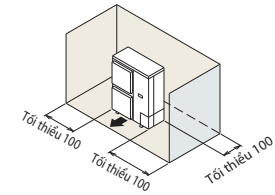
1) Khi không gian trên đầu thoáng

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn

Khi chỉ có vật chắn ở phía hút vào

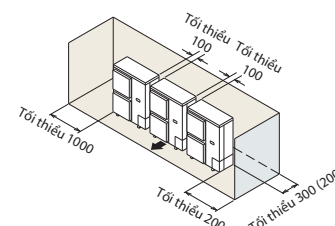


Khi có vật chắn ở hai phía



2. Khi lắp theo dãy (Tối thiểu 2 dàn)

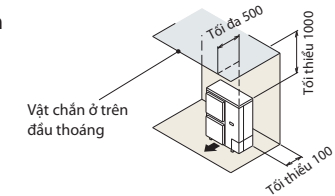
Khi có vật chắn ở hai phía



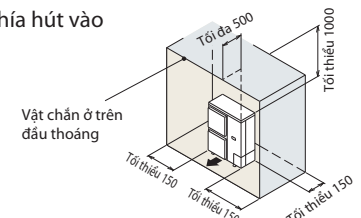
2) Khi có vật chắn ở phía trên

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn

Khi có vật chắn ở phía hút vào

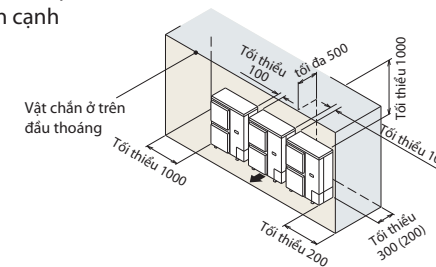


Khi có vật chắn ở phía hút vào và ở hai bên cạnh



2. Khi lắp theo dãy (tối thiểu 2 dàn)

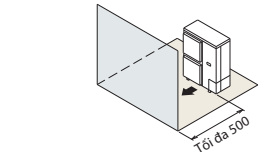
Khi có vật chắn ở phía hút vào và ở hai bên cạnh



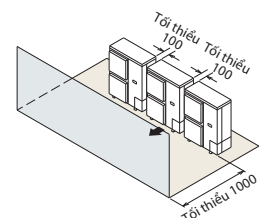
2) Khi có vật chắn ở phía cửa thổi ra

1) Khi không gian ở phía trên đầu thoáng

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn

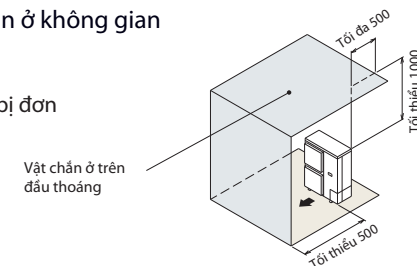


2. Khi lắp theo dãy (Tối thiểu 2 dàn)

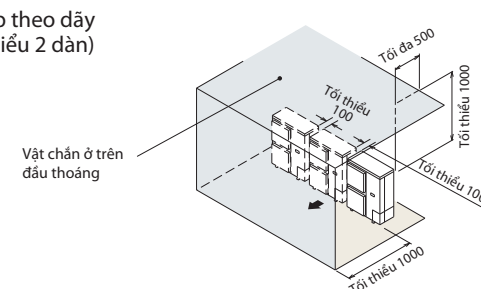


2) Khi có vật chắn ở không gian bên trên

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn



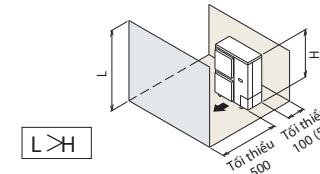
2. Khi lắp theo dãy (Tối thiểu 2 dàn)



3) Khi có vật chắn ở hai phía cửa thổi ra và hút vào (Vật chắn ở cửa thổi ra cao hơn dàn)

1) Khi không gian trên đầu thoáng (Không giới hạn chiều cao của vật chắn ở phía cửa thổi ra.)

1. Khi chỉ lắp thiết bị đơn



2. Khi lắp theo dãy (Tối thiểu 2 dàn)

